



DANH SÁCH LỊCH THI CA THI VÒNG 1
CUỘC THI TOEFL JUNIOR CHALLENGE HÀ NỘI NĂM HỌC 2016 - 2017



Địa điểm dự thi: Trường Marie Curie

Địa chỉ: Phố Trần Văn Lai, KĐT Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Ngày thi: Chủ nhật 25/9/2016

Chú ý: Ấn phím tắt **Ctrl + F** sau đó tìm thông tin dự thi của thí sinh theo Họ và tên một cách thuận tiện nhất.

Thông tin danh sách dự thi được sắp xếp theo thứ tự số báo danh.

Hotline: 1900 636 929

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1	Đặng Ngọc Hoàng Anh	26-11-05	61111417	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
2	Đào Mai Anh	27-06-05	61111418	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
3	Đinh Hiều Minh	26-09-05	61111419	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
4	Đỗ Hoàng Phương Linh	31-07-05	61111420	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
5	Đỗ Phạm Minh Khôi	01-06-05	61111421	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
6	Đỗ Thị Diệu Minh	04-12-05	61111422	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
7	Dương Ngọc Bảo Minh	08-10-05	61111423	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
8	Hồ Tuấn Kiệt	05-11-05	61111424	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
9	Lâm Đức Long	26-07-05	61111425	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
10	Lê Minh Đức	13-11-05	61111426	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
11	Lê Quang Đức	07-11-05	61111427	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
12	Ngô Văn Ngọc	09-01-05	61111428	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
13	Nguyễn Bá Việt Anh	03-11-05	61111429	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
14	Nguyễn Hoàng Bảo Khanh	23-02-05	61111430	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
15	Nguyễn Lê Khánh Linh	13-10-05	61111431	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
16	Nguyễn Minh Đức	17-11-05	61111432	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
17	Nguyễn Ngọc Linh	31-03-05	61111433	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
18	Nguyễn Sỹ An	13-11-05	61111434	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
19	Nguyễn Thành Minh	08-12-05	61111435	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
20	Nguyễn Trâm	Anh	21-01-05	61111436	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
21	Phan Anh	Hoàng	24-06-05	61111437	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
22	Trần Lê Hà	Trang	13-07-05	61111438	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
23	Trần Ngọc	Nam	26-11-05	61111439	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
24	Trần Thị Cẩm	Ly	22-09-05	61111440	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 1 (7h30-9h)
25	Trần Xuân	An	31-10-05	61111441	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
26	Vũ Trang	Nhung	16-03-05	61111442	6	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
27	Đàm Trọng	Bách	26-02-04	61111443	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
28	Hồ Cẩm	Tú	10-04-04	61111446	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
29	Hoàng Nguyễn Phương	Anh	14-09-04	61111447	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
30	Lê Đức	Anh	12-03-04	61111448	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
31	Nguyễn Hoàng	Duy	14-03-04	61111450	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
32	Nguyễn Phương	Nga	27-02-04	61111451	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
33	Phạm Quốc	Bảo	29-12-03	61111453	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
34	Tổng Tuệ	Phong	09-07-04	61111454	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
35	Vũ Ngọc Thiên	Anh	21-12-05	61111455	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
36	Hoàng Nguyễn Thái	Quang	05-11-03	61111456	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
37	Lê Đức Quang	Khải	21-12-03	61111457	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
38	Lê Duy	Hiếu	02-02-03	61111458	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
39	Nguyễn Bá Việt	Dũng	17-08-03	61111459	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
40	Nguyễn Đình Ân	Quang	20-07-03	61111460	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
41	Trần Hoàng Hải	Nguyên	24-02-03	61111461	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
42	Trịnh Diễm	Quỳnh	09-10-03	61111462	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
43	Vũ Quỳnh	Liên	16-08-03	61111463	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
44	Bùi Đức	Quang	01-10-02	61111464	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
45	Đỗ Quỳnh	Trang	27-09-04	61111444	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
46	Đỗ Quỳnh Trang	27-09-04	61111445	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
47	Nguyễn Đăng Quân	01-11-04	61111449	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
48	Nguyễn Quang Minh	18-06-04	61111452	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 1 (7h30-9h)
49	Lê Phạm Thiên Ân	29-10-02	61111467	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
50	Nguyễn Lê Cẩm Anh	25-03-02	61111468	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
51	Nguyễn Nam Phương	08-10-02	61111469	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
52	Nguyễn Trần Quỳnh Trang	12-08-02	61111470	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
53	Nguyễn Việt Anh	12-07-02	61111471	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
54	Phạm Tường Linh	25-07-02	61111472	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
55	Trần Minh Hiếu	29-10-02	61111473	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
56	Trương Thành Đạt	10-07-02	61111474	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
57	Hồng Vĩ Khang	05-10-05	61111475	6H3	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
58	Dương Mỹ An	02-09-02	61111465	9	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
59	Bạch Hồng Hạnh	15-08-05	61111476	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
60	Bùi Quang Vinh	19-04-05	61111477	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
61	Đào Văn Nam	18-02-05	61111478	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
62	Đỗ Công Thanh	16-08-05	61111479	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
63	Đỗ Đắc Hiếu	8-2-2005	61111480	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
64	Hà Đức Hùng	07-10-05	61111481	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
65	Hoàng Thị Minh Nguyệt	26-09-05	61111482	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
66	Lê Đức Hoàng Anh	05-02-05	61111483	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
67	Lê Quang Đạo	17-01-05	61111484	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
68	Lê Văn Tùng	21-09-05	61111485	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
69	Mai Thị Thanh Huyền	21-12-05	61111486	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
70	Nguuyễn Như Quỳnh	12-02-05	61111487	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)
71	Nguyễn Bích Phượng	03-05-05	61111488	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
72	Nguyễn Cẩm Tú	14-11-05	61111489	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
73	Nguyễn Đắc Hoàng Anh	01-03-05	61111490	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
74	Nguyễn Đình Anh Quân	10-02-05	61111491	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
75	Nguyễn Đức Trung	09-10-05	61111492	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
76	Nguyễn Hải Anh	25-02-05	61111493	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
77	Nguyễn Hải Linh	31-07-05	61111494	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
78	Nguyễn Hoàng Văn Nương	14-03-05	61111495	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
79	Nguyễn Hồng Anh	29-08-05	61111496	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
80	Nguyễn Lê Ngọc Bảo	23-07-05	61111497	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
81	Nguyễn Ngọc Ánh	09-05-05	61111498	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
82	Nguyễn Ngọc Anh	10-06-05	61111499	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
83	Nguyễn Ngọc Bình Dương	29-12-05	61111500	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
84	Nguyễn Phương Thảo	19-08-05	61111501	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
85	Nguyễn Quang Đại	21-01-05	61111502	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
86	Nguyễn Quý Tuấn	21-08-05	61111503	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
87	Nguyễn Thị Hạnh	31-08-05	61111504	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
88	Nguyễn Thị Châu Anh	03-11-05	61111505	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
89	Nguyễn Thiện Đức Thắng	09-07-05	61111506	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
90	Nguyễn Thu TrangA	31-10-05	61111507	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
91	Nguyễn Thu TrangB	28-07-05	61111508	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
92	Nguyễn Thúy Hằng	25-02-05	61111509	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
93	Nguyễn Thùy Linh	06-05-05	61111510	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
94	Nguyễn Tú Anh	06-09-05	61111511	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
95	Nguyễn Văn Cường	27-02-05	61111512	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 1 (7h30-9h)
96	Nguyễn Văn Duy	28-04-05	61111513	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
97	Nguyễn Văn Hải	10-01-05	61111514	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
98	Nguyễn Viết Trí	27-05-05	61111515	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
99	Nguyễn Xuân Toàn	03-12-05	61111516	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
100	Trịnh Minh Hằng	26-10-04	61111517	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
101	Vương Bảo Long	18-07-05	61111518	6A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
102	Đặng Hồng Ngọc	01-8-2005	61111519	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
103	Đào Minh Trung		61111520	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
104	Đào Văn Tiến	28-12-05	61111521	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
105	Đỗ Công Trí	14-02-05	61111522	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
106	Đỗ Linh Chi	28-04-05	61111523	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
107	Dương Duy Doanh	30-06-05	61111524	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
108	Hà Minh Thư	23-02-05	61111525	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
109	Hoàng Công Đoàn	21-12-05	61111526	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
110	Lê Quý Đạt	29-08-05	61111527	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
111	Lê Thanh Bình	26-08-05	61111528	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
112	Lê Văn Vinh	22-03-05	61111529	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
113	Lê Xuân Tú	07-6-2005	61111530	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
114	Lưu Thị Minh Châu	21-03-05	61111531	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
115	Mai Huy Hoàng		61111532	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
116	Ngô Anh Minh	11-10-05	61111533	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
117	Ngô Như Hiếu	03-11-2005	61111534	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
118	Ngô Phương Nhi	22-01-05	61111535	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
119	Ngô Quang Huy	12-10-05	61111536	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 1 (7h30-9h)
120	Ngô Quang Huy	10-12-05	61111537	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
121	Ngô Việt Anh	08-6-2005	61111538	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
122	Nguyễn Công Sơn	15-09-05	61111539	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
123	Nguyễn Đắc Nhật Minh	05-8-2005	61111540	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
124	Nguyễn Đăng	Dương	19-01-05	61111541	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
125	Nguyễn Huy	Hoàn	30-08-05	61111542	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
126	Nguyễn Khánh	Linh		61111543	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
127	Nguyễn Như	Quỳnh	22-04-05	61111544	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
128	Nguyễn Phạm Tiến	Đạt	09-8-2005	61111545	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
129	Nguyễn Phương	Linh	05-10-2005	61111546	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
130	Nguyễn Quý	Bách	16-02-05	61111547	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
131	Nguyễn Sơn	Tùng	05-6-2005	61111548	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
132	Nguyễn Sỹ Hoàng	Anh	09-5-2005	61111549	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
133	Nguyễn Thế	Sơn	13-06-05	61111550	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
134	Nguyễn Thị Minh	Thu	20-01-05	61111551	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
135	Nguyễn Thị Ngọc	Oanh	15-02-05	61111552	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
136	Nguyễn Thị Ngọc	Thương	27-04-05	61111553	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
137	Nguyễn Thùy	Linh	08-5-2005	61111554	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
138	Nguyễn Trịnh Minh	Khuê	25-09-05	61111555	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
139	Nguyễn Trung	Hiếu	08-8-2005	61111556	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
140	Nguyễn Trường	Giang	04-4-2005	61111557	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
141	Nguyễn Văn	Bình	14-01-05	61111558	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
142	Nguyễn Văn	Minh	16-11-05	61111559	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
143	Nguyễn Văn	Nam	12-01-05	61111560	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 1 (7h30-9h)
144	Phạm Ngọc	Phúc	01-02-2005	61111561	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
145	Phùng Minh	Ngọc	29-01-05	61111562	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
146	Tạ Thu	Giang	16-02-05	61111563	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
147	Trần Bảo	Long	23-07-05	61111564	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
148	Trần Ngọc	An	15-05-05	61111565	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
149	Trương Vũ Hà	Nhi	05-6-2005	61111566	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
150	Vũ Linh Chi	20-01-05	61111567	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
151	Vũ Thị Hương Thu	04-02-2005	61111568	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
152	Vũ Việt Tiến	14-02-05	61111569	6A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
153	Bạch Đăng Bảo Phong Phong	20-01-05	61111570	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
154	Bạch Thị Nha Trang Trang	26-04-05	61111571	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
155	Bùi Hải Anh Anh	28-09-05	61111572	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
156	Bùi Huy Hoàng Hoàng	30-11-05	61111573	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
157	Bùi Khánh Linh Linh	23-05-05	61111574	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
158	Đỗ Công Ngọc Sơn Sơn	22-01-05	61111575	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
159	Hồ Xuân Hoàng Minh Minh	10-06-05	61111576	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
160	Hoàng Minh Phúc Phúc	17-12-04	61111577	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
161	Lê Ngọc Tuấn Tuấn	14-02-05	61111578	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
162	Lê Việt Anh Anh	03-10-05	61111579	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
163	Lưu Hoàng Tùng Tùng	05-05-05	61111580	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
164	Nghiêm Hoàng Anh Tú Tú	19-09-05	61111581	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
165	Ngô Thị Vân Anh Anh	31-10-05	61111582	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
166	Nguyễn Bích Ngọc Ngọc	27-10-05	61111583	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
167	Nguyễn Công Nhật Anh Anh	09-12-05	61111584	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 1 (7h30-9h)
168	Nguyễn Đắc Mạnh Mạnh	03-05-05	61111585	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
169	Nguyễn Đắc Trường Trường	07-12-05	61111586	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
170	Nguyễn Đình Kiên Kiên	04-09-05	61111587	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
171	Nguyễn Hà Ngân Ngân	12-05-05	61111588	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
172	Nguyễn Mai Quyên Quyên	24-06-05	61111589	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
173	Nguyễn Mạnh Toàn Toàn	06-04-05	61111590	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
174	Nguyễn Minh Quang Quang	11-03-05	61111591	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
175	Nguyễn Minh Trang Trang	21-05-05	61111592	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
176	Nguyễn Phương Thu Thu	06-04-05	61111593	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
177	Nguyễn Phương Thùy Thùy	11-02-05	61111594	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
178	Nguyễn Quang Dự Dự	15-11-05	61111595	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
179	Nguyễn Quốc Khánh Khánh	09-02-05	61111596	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
180	Nguyễn Thạch Tú Tú	08-02-05	61111597	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
181	Nguyễn Thị Khánh Huyền Huyền	28-07-05	61111598	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
182	Nguyễn Thị Phương Thảo Thảo	09-01-05	61111599	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
183	Nguyễn Thị Phương Uyên Uyên	09-08-05	61111600	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
184	Nguyễn Thị Thu Trang Trang	08-08-05	61111601	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
185	Nguyễn Thiện Việt Anh Anh	24-09-05	61111602	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
186	Nguyễn Thu Trà Trà	10-07-05	61111603	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
187	Nguyễn Trần Dũng Dũng	05-04-05	61111604	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
188	Nguyễn Văn Duy Duy	28-04-05	61111605	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
189	Nguyễn Văn Quyết Quyết	20-07-05	61111606	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
190	Nguyễn Văn Trường Trường	08-07-05	61111607	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
191	Nguyễn Xuân Thái Thái	24-02-05	61111608	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 1 (7h30-9h)
192	Phạm Hoàng Anh Dũng Dũng	25-05-05	61111609	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
193	Phạm Như Quỳnh Quỳnh	14-09-05	61111610	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
194	Phạm Quốc Trung Trung	11-06-05	61111611	6A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
195	Bạch Công Giang Giang	23-08-04	61111612	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
196	Bạch Đăng Khánh Khánh	23-11-05	61111613	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
197	Bạch Ngọc Lương Lương	03-11-2005	61111614	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
198	Đặng Đức Duy Duy	09-09-05	61111615	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
199	Đào Quý Sinh Tùng Tùng	29-04-05	61111616	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
200	Đỗ Gia ân Phước Phước	28-05-05	61111617	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
201	Đỗ Hữu Đạt Đạt	18-12-05	61111618	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
202	Hà Phương	Nam	22-04-05	61111619	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
203	Hồ Yến	Nhi	11-03-05	61111620	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
204	Hoàng Việt	Anh	02-08-2005	61111621	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
205	Lê Thị Minh	Châu	20-01-05	61111622	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
206	Mai Quốc	Việt	11-04-05	61111623	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
207	Ngô Thị Lan	Anh	24-01-05	61111624	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
208	Nguyễn Công	Chiến	05-07-2005	61111625	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
209	Nguyễn Đình	Sơn	26-02-05	61111626	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
210	Nguyễn Đình	Tuấn	02-05-05	61111627	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
211	Nguyễn Đỗ Hoàng	Quân	01-09-2005	61111628	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
212	Nguyễn Hà	My	23-10-05	61111629	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
213	Nguyễn Hoài	Phương	07-08-2005	61111630	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
214	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	26-08-05	61111631	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
215	Nguyễn Ngọc	Hà	29-05-05	61111632	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 1 (7h30-9h)
216	Nguyễn Phương	Thanh	27-12-05	61111633	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
217	Nguyễn Quốc	Đại	09-04-2005	61111634	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
218	Nguyễn Quý	Huy	30-09-05	61111635	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
219	Nguyễn Quý	Kiên	08-09-2005	61111636	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
220	Nguyễn Thị	Thảo	10-05-05	61111637	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
221	Nguyễn Thị	Trang	20-05-05	61111638	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
222	Nguyễn Thị Kim	Oanh	16-04-05	61111639	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
223	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	24-02-05	61111640	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
224	Nguyễn Thị Phương	Thảo	27-04-05	61111641	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
225	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	18-06-05	61111642	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
226	Nguyễn Tuấn	Anh	05-01-2005	61111643	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
227	Nguyễn Văn	Lợi	31-10-05	61111644	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
228	Nguyễn Xuân	Bách	04-08-05	61111645	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
229	Tạ Thị Kim	Anh		61111646	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
230	Trần Gia Minh	Hiệp	16-03-05	61111647	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
231	Trần Thị Thu	Thủy	16-07-05	61111648	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
232	Trịnh Thị Vân	Anh	30-06-05	61111649	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
233	Vũ Thị Phương	Uyên	08-09-2005	61111650	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
234	Vũ Thị Vân	Anh	29-06-05	61111651	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
235	Vũ Văn	Tuấn	02-07-05	61111652	6A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
236	Bùi Đức Vũ	Vũ	15-02-05	61111653	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
237	Đào Ngọc Lan	Lan	02-01-05	61111654	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
238	Đào Thu Trang	Trang	23-01-05	61111655	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
239	Đỗ Anh Duy	Duy	20-12-05	61111656	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 1 (7h30-9h)
240	Đỗ Hoài Thương	Thương	24-01-05	61111657	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
241	Đỗ Tiến Vượng	Vượng	10-08-05	61111658	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
242	Hà Thị Hạnh	Hạnh	13-02-05	61111659	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
243	Kiều Minh Anh	Anh	05-10-05	61111660	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
244	Lê Đăng Bảo Minh	Minh	16-08-05	61111661	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
245	Lê Trà My	My	18-10-05	61111662	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
246	Lý Hải Anh	Anh	10-02-05	61111663	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
247	Ngô Như Tuấn Minh	Minh	28-11-05	61111664	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
248	Ngô Thành Đạt	Đạt	13-11-05	61111665	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
249	Nguyễn Bảo Anh	Anh	05-06-05	61111666	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
250	Nguyễn Công Thạch	Thạch	25-12-05	61111667	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
251	Nguyễn Đình Hà	Hà	11-05-05	61111668	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
252	Nguyễn Đức Cát Khánh	Khánh	29-10-05	61111669	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
253	Nguyễn Hà Linh	Linh	25-09-05	61111670	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
254	Nguyễn Hải Hiên	Hiên	08-05-05	61111671	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
255	Nguyễn Hồng Hà	Hà	29-07-05	61111672	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
256	Nguyễn Khánh Linh	Linh	04-02-05	61111673	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
257	Nguyễn Linh Trang	Trang	12-06-05	61111674	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
258	Nguyễn Minh Quân	Quân	23-11-05	61111675	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
259	Nguyễn Minh Thắng	Thắng	09-10-05	61111676	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
260	Nguyễn Ngọc Cẩm Ly	Ly	07-03-05	61111677	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
261	Nguyễn Ngọc Khánh	Khánh	25-08-05	61111678	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
262	Nguyễn Quý Anh	Anh	07-02-05	61111679	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
263	Nguyễn Thành Hải	Hải	22-07-05	61111680	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 1 (7h30-9h)
264	Nguyễn Thị Hậu	Hậu	27-11-05	61111681	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
265	Nguyễn Thị Thu Trang	Trang	04-11-05	61111682	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
266	Nguyễn Thu Phượng	Phượng	14-11-05	61111683	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
267	Nguyễn Văn Tuấn	Tuấn	15-09-04	61111684	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
268	Phạm Đức Khánh	Khánh	25-10-05	61111685	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
269	Phan Huy Minh	Minh	22-02-05	61111686	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
270	Trần Đức Minh	Minh	15-02-05	61111687	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
271	Trần Đức Tuấn	Tuấn	13-07-05	61111688	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
272	Trần Ngọc Trâm	Trâm	22-10-05	61111689	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
273	Trần Thị Thanh Tú	Tú	31-01-05	61111690	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
274	Trần Tiến Dũng	Dũng	17-02-05	61111691	6A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
275	Bùi Khắc	Khởi	06-06-2005	61111692	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
276	Bùi Minh	Khánh	23-06-05	61111693	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
277	Bùi Ngọc	Quân	12-05-05	61111694	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
278	Bùi Quỳnh	Lương	30-09-05	61111695	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
279	Đào Thị Minh	Phương	27-06-05	61111696	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
280	Đào Xuân	Thanh	06-11-05	61111697	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
281	Đỗ Ánh	Ngân	19-06-05	61111698	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
282	Đỗ Đắc	Hiếu	24-01-05	61111699	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
283	Đỗ Tiến	Đồng	10-05-05	61111700	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
284	Hà Minh	Trang	04-11-05	61111701	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
285	Hà Thùy	Linh	01-06-05	61111702	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
286	Hoàng Minh	Tâm	11-02-05	61111703	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
287	Kiều	Trang	28-01-05	61111704	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 1 (7h30-9h)
288	Lê Hương	Giang	08-06-05	61111705	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
289	Lê Phương	Anh	08-10-05	61111706	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
290	Lê Phương	Linh	01-12-05	61111707	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
291	Nguyễn Anh	Đức	19-02-05	61111708	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
292	Nguyễn Đắc	Minh	23-12-05	61111709	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
293	Nguyễn Đỗ Gia	Huy	11-07-05	61111710	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
294	Nguyễn Gia	Trung	29-05-05	61111711	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
295	Nguyễn Hà Giang	Anh	30-01-05	61111712	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
296	Nguyễn Hải	Linh	30-06-05	61111713	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
297	Nguyễn Hùng	Dũng	20-08-05	61111714	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
298	Nguyễn Minh Ngọc	A	27-07-05	61111715	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
299	Nguyễn Minh Ngọc	B	15-07-05	61111716	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
300	Nguyễn Ngọc	DiệpA	01-11-05	61111717	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
301	Nguyễn Ngọc	DiệpB	16-07-05	61111718	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
302	Nguyễn Phương	Huyền	15-03-05	61111719	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
303	Nguyễn Phương	Nam	29-01-05	61111720	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
304	Nguyễn Phương Linh	A	27-11-05	61111721	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
305	Nguyễn Phương Linh	B	27-11-05	61111722	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
306	Nguyễn Quang	Anh	31-03-05	61111723	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
307	Nguyễn Quý Gia	Bảo	28-11-05	61111724	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
308	Nguyễn Quý Tường	Anh	29-07-05	61111725	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
309	Nguyễn Thảo	Nguyễn	14-04-05	61111726	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
310	Nguyễn Thị	Thanh	04-03-05	61111727	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
311	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	29-10-05	61111728	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 1 (7h30-9h)
312	Nguyễn Thị Hồng	Vân	04-03-2005	61111729	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
313	Nguyễn Thị Khánh	Ly	22-01-05	61111730	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
314	Nguyễn Thị Như	Ngọc	14-11-05	61111731	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
315	Nguyễn Thị Phương	Anh	30-06-05	61111732	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
316	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04-03-05	61111733	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
317	Nguyễn Thịnh	Hung	14-02-05	61111734	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
318	Nguyễn Trúc Quỳnh	Anh	15-10-05	61111735	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
319	Nguyễn Vân	Anh	02-08-05	61111736	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
320	Nguyễn Văn	Mạnh	14-01-05	61111737	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
321	Nguyễn Văn	Thành	08-03-05	61111738	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
322	Nhữ An Huệ	Anh	29-12-05	61111739	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
323	Phạm Minh	Anh	11-12-05	61111740	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
324	Tạ Huyền	My	01-11-05	61111741	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
325	Tạ Thị Khánh	Vy	30-08-05	61111742	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
326	Thiều Kim	Quang	15-10-05	61111743	6A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
327	Bùi Mạnh	Dũng	23-01-2004	61111744	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
328	Đào Thị Minh	Ánh	21-01-2004	61111745	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
329	Đỗ Đức	Trung	20-08-2004	61111746	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
330	Hồ Huyền	Trang	23-11-2004	61111747	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
331	Kiều Xuân	Đức	11-12-2004	61111748	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
332	Lê Cẩm	Ly	18-08-2004	61111749	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
333	Lê Nguyễn Hải	Hà	21-05-2004	61111750	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
334	Lê Phạm Thiện	Thái	04-12-2004	61111751	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
335	Lê Thị Bích	Diệp	04-03-2003	61111752	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 1 (7h30-9h)
336	Lê Văn	Phương	07-01-2004	61111753	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
337	Lê Văn	Thanh	08-10-2004	61111754	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
338	Nguyễn Anh	Tuấn	19-05-2004	61111755	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
339	Nguyễn Công	Thắng	21-06-2004	61111756	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
340	Nguyễn Đắc	Hùng	13-01-2004	61111757	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
341	Nguyễn Đắc Trường	An		61111758	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
342	Nguyễn Doãn Hoàng	Giang	01-03-2004	61111759	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
343	Nguyễn Đức	An	17-09-2004	61111760	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
344	Nguyễn Đức	Anh	21-02-2004	61111761	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
345	Nguyễn Mạnh	An	17-12-2004	61111762	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
346	Nguyễn Ngọc	Ánh	27-06-2004	61111763	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
347	Nguyễn Ngọc	Duy	25-10-2004	61111764	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
348	Nguyễn Như	Quỳnh	06-06-2004	61111765	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
349	Nguyễn Quốc	Huy	20-01-2004	61111766	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
350	Nguyễn Quý	Đạt	27-04-2004	61111767	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
351	Nguyễn Quý	Đạt	22-12-2004	61111768	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
352	Nguyễn Quý	Kiên	28-09-2004	61111769	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
353	Nguyễn T. Kim	Dung	25-08-2004	61111770	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
354	Nguyễn Thị Hải	Anh	20-08-2004	61111771	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
355	Nguyễn Thị Hiền	Thảo	30-08-2004	61111772	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
356	Nguyễn Thị Hồng	Vân	03-08-2004	61111773	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
357	Nguyễn Thị Kim	Ngân	22-10-2004	61111774	7A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
358	Nguyễn Thi Yên	Nhi	25-09-2004	61111775	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
359	Nguyễn Thiện	Khánh	03-10-2004	61111776	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 1 (7h30-9h)
360	Nguyễn Thiện	Nam	26-02-2004	61111777	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
361	Nguyễn Văn	Thái	01-01-2004	61111778	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
362	Phạm Anh	Tú	28-04-2004	61111779	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
363	Tổng Khương	Duy	13-12-2004	61111780	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
364	Trần Học Trường	Giang	01-01-2004	61111781	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
365	Trần Hồng	Thu	27-08-2004	61111782	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
366	Trần Minh	Ngân	12-12-2004	61111783	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
367	Vương Đức	Vinh	03-09-2004	61111784	7A1	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
368	Bùi Thị Minh	Anh	01-02-2004	61111785	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
369	Đặng Thiết	Thanh	13-11-2004	61111786	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
370	Đỗ Đức Quốc	Đoàn	25-12-2004	61111787	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
371	Đỗ Nam	Hải	09-07-2004	61111788	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
372	Đỗ Quỳnh	Giang	19-11-2004	61111789	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
373	Đỗ Văn	Hiếu	07-08-2004	61111790	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
374	Hồ Bá Vũ	Tùng	22-09-2004	61111791	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
375	Hoàng Khánh	Linh	15-10-2004	61111792	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
376	Hoàng Nhật	Vinh	12-10-2004	61111793	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
377	Lê Văn	Khánh	27-02-2004	61111794	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
378	Nguyễn Ánh	Kim	29-01-2004	61111795	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
379	Nguyễn Công	Tuấn	08-10-2004	61111796	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
380	Nguyễn Đình	Hiếu	10-03-2004	61111797	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
381	Nguyễn Đình	Tuấn	08-04-2004	61111798	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
382	Nguyễn Hải	Anh	20-11-2004	61111799	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)
383	Nguyễn Hải	Nam	03-08-2004	61111800	7A2	THCS Đại Mỹ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
384	Nguyễn Hồng	Hạnh	24-10-2004	61111801	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
385	Nguyễn Mai	Ánh	09-07-2004	61111802	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
386	Nguyễn Ngọc	Hải	20-10-2004	61111803	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
387	Nguyễn Như	Quỳnh	26-12-2004	61111804	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
388	Nguyễn Quý	Anh	03-10-2004	61111805	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
389	Nguyễn Quý	DươngA	14-06-2004	61111806	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
390	Nguyễn Quý	DươngB	15-09-2004	61111807	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
391	Nguyễn Tài	Đạt	31-12-2004	61111808	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
392	Nguyễn Tài	Hùng	09-08-2004	61111809	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
393	Nguyễn Tài	Nam	16-08-2004	61111810	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
394	Nguyễn Thế	Kiên	21-10-2004	61111811	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
395	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	24-09-2004	61111812	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
396	Nguyễn Thị Thu	Hà	16-08-2004	61111813	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
397	Nguyễn Thị Thu	Trang	05-01-2004	61111814	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
398	Nguyễn Văn	Toàn	26-06-2004	61111815	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
399	Nguyễn Văn Hoàng	Minh	10-01-2004	61111816	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
400	Nguyễn Xuân Thành	Long	22-06-2004	61111817	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
401	Phạm Đỗ Việt	Tùng	30-08-2004	61111818	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
402	Phạm Văn	Hữu	23-10-2004	61111819	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
403	Trần Ngọc	Diệp	09-03-2004	61111820	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
404	Trần Ngọc Thùy	Tiên	23-09-2004	61111821	7A2	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
405	Đặng Thiết	Tùng		61111822	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
406	Đặng Thu	Trang		61111823	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
407	Đỗ Công Đại	Dương		61111824	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 1 (7h30-9h)
408	Đỗ Lan	Anh		61111825	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
409	Đỗ Tiến	Cường		61111826	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
410	Hoàng Thị Cẩm	Nhung		61111827	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
411	Lương Thanh	Nghị		61111828	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
412	Ngô Thanh	Huyền	23-02-2004	61111829	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
413	Nguyễn Đăng	Khoa		61111830	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
414	Nguyễn Đình	Hiếu		61111831	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
415	Nguyễn Hà	Phiên		61111832	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
416	Nguyễn Hữu	Việt		61111833	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
417	Nguyễn Huy	Tùng		61111834	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
418	Nguyễn Mai	Phương		61111835	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
419	Nguyễn Mai Ánh	Linh		61111836	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
420	Nguyễn Minh	Hiếu		61111837	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
421	Nguyễn Ngọc Tùng	Lâm		61111838	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
422	Nguyễn Tài	Hiệp		61111839	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
423	Nguyễn Thị	Ngọc		61111840	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
424	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt		61111841	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
425	Nguyễn Thị Hoàng	Anh		61111842	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
426	Nguyễn Thị Vân	Anh	08-02-2004	61111843	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
427	Nguyễn Trần Ngọc	Anh		61111844	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
428	Nguyễn Tuấn	Kiệt		61111845	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
429	Phạm Thị Hương	Giang		61111846	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
430	Phan Hải	Anh		61111847	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
431	Tạ Thị	Vân		61111848	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 1 (7h30-9h)
432	Tạ Tương	Bách		61111849	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
433	Trần Phương	Anh		61111850	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
434	Trần Thanh Hà	Vũ		61111851	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
435	Triệu Tiến	Duy		61111852	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
436	Trịnh Anh	Cường		61111853	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
437	Văn Tiến	Cường		61111854	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
438	Vũ Hải	Khánh		61111855	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
439	Vũ Lan	Phượng		61111856	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
440	Vũ Long	Nhật		61111857	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
441	Vũ Ngọc	Mai		61111858	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
442	Vũ Quỳnh	Anh		61111859	7A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
443	Đào Văn	Đệ	05-02-2004	61111860	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
444	Đỗ Đắc	Tài	11-04-2004	61111861	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
445	Đỗ Quốc	Duy	02-11-2004	61111862	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
446	Đỗ Thế Duy	Anh	11-01-2004	61111863	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
447	Dương Thanh	Hải	24-10-2004	61111864	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
448	Hoàng Thị Lan	Anh	26-07-2004	61111865	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
449	Lê Đức	Nam	26-02-2004	61111866	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
450	Lê Vũ	Dương	09-01-2004	61111867	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
451	Lê Vũ Đăng	Khôi	27-09-2004	61111868	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
452	Lưu Minh	Vũ	02-04-2004	61111869	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
453	Ngô Thúy	Hằng	22-01-2004	61111870	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
454	Nguyễn Thùy	Linh	22-12-2004	61111871	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
455	Nguyễn Ánh	Dương	20-10-2004	61111872	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 1 (7h30-9h)
456	Nguyễn Đình	Tiến	17-12-2004	61111873	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
457	Nguyễn Đức Đăng	Khoa	16-06-2004	61111874	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
458	Nguyễn Hà	My	26-02-2004	61111875	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
459	Nguyễn Hữu	Thiện	26-12-2004	61111876	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
460	Nguyễn Khánh	Linh	24-08-2004	61111877	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
461	Nguyễn Khánh	Linh	08-12-2004	61111878	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
462	Nguyễn Phương	Anh	23-12-2004	61111879	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
463	Nguyễn Quý	Duy	18-11-2004	61111880	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
464	Nguyễn Quý	Hoàng	02-02-2004	61111881	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
465	Nguyễn Thị Kim	Quyên	07-12-2004	61111882	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
466	Nguyễn Thị Linh	Vân	11-02-2004	61111883	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
467	Nguyễn Thị Phương	Anh	04-11-2004	61111884	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
468	Nguyễn Thị Thu	Trang	29-04-2004	61111885	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
469	Nguyễn Thùy	Dung	19-04-2004	61111886	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
470	Nguyễn Thùy	Dương	29-12-2004	61111887	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
471	Nguyễn Thùy	Linh	30-07-2004	61111888	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
472	Nguyễn Văn	Dương	01-11-2004	61111889	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
473	Phạm Hồng	Thái	14-04-2004	61111890	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
474	Phạm Ngọc	Trang	28-10-2004	61111891	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
475	Phạm Phương	Ly	26-06-2004	61111892	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
476	Phạm Việt	Hùng	25-10-2004	61111893	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
477	Phùng Tiến	Đạt	26-06-2004	61111894	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
478	Trần Anh	Quân	07-11-2004	61111895	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
479	Trần Đình	Lon	08-11-2004	61111896	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 1 (7h30-9h)
480	Trần Đức	Trung	20-10-2004	61111897	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
481	Trịnh Minh	Nghĩa	22-07-2004	61111898	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
482	Vũ Toàn Lan	Anh	04-08-2004	61111899	7A4	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
483	Bạch Hải	Lộc	01-10-2004	61111900	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
484	Bạch Thúy	Quỳnh	24-11-2004	61111901	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
485	Bùi Anh	Thắng	20-12-2004	61111902	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
486	Cần Phương	Anh	02-01-2004	61111903	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
487	Cao Việt	Bắc	13-05-2004	61111904	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
488	Đặng Thái	Hiền	01-09-2004	61111905	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
489	Đào Thanh	Lâm	04-06-2004	61111906	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
490	Đỗ Đức	Anh	15-11-2004	61111907	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
491	Đỗ Hữu	Son	06-12-2004	61111908	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
492	Đỗ Phương	Ngọc	06-12-2004	61111909	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
493	Đỗ Thị	Nguyễn	21-08-2004	61111910	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
494	Đỗ Thị Khánh	Ly	03-12-2004	61111911	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
495	Đoàn Hoàng	Anh	16-06-2004	61111912	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
496	Dương Quang	Tú	09-06-2004	61111913	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
497	Dương Thùy	Linh	30-04-2004	61111914	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
498	Lê Hoàng	Minh	09-03-2004	61111915	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
499	Lê Hoàng Thành	Vinh	30-11-2004	61111916	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
500	Liêu Thị	Hường	12-10-2004	61111917	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
501	Nguyễn Chiến	Thắng	29-10-2004	61111918	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
502	Nguyễn Công	Hường	14-01-2004	61111919	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
503	Nguyễn Đình	Kiên	08-08-2004	61111920	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 1 (7h30-9h)
504	Nguyễn Đình	Nam	28-02-2004	61111921	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
505	Nguyễn Đức	Huy	13-08-2004	61111922	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
506	Nguyễn Hạnh	San	19-06-2004	61111923	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
507	Nguyễn Hữu Việt	Tùng	15-01-2004	61111924	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
508	Nguyễn Minh	Hiếu	04-08-2004	61111925	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
509	Nguyễn Ngọc	Hà	07-05-2004	61111926	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
510	Nguyễn Ngọc	Xuân	27-04-2004	61111927	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
511	Nguyễn Phương	Thảo	18-10-2004	61111928	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
512	Nguyễn Phương	Trang	28-08-2004	61111929	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
513	Nguyễn Quý	Đăng	16-03-2004	61111930	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
514	Nguyễn Quý Đang	25-01-2004	61111931	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
515	Nguyễn Thị Phương Ly	25-03-2003	61111932	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
516	Nguyễn Thị Thu Hiền	18-02-2004	61111933	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
517	Nguyễn Thị Thục Uyên	11-01-2004	61111934	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
518	Nguyễn Thu Hiền	07-06-2004	61111935	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
519	Nguyễn Thùy Linh	13-09-2004	61111936	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
520	Nguyễn Trọng Toàn	31-12-2004	61111937	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
521	Nguyễn Tùng Lâm	14-11-2004	61111938	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
522	Nguyễn Văn Thành	10-12-2004	61111939	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
523	Nguyễn Văn Tú	16-01-2004	61111940	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
524	Nguyễn Xuân Anh	13-02-2004	61111941	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
525	Phạm Trà My	23-02-2004	61111942	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
526	Phan Huy Cương	11-10-2004	61111943	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
527	Tạ Nguyễn Minh Phương	25-11-2004	61111944	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 1 (7h30-9h)
528	Vũ Kỳ Phương	07-09-2004	61111945	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
529	Vũ Thị Thu Trang	02-12-2004	61111946	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
530	Bạch Đăng Toàn	08-11-2004	61111947	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
531	Bạch Thanh Tú	25-09-2004	61111948	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
532	Đặng Thanh Mai	10-03-2004	61111949	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
533	Đặng Vũ Huyền Trang	24-09-2004	61111950	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
534	Đào Như Quỳnh	08-11-2004	61111951	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
535	Đinh Nhật Đức	08-02-2003	61111952	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
536	Hoàng Anh Minh	04-08-2004	61111953	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
537	Hoàng Thùy Linh	06-11-2004	61111954	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
538	Lê Anh Đức	08-01-2004	61111955	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
539	Lê Quang Dũng	23-10-2004	61111956	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
540	Nguyễn Anh	Bình	23-07-2004	61111957	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
541	Nguyễn Công	Vượng	16-10-2004	61111958	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
542	Nguyễn Đắc	Đạt	29-04-2004	61111959	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
543	Nguyễn Đắc Minh	Quân	14-12-2004	61111960	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
544	Nguyễn Đình	Dũng	06-09-2004	61111961	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
545	Nguyễn Đức	Mạnh	15-11-2004	61111962	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
546	Nguyễn Hải	Minh	20-08-2004	61111963	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
547	Nguyễn Hoàng Minh	Khôi	19-09-2004	61111964	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
548	Nguyễn Kim	Cánh	25-12-2004	61111965	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
549	Nguyễn Kim	Tiến	18-08-2004	61111966	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
550	Nguyễn Ngọc	Nam	27-01-2004	61111967	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
551	Nguyễn Như Việt	Anh	22-07-2004	61111968	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 1 (7h30-9h)
552	Nguyễn Quang	Huy	10-09-2004	61111969	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
553	Nguyễn Quý	Khải	25-11-2004	61111970	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
554	Nguyễn Thị	Nhung	12-02-2004	61111971	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
555	Nguyễn Thị	Oanh	17-09-2004	61111972	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
556	Nguyễn Thị Hương	Giang	09-10-2004	61111973	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
557	Nguyễn Thị Nhật	Anh	14-10-2004	61111974	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
558	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	09-11-2004	61111975	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
559	Nguyễn Thị Thảo	My	15-11-2004	61111976	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
560	Nguyễn Thị Thu	Hương	02-03-2004	61111977	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
561	Nguyễn Tiến	Anh	24-06-2004	61111978	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
562	Nguyễn Văn	Khánh	30-03-2004	61111979	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
563	Nguyễn Văn	Mạnh	18-07-2004	61111980	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
564	Nguyễn Văn	Tùng	30-01-2004	61111981	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
565	Nguyễn Xuân	Giáp	15-05-2004	61111982	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
566	Nguyễn Xuân	Thái	27-09-2004	61111983	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
567	Thân Ngọc Anh	Thư	04-09-2004	61111984	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
568	Trần Ngọc	Lan	26-08-2004	61111985	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
569	Trần Thị Kim	Ngân	01-11-2004	61111986	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
570	Trịnh Việt	Hoàng	05-07-2004	61111987	7A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
571	Đặng Thị Huyền	My	23-12-2003	61111988	8A	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
572	Bạch Đăng	Tùng	08-07-03	61111989	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
573	Hoàng Mạnh	Tùng	23-07-03	61111990	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
574	Lê Đức	Anh	29-10-03	61111991	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
575	Nguyễn Công	Huy	14-09-03	61111992	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 1 (7h30-9h)
576	Nguyễn Phương	Anh	20-11-03	61111993	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
577	Nguyễn Quang	Minh	17-08-03	61111994	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
578	Nguyễn Thu	Hằng	08-10-03	61111995	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
579	Phạm Thu	Hà	07-11-03	61111996	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
580	Trần Đức	Tú	25-03-03	61111997	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
581	Trần Đức	Anh	24-10-03	61111998	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
582	Vũ Hoàng	Phong	28-10-03	61111999	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
583	Vũ Trung	Hiếu	10-11-03	61112000	8A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
584	Bạch Hải	Phương	02-08-2003	61112001	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
585	Bạch Ngọc	Hưng	01-03-2003	61112002	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
586	Bùi Đức	Huy	21-01-2003	61112003	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
587	Hà Thiên	Nhi	01-07-2003	61112004	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
588	Hoàng Bích	Ngọc	06-06-2003	61112005	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
589	Hoàng Vũ Thảo	Nhiên	12-12-2003	61112006	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
590	Mai Quế	Anh	26-04-2003	61112007	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
591	Ngô Hương	Giang	24-09-2003	61112008	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
592	Ngô Thanh	Hương	14-07-2003	61112009	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
593	Nguyễn Công	Vinh	12-05-2003	61112010	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
594	Nguyễn Đình	Huy	01-03-2003	61112011	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
595	Nguyễn Duy	Hưng	27-09-2003	61112012	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
596	Nguyễn Hà	Chi	08-01-2003	61112013	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
597	Nguyễn Hải	Hà	05-06-2003	61112014	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
598	Nguyễn Hoàng Bảo	Linh	07-10-2003	61112015	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
599	Nguyễn Kiều	Trang	01-09-2003	61112016	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 1 (7h30-9h)
600	Nguyễn Minh	Phương	01-10-2003	61112017	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
601	Nguyễn Quý Việt	Anh	19-09-2003	61112018	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
602	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	14-08-2003	61112019	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
603	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	14-10-2003	61112020	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
604	Nguyễn Thị Thu	Huyền	02-11-2003	61112021	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
605	Phạm Thái	Dương	14-10-2003	61112022	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
606	Phí Quang	Nghĩa	03-10-2003	61112023	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
607	Trần Văn	An	27-01-2003	61112024	8A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
608	Bùi Ngọc	Ánh	07-03-02	61112025	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
609	Đào Kim	Anh	16-09-02	61112026	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
610	Đỗ Đắc	Hiệp	18-10-02	61112027	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
611	Dương Ngọc Minh	Quang	18-10-02	61112028	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
612	Nguyễn Huyền	Phương	30-10-02	61112029	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
613	Nguyễn Thị Minh	Huệ	02-08-02	61112030	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
614	Nguyễn Thiện Tuấn	Anh	13-08-02	61112031	9A1	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
615	Bùi Thanh	Huyền	15-11-02	61112032	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
616	Đỗ Lan	Anh	02-05-02	61112033	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
617	Đỗ Ngọc Minh	Anh	30-10-02	61112034	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
618	Đỗ Thị Hồng	Thúy	09-06-02	61112035	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
619	Đỗ Thị Huyền	Trang	02-04-02	61112036	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
620	Lê Hiếu	Khánh	14-03-02	61112037	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
621	Lê Hoàng	Yến	01-10-02	61112038	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
622	Lê Thị Phương	Thảo	17-01-02	61112039	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
623	Lê Tổ	Quỳnh	13-02-02	61112040	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 1 (7h30-9h)
624	Mai Thị Thùy	Trang	16-08-02	61112041	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
625	Nguyễn Đắc Long	Vũ	12-12-02	61112042	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
626	Nguyễn Ngọc	Anh	05-02-02	61112043	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
627	Nguyễn Ngọc	Huyền	02-11-02	61112044	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
628	Nguyễn Như	Ngọc	18-11-02	61112045	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
629	Nguyễn Quý	Dương	13-08-02	61112046	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
630	Nguyễn Quỳnh	Anh	22-11-02	61112047	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
631	Nguyễn Tất	Đạt	17-02-02	61112048	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
632	Nguyễn Thị	Thương	22-05-02	61112049	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
633	Nguyễn Thị Thu	Chúc	01-06-02	61112050	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
634	Nguyễn Thiện	Nghĩa	18-12-02	61112051	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
635	Nguyễn Thùy	Dương	16-03-02	61112052	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
636	Nguyễn Trần Minh	Quân	14-09-02	61112053	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
637	Nguyễn Trường	Kỳ	11-03-02	61112054	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
638	Phạm Việt	Anh	23-02-02	61112055	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
639	Trương Thị	Hạnh	17-07-02	61112056	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
640	Vũ Thị	Thảo	01-05-02	61112057	9A3	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
641	Đình Gia	Tường	30-12-02	61112058	9A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
642	Nguyễn Công	Đạt	12-05-02	61112059	9A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
643	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13-08-02	61112060	9A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
644	Nguyễn Thị Tú	Linh	03-03-02	61112061	9A6	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
645	Nguyễn Quý	Đang	25-01-2004	61112062	7A5	THCS Đại Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
646	Hồ Phú	Anh	14-09-05	61112063	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
647	Lê Thị Thanh	Hiền	02-10-04	61112064	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 1 (7h30-9h)
648	Nguyễn Mạnh	Hùng	27-09-05	61112065	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
649	Nguyễn Sinh	Hùng	17-07-05	61112066	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
650	Trần Tiến	Anh	20-04-05	61112067	6A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
651	Đào Ngọc	Diệp	03-05-05	61112068	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
652	Lê Hà	Vy	04-10-05	61112069	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
653	Lê Hoa Khánh	Linh	07-06-05	61112070	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
654	Lê Vũ Phương	Uyên	17-09-05	61112071	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
655	Nguyễn Chí	Kiên	01-10-05	61112072	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
656	Nguyễn Mai	Anh	06-06-05	61112073	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
657	Nguyễn Trần Bình	Minh	21-04-05	61112074	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
658	Vũ Đức	Quang	22-08-05	61112075	6A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
659	Đinh Chí	Trung	18-06-05	61112076	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
660	Đông Trần Trọng	Hiếu	01-02-05	61112077	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
661	Hoàng Khánh	Duy	16-05-05	61112078	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
662	Lê Anh	Thư	06-09-05	61112079	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
663	Lê Quang	Huy	14-08-05	61112080	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
664	Nguyễn Ánh	Dương	17-05-05	61112081	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
665	Nguyễn Đan	Nhi	21-08-05	61112082	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
666	Nguyễn Lê Minh	Thy	20-12-05	61112083	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
667	Phạm Bảo	Ngọc	20-09-05	61112084	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
668	Phạm Huyền	Trang	06-11-05	61112085	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
669	Phạm Huyền	Anh	22-05-05	61112086	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
670	Trần Hùng	Cường	04-11-05	61112087	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
671	Trần Mai	Chi	17-May-2005	61112088	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 1 (7h30-9h)
672	Vũ Đức	Thành	06-03-05	61112089	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
673	Đặng Hai	Minh	14-09-05	61112090	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
674	Đinh Hà	Phú	28-03-05	61112091	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
675	Hoàng Vũ Linh	Đan	22-03-05	61112092	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
676	Lưu Kiều	Anh	27-11-05	61112093	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
677	Ngô Thị Phương	Mai	13-12-05	61112094	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
678	Nguyễn Bảo	Pháp	08-07-05	61112095	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
679	Nguyễn Ngọc	Trình	21-03-05	61112096	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
680	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	24-02-05	61112097	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
681	Phạm Vũ Lê	Khanh	02-09-05	61112098	6A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
682	Hồ Phương	Minh	19-01-04	61112099	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
683	Lê Minh	Khuê	11-09-04	61112100	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
684	Lê Thu	Huyền	02-12-04	61112101	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
685	Nguyễn Chí	Bách	23-09-04	61112102	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
686	Nguyễn Diệu Nga	Linh	19-07-04	61112103	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
687	Nguyễn Hoàng	Tùng	07-05-04	61112104	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
688	Nguyễn Lâm Nhật	Linh	24-09-04	61112105	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
689	Nguyễn Phương	Thảo	19-03-04	61112106	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
690	Nguyễn Tiến Thành	An	20-09-04	61112107	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
691	Phạm Anh	Tú	01-08-04	61112108	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
692	Phạm Quang	Đăng	18-07-04	61112109	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
693	Trần Hoàng Lan	Chi	12-11-04	61112110	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
694	Vũ Hà Khánh	Linh	23-07-04	61112111	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)
695	Vũ Thành	Hung	28-01-04	61112112	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
696	Zhong Thảo	Vi	07-12-04	61112113	7A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
697	Phan Minh	Quân	21-12-04	61112114	7A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
698	Trịnh Trung	Hiếu	03-09-04	61112115	7A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
699	Vũ Khánh	Hà	02-07-04	61112116	7A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
700	Nguyễn Thị Khánh	Linh	27-10-03	61112117	8A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
701	Đặng Vân	Anh	24-12-03	61112118	8A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
702	Hoàng Thảo	Nguyên	11-03-03	61112119	8A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
703	Trịnh Thùy	Anh	26-09-03	61112120	8A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
704	Tứ Gia	Bảo	24-10-03	61112121	8A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
705	Hoàng Anh	Phương	28-04-03	61112122	8A5	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
706	Kiều Thị Anh	Thư	06-06-03	61112123	8A5	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
707	Lê Quang	Minh	14-02-03	61112124	8A5	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
708	Nguyễn Bảo	Linh	07-07-03	61112125	8A5	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
709	Nguyễn Hữu	Đức	02-10-03	61112126	8A5	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
710	Nguyễn Huy Anh	Đức	23-01-03	61112127	8A6	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
711	Đặng Ngọc Minh	Châu	20-04-02	61112128	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
712	Đào Phương	Thảo	26-12-02	61112129	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
713	Đỗ Giai	Ngọc	30-08-02	61112130	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
714	Đỗ Hà	Vy	22-05-02	61112131	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
715	La Quỳnh	My	18-04-02	61112132	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
716	Lại Việt	Hung	14-11-02	61112133	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
717	Lê Hoàng	Ly	19-07-02	61112134	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
718	Ngô Minh	Đức	18-04-02	61112135	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
719	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	07-09-02	61112136	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 1 (7h30-9h)
720	Dương Chu Hà	An	09-10-05	61112146	6A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
721	Nguyễn Công	Tùng	29-09-05	61112147	6A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
722	Nguyễn Xuân	Minh	19-01-05	61112148	6A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
723	Phùng Thanh	Phong	14-03-05	61112149	6A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
724	Vũ Viên	Nhi	27-08-05	61112150	6A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
725	Đặng Quốc	Trung	05-02-05	61112151	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
726	Đinh Tuấn	Nam	26-11-05	61112152	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
727	Hà Huy	Hoàng	22-09-05	61112153	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
728	Kiều Thanh	Hương	02-02-05	61112154	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
729	Lê Mạnh	Cường	28-01-05	61112155	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
730	Nguyễn Anh	Đạt	15-11-05	61112156	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
731	Nguyễn Bảo	Châu	02-07-06	61112157	6A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
732	Ngô Phương	Anh	16-10-05	61112158	6A2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
733	Phùng Đức	Dũng	15-11-05	61112159	6A2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
734	Hoàng Châu	Anh	28-12-05	61112160	6A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
735	Phan Minh	Khuê	22-06-02	61112137	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
736	Võ Thùy	Trang	12-03-02	61112138	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
737	Vũ Việt	Hoàng	26-11-01	61112139	9A1	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
738	Bùi Khánh	Ngọc	25-01-02	61112140	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
739	Cao Quỳnh	Anh	18-06-02	61112141	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
740	Lê Yến	Nhi	22-04-02	61112142	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
741	Phạm Tiến	Đạt	16-10-02	61112143	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
742	Phạm Vũ Thanh	Hiền	30-08-02	61112144	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
743	Trần Nguyễn An	Nguyên	20-11-02	61112145	9A2	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 1 (7h30-9h)
744	Nguyễn Văn Hải	Nam	15-09-05	61112161	6C	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
745	Phạm Tiến	Thành	24-12-05	61112162	6C	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
746	Đỗ Nguyễn Bảo	Hân	19-05-05	61112163	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
747	Dương Mỹ	Anh	09-09-05	61112164	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
748	Lê Đặng Ngọc	Linh	03-05-05	61112165	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
749	Nguyễn Anh	Nhân	15-11-05	61112166	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
750	Nguyễn Gia	Minh	13-11-05	61112167	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
751	Nguyễn Ngọc	Linh	28-09-05	61112168	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
752	Nguyễn Phạm Tuệ	Giang	03-02-06	61112169	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
753	Nguyễn Thùy	Vân	02-05-05	61112170	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
754	Nguyễn Trung Minh	Tuấn	27-08-05	61112171	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
755	Phạm Bảo	Thu	28-08-05	61112172	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
756	Phạm Châu	Anh	06-11-05	61112174	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
757	Phạm Hiền	Thục	27-05-05	61112175	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
758	Phạm Nguyên	Tuấn	09-05-05	61112176	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
759	Phạm Thảo	Nhi	29-07-05	61112177	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
760	Trần Thị Thùy	Dương	18-09-05	61112179	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
761	Trịnh Ngọc	Mai	28-06-05	61112180	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
762	Vũ Hà	Ngân	10-06-05	61112181	6C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
763	Đặng Duy Hải	Minh	12-08-05	61112182	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
764	Hoàng Lan	Nhi	05-01-05	61112183	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
765	Ngô Ngọc	Hiền	13-05-05	61112184	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 1 (7h30-9h)
766	Nguyễn Hà Ngọc	Ánh	04-01-05	61112185	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
767	Nguyễn Hiếu	Minh	04-11-08	61112186	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
768	Nguyễn Khánh	Chi	25-02-05	61112187	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
769	Nguyễn Khánh	Huyền	31-01-05	61112188	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
770	Nguyễn Tú	Anh	29-04-05	61112189	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
771	Phạm Minh	Châu	27-04-07	61112190	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
772	Phạm Thái	Ngân	16-01-05	61112191	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
773	Trần Đỗ Nguyên	Phương	04-12-05	61112192	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
774	Trần Lê Nguyên	29-08-05	61112193	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
775	Trần Thị Vân Hà	02-08-05	61112194	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
776	Trần Tuấn Đạt	26-05-05	61112195	6C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
777	Lê Khánh Linh	26-06-05	61112196	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
778	Mạc Phương Anh	10-05-05	61112197	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
779	Nguyễn Đàm Khoa	28-09-05	61112198	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
780	Nguyễn Hà Phương	01-12-05	61112199	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
781	Nguyễn Khánh Linh	15-02-05	61112200	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
782	Nguyễn Vũ Thúy Vy	29-09-05	61112201	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
783	Phạm Anh Thư	28-09-05	61112202	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
784	Phan Duy Anh	28-07-05	61112203	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
785	Phan Vân Giang	13-12-05	61112204	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
786	Trần Ngọc Thiên Kim	05-07-05	61112205	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
787	Trần Thị Thảo LINH	20-11-05	61112206	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
788	Từ Đức Vinh	25-10-05	61112207	6C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
789	Bùi Diệu Hương	24-09-05	61112208	6C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 1 (7h30-9h)
790	Giao Đỗ Thiên Hương	10-12-05	61112209	6C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
791	Hán Nhật Nam	23-02-05	61112210	6C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
792	Hoàng Trần Thanh An	01-10-05	61112211	6C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
793	Lê Anh Đức	11-11-05	61112212	6C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
794	Bùi Lê Trâm Anh	26-10-05	61112213	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
795	Đặng Hoàng Ngọc Khánh	01-09-05	61112214	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
796	Đỗ Minh Quân	10-01-05	61112215	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
797	Hoàng Gia Linh	09-07-05	61112216	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
798	Hoàng Nguyễn Bảo Khanh	24-08-05	61112217	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
799	Lưu Cẩm Tú	28-03-05	61112218	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
800	Ngô Thảo	Nhi	29-11-05	61112219	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
801	Nguyễn Lê	Hoàng	14-12-05	61112220	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
802	Phạm Thảo	Nguyễn	30-01-05	61112221	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
803	Phan Bạch	Dương	04-04-05	61112222	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
804	Phùng Minh	Châu	08-06-05	61112223	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
805	Trần Gia	Linh	03-01-05	61112224	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
806	Trịnh Lê	Nam	10-09-05	61112225	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
807	Cao Phạm Thành	Đạt	29-12-05	61112226	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
808	Lê Phương	Linh	04-10-05	61112227	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
809	Nguyễn Huyền	My	26-10-05	61112228	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
810	Nguyễn Minh	Ngân	06-01-05	61112229	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
811	Nguyễn Ngọc Phương	Anh	28-12-05	61112230	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
812	Nguyễn Tường	Minh	14-11-05	61112231	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
813	Lê Phương	Anh	13-12-05	61112232	6M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 1 (7h30-9h)
814	Nguyễn Hải	Đăng	10-03-05	61112233	6M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
815	Nguyễn Khánh	Vy	08-01-05	61112234	6M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
816	Nguyễn Năng Trường	Tuệ	15-12-05	61112235	6M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
817	Trần Duy	Khánh	07-11-05	61112236	6M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
818	Trần Minh	Quân	22-02-05	61112237	6M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
819	Lê Hoàng Thiên	Trang	02-10-05	61112238	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
820	Lê Việt	Nam	11-10-05	61112239	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
821	Ngô Thị Châu	Ba	10-12-04	61112240	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
822	Nguyễn Bá Hoàng	Nam	11-01-05	61112241	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
823	Nguyễn Ngọc	Dung	08-03-05	61112242	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
824	Nguyễn Thùy	Linh	26-04-05	61112243	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
825	Nguyễn Trà	My	21-12-05	61112244	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
826	Nguyễn Trà	My	08-07-05	61112245	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
827	Phạm Phương	Thảo	06-04-05	61112246	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
828	Trần Hải	Quang	25-08-05	61112247	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
829	Trần Mai	Chi	04-07-03	61112248	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
830	Vũ Minh	Ngọc	07-02-05	61112249	6S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
831	Lê Minh	Tú	08-07-05	61112250	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
832	Lê Phạm Nhật	Quỳnh	13-10-05	61112251	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
833	Nguyễn Đình	Nguyễn	19-01-05	61112252	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
834	Nguyễn Đức Trung	An	30-03-05	61112253	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
835	Phan Hà	Chi	10-12-05	61112254	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
836	Phan Hoàng	Minh	12-10-05	61112255	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
837	Phan Trung	Sơn	06-12-05	61112256	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 1 (7h30-9h)
838	Trần Anh	Minh	28-11-05	61112257	6S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
839	Khổng Phạm Minh	Anh	19-06-05	61112258	6S3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
840	Kiều Hải	Phong	14-07-05	61112259	6T	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
841	Lê Trung	Hiếu	16-09-05	61112260	6T	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
842	Nguyễn Phi	Kiệt	08-03-05	61112261	6T	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
843	Phạm Minh	Hà	21-08-05	61112262	6T	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
844	Tạ Đức	Minh	06-08-05	61112263	6T	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
845	Bùi Thái	Hoàng	04-02-05	61112264	6T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
846	Nguyễn Phạm Phương	Huyền	18-10-05	61112265	6T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
847	Nguyễn Thế	Quân	12-10-05	61112266	6T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
848	Nguyễn Văn Lê	Đạt	15-09-05	61112267	6T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
849	Phạm Minh	Đức	11-11-05	61112268	6T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
850	Lưu Anh	Minh	17-10-05	61112269	6T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
851	Nguyễn Hoàng	Tuấn	25-12-05	61112270	6T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
852	Nguyễn Phan	Nam	15-03-2005	61112271	6T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
853	Phùng Duy	Thái	14-08-05	61112273	6T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
854	Trịnh Nam	Khánh	14-08-05	61112274	6T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
855	Vũ Đình	Hiếu	23-03-05	61112275	6T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
856	Đặng Bảo	Trâm	03-07-05	61112276	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
857	Đinh Phương	Trang	30-07-05	61112277	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
858	Hà Diệu	Thảo	04-03-05	61112278	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
859	Nguyễn Bảo	Trang	07-09-05	61112279	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
860	Nguyễn Hồng	Chi	01-08-05	61112280	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 1 (7h30-9h)
861	Nguyễn Minh	Trang	19-09-05	61112281	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
862	Quách Bảo	Phương	16-05-05	61112282	6V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
863	Ngô Đặng Bảo	Châu	05-06-04	61112283	7A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
864	Nguyễn Vũ Quang	Anh	19-02-04	61112284	7A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
865	Phạm Nhật	Minh	14-11-04	61112285	7A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
866	Đỗ Thành	Đạt	17-07-04	61112286	7A2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
867	Đặng Hải	Anh	22-04-04	61112287	7A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
868	Hoàng Lê Gia	Linh	30-10-04	61112288	7A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
869	Ngô Minh	Đức	06-06-04	61112289	7A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
870	Nguyễn Gia	Sơn	20-11-04	61112290	7A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
871	Nguyễn Đức	Mạnh	29-12-04	61112291	7A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
872	Nguyễn Quang	Long	29-12-04	61112292	7A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
873	Nguyễn Thị	Khánh	17-09-04	61112293	7A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
874	Bùi Hoàng	Anh	27-12-04	61112294	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
875	Đỗ Thanh	Mai	28-09-04	61112295	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
876	Lê Sao	Mai	13-09-04	61112296	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
877	Nguyễn An	Nguyễn	27-05-04	61112297	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
878	Nguyễn Hải Ngân	20-09-04	61112298	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
879	Nguyễn Khánh Linh	31-05-04	61112299	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
880	Nguyễn Thanh Trúc	23-12-03	61112300	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
881	Nguyễn Trần Hồng Anh	16-10-04	61112301	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
882	Nguyễn Tuấn Hiệp	19-03-04	61112302	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
883	Phan Ngọc Lam	05-03-04	61112303	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
884	Trần Phạm Phương Nhi	03-08-04	61112304	7A5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 1 (7h30-9h)
885	Dương Quỳnh Chi	11-02-05	61112305	7C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
886	Nguyễn Thùy Anh	17-09-04	61112306	7C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
887	Đặng Phùng Khiết Như	10-01-04	61112307	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
888	Đỗ Hồng Ngọc	06-07-04	61112308	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
889	Hà Kim Ngân	05-10-04	61112309	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
890	Lê Khánh Nguyên	01-11-04	61112310	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
891	Lê Minh Phan	09-01-04	61112311	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
892	Nguyễn Anh Quân	06-01-04	61112312	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
893	Nguyễn Bá Thái Anh	23-04-04	61112313	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
894	Nguyễn Ngọc Minh	28-02-04	61112314	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
895	Trần Quang Minh	20-11-04	61112315	7C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
896	Trương Hải Hà	15-10-04	61112316	7C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
897	Bùi Thảo Hương	08-04-04	61112317	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
898	Bùi Vân Khánh	29-08-2004	61112318	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
899	Chu Phúc Hiếu	17-02-04	61112319	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
900	Hoàng Ngọc Hương	17-03-04	61112320	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
901	Kiều Xuân Nhi	06-03-04	61112321	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
902	Lê Hà Minh	24-05-04	61112322	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
903	Nguyễn Hoàng Bảo Lan	03-06-04	61112323	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
904	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	28-08-04	61112324	7C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
905	Đỗ Quang	Khải	01-08-04	61112325	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
906	Dương Bảo	Hân	27-02-04	61112326	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
907	Hoàng Gia	Hiển	18-01-04	61112327	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
908	Nguyễn Hồng	Chuyên	24-12-04	61112328	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 1 (7h30-9h)
909	Nguyễn Lan	Nhi	13-11-04	61112329	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
910	Nguyễn Thảo	Anh	21-08-04	61112330	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
911	Phạm Mai	Hương	16-07-04	61112331	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
912	Phạm Nữ Nhật	Hòa	18-04-04	61112332	7C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
913	Đào Duy	Khánh	31-08-04	61112333	7C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
914	Nguyễn Hồng	Hà	04-02-04	61112334	7C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
915	Nguyễn Hương	Trà	30-09-04	61112335	7C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
916	Phùng Linh	Chi	14-10-04	61112336	7C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
917	Lê Vĩnh	Hải	02-02-04	61112337	7M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
918	Nguyễn Công	Trí	13-08-04	61112338	7M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
919	Nguyễn Thái	Sơn	23-06-04	61112339	7M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
920	Phạm Đình	Cương	15-10-04	61112340	7M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
921	Trần Thế	Duy	23-03-04	61112341	7M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
922	Vũ Kim	Thành	28-04-04	61112342	7M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
923	Giang Đức	Minh	02-12-04	61112343	7S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
924	Lê Triệu	Khôi	22-10-04	61112344	7S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
925	Nguyễn Doãn Nam	Khang	26-11-04	61112345	7S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
926	Nguyễn Kim Diễm	Quỳnh	10-10-04	61112346	7S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
927	Nguyễn Ngọc Duy	Anh	11-08-03	61112347	7S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
928	Nguyễn Quang	Nam	27-10-04	61112348	7S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
929	Hồ Quốc	Hải	29-03-04	61112349	7S3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
930	Nguyễn Dương Hải Hà	02-10-04	61112350	7S3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
931	Nguyễn Khánh Linh	11-11-04	61112351	7S3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
932	Nguyễn Linh Đan	12-06-04	61112352	7S3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 1 (7h30-9h)
933	Nguyễn Thanh Hằng	30-09-04	61112353	7S3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
934	Đặng Ngọc Sơn	24-08-04	61112354	7T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
935	Hoàng Cao Khanh	16-02-04	61112355	7T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
936	Nguyễn Công Khanh	25-09-04	61112356	7T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
937	Nguyễn Hữu Hoàng	28-11-04	61112357	7T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
938	Nguyễn Minh Hải	09-06-04	61112358	7T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
939	Trần Hoàng Vũ	10-02-04	61112359	7T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
940	Khuong Duy Long	10-10-04	61112360	7T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
941	Vũ Tuấn Kiệt	22-08-04	61112361	7T2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
942	Nguyễn Thiên Ân	12-07-04	61112362	7T3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
943	Phạm Dương Anh Minh	28-06-04	61112363	7T3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
944	Bùi Công Duy	04-08-04	61112364	7V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
945	Nguyễn Tâm Đan	19-12-04	61112365	7V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
946	Trương Khánh Linh	02-10-04	61112366	7V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
947	Nguyễn Ngọc Khôi	12-02-03	61112367	8A2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
948	Dương Duy Khánh	30-04-03	61112368	8A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
949	Nguyễn Hà Phương	14-02-03	61112369	8A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
950	Nguyễn Hải Quỳnh	13-04-03	61112370	8A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
951	Nguyễn Linh Chi	21-03-03	61112371	8A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
952	Nguyễn Thị Hà Giang	24-08-03	61112372	8A4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
953	Trần Thảo Nguyên	17-12-03	61112373	8A6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
954	Vũ Thái Ngân	06-12-03	61112374	8A6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
955	Đỗ Hải Nam	16-12-03	61112375	8A7	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
956	Lê Hùng	02-09-03	61112376	8A7	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 1 (7h30-9h)
957	Lê Nguyễn Phương Anh	28-09-03	61112377	8A7	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
958	Trần Bùi Khánh Linh	05-12-03	61112378	8A7	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
959	Hoàng Lâm Tùng	01-10-03	61112379	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
960	Lê Văn Anh	29-10-03	61112380	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
961	Lương Tuệ Anh	28-06-03	61112381	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
962	Nguyễn Minh Phương	10-02-03	61112382	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
963	Nguyễn Ngọc Cẩm	24-09-03	61112383	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
964	Nguyễn Thạc Khôi Nguyên	14-10-03	61112384	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
965	Nguyễn Thành Vinh	13-05-03	61112385	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
966	Nguyễn Thu San	21-11-03	61112386	8A8	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
967	Cần Hà An	29-04-03	61112387	8C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
968	Đỗ Thanh Thanh Bình	09-11-03	61112388	8C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
969	Lê Minh	20-08-2003	61112389	8C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
970	Trần Đình Phước Nguyên	09-02-03	61112390	8C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
971	Đỗ Thùy An	28-01-03	61112391	8C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
972	Lê Thị Khánh Ly	15-12-03	61112392	8C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
973	Đậu Lê Thành	31-10-03	61112393	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
974	Đỗ Minh Hải	28-12-03	61112394	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
975	Lại Thị Thu Hằng	10-05-03	61112395	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
976	Lê Hà Ngân	19-04-03	61112396	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
977	Nguyễn Mỹ Anh	30-09-03	61112397	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
978	Nguyễn Phan Trung Hiếu	23-11-03	61112398	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
979	Nguyễn Phúc Nam	31-07-03	61112399	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
980	Nguyễn Vũ Phương Trang	06-05-03	61112400	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 1 (7h30-9h)
981	Thái Minh Anh	26-10-03	61112401	8C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
982	Đặng Phương	Anh	11-02-03	61112402	8M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
983	Đinh Khánh	Vy	11-03-05	61112403	8M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
984	Kiều Chí	Trung	21-11-07	61112404	8M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
985	Nguyễn Cảnh Nhật	Anh	15-05-08	61112405	8M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
986	Nguyễn Danh Nam	Anh	20-04-09	61112406	8M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
987	Vũ Hoàng Ngọc	Anh	06-06-06	61112407	8M	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
988	Nguyễn Duy	Anh	02-09-03	61112408	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
989	Nguyễn Linh	Anh	10-11-02	61112409	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
990	Nguyễn Trung	Kiên	17-10-03	61112410	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
991	Phạm Đặng	Trung	08-12-03	61112411	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
992	Phạm Ngọc Bảo	Châu	12-10-03	61112412	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
993	Tạ Quang	Huy	01-09-03	61112413	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
994	Trần Thủy	Linh	07-11-03	61112414	8S1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
995	Điền Diệu	Anh	30-03-03	61112415	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
996	Lê Huyền	Cơ	08-12-03	61112416	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
997	Trần Thị Vy	Anh	21-08-04	61112418	7A4	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
998	Trịnh Hà	Hải	04-08-05	61112419	6A4	THCS Nam Trung Yên	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
999	Lại Chính	Nguyên	10-08-04	61112417	7A2	VAS Hanoi	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
1000	Tô Trung	Đông	02-11-05	61112421	6A1	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
1001	Tô Minh	Ngọc	13-05-02	61112420	9A	THCS Trung Sơn Trầm	Sơn Tây	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 1 (7h30-9h)
1002	Ngô Quang	Minh	10-12-03	61112422	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1003	Thái Nhật	Anh	22-01-03	61112423	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1004	Trần Cẩm	Ly	24-04-03	61112424	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1005	Trần Huy Anh	Vũ	10-09-03	61112425	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1006	Trần Ngọc Linh	Chi	09-07-03	61112426	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1007	Trương Quang	Long	28-10-03	61112427	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1008	Tuấn Nguyên	Nam	06-02-03	61112428	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1009	Võ Quang	Minh	06-11-03	61112429	8S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1010	Lâm Trí	Hiếu	18-12-04	61112430	8S4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1011	Nguyễn Hà Thùy	Anh	23-04-03	61112431	8S4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1012	Nguyễn Minh	Ngọc	12-01-03	61112432	8S4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1013	Trần Chiến	Thắng	06-05-03	61112433	8S4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1014	Vũ Hoàng	Hải	04-05-03	61112434	8S4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1015	Nguyễn Hương	Giang	16-12-03	61112435	8T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1016	Nguyễn Nhật	Lệ	16-05-03	61112436	8T1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1017	Đông Phương	Thảo	04-11-03	61112437	8U	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1018	Bùi Vũ Cẩm	Anh	21-10-03	61112438	8V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1019	Lê Hà	Anh	19-11-03	61112439	8V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1020	Lưu Hương	Linh	17-01-03	61112440	8V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1021	Tô Linh	Anh	08-10-03	61112441	8V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1022	Bế Ngọc Gia	Hung	03-11-02	61112442	9A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1023	Đặng Mai	Châu	09-07-02	61112443	9A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1024	Nguyễn Hằng	Phương	28-05-02	61112444	9A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1025	Nguyễn Ngọc	Minh	14-11-02	61112445	9A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 2 (9h30-11h)
1026	Nguyễn Vũ Minh	Châu	10-12-02	61112446	9A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1027	Vũ Minh	Huệ	11-02-02	61112447	9A	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1028	Hoàng Minh	Thảo	11-11-02	61112448	9A1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1029	Lê Đức	Anh	20-09-02	61112449	9A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1030	Nguyễn Phạm Minh	Khang	30-07-02	61112450	9A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1031	Vũ Hà	Vy	24-12-02	61112451	9A3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1032	Nguyễn Chí	Bằng	30-08-16	61112452	9C	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1033	Lê Gia	Đức	15-01-02	61112453	9C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1034	Lê Phan Diễm Quỳnh	25-03-02	61112454	9C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1035	Nguyễn Đức Nguyên Vũ	25-01-02	61112455	9C1	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1036	Phùng Bảo Châu	22-03-2002	61112456	9C2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1037	Hà Cẩm Ly	31-07-02	61112457	9C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1038	Lê Thái Chí	03-07-02	61112458	9C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1039	Nguyễn Đoàn Hùng	15-12-02	61112459	9C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1040	Nguyễn Đức Duy	13-03-02	61112460	9C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1041	Nguyễn Hải Minh	28-01-02	61112461	9C3	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1042	Lê Duy	11-11-02	61112462	9C4	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1043	Nguyễn Hải Lê	14-09-02	61112463	9S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1044	Phạm Mai Trang	02-09-02	61112464	9S2	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1045	Phạm Đào Mai Phương	15-03-05	61112465	9V	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1046	Đặng Quốc Anh	21-06-03	61112466	8G	THCS Lomonoxop	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1047	Bùi Như Quỳnh	11-03-2005	61112467	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1048	Đỗ Duy Nam	12-12-2005	61112468	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1049	Đỗ Huyền Phương	08-01-2005	61112469	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 2 (9h30-11h)
1050	Đỗ Vũ Hoàng Kỳ	16-10-2005	61112470	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1051	Hồ Hương Giang	09-01-2005	61112471	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1052	Lê Hồng Ánh	01-07-2005	61112472	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1053	Lưu Liên Phương	25-01-2005	61112473	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1054	Lưu Mỹ Duyên	04-08-2005	61112474	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1055	Lưu Phương Linh	25-12-2005	61112475	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1056	Lưu Quý Tùng	18-08-2005	61112476	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1057	Nghiêm Thị Trang	01-09-2005	61112477	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1058	Ngô Đức Dũng	22-10-2005	61112478	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1059	Nguyễn Diệp Khánh Chi	06-10-2005	61112479	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1060	Nguyễn Đình	Khôi	10-11-2005	61112480	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1061	Nguyễn Đình	Thịnh	09-08-2005	61112481	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1062	Nguyễn Hoàng	Anh	10-03-2005	61112482	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1063	Nguyễn Hoàng	Giang	02-12-2005	61112483	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1064	Nguyễn Hồng	Nhung	21-03-2005	61112484	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1065	Nguyễn Kim	Chi	01-08-2005	61112485	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1066	Nguyễn Mai	Hương	11-03-2005	61112486	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1067	Nguyễn Minh	Khuê	28-05-2005	61112487	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1068	Nguyễn Minh	Thúy	04-08-2005	61112488	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1069	Nguyễn Phương	Anh	15-07-2005	61112489	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1070	Nguyễn Phương	Trang	25-09-2005	61112490	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1071	Nguyễn Thành	Công	07-01-2005	61112491	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1072	Nguyễn Thị	Nhàn	18-02-2005	61112492	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1073	Nguyễn Thị Thảo	Vân	30-04-2005	61112493	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 2 (9h30-11h)
1074	Nguyễn Thúy	Hằng	12-05-2005	61112494	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1075	Nguyễn Thùy	Dương	16-09-2005	61112495	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1076	Nguyễn Thùy	Dương	02-11-2005	61112496	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1077	Nguyễn Trí	Dũng	16-05-2005	61112497	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1078	Phương Thu	Uyên	12-02-2005	61112498	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1079	Trần Đặng Tiến	Dũng	11-04-2005	61112499	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1080	Trần Hạ	Tuyết	25-12-2005	61112500	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1081	Trần Khánh	Linh	19-07-2005	61112501	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1082	Trần Minh	Hiếu	28-05-2005	61112502	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1083	Trần Nguyễn Ngọc	Linh	01-10-2005	61112503	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1084	Trần Nhật	Quỳnh	05-12-2005	61112504	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1085	Trần Quỳnh	Anh	07-10-2005	61112505	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1086	Trần Thanh	Hoa	06-04-2005	61112506	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1087	Trần Thanh	Huyền	21-09-2005	61112507	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1088	Trần Thị Hải	Yến	10-10-2005	61112508	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1089	Trần Thị Thu	Huyền	08-08-2005	61112509	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1090	Trần Thị Tú	Quyên	12-09-2005	61112510	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1091	Trần Thu	Hằng	28-07-2005	61112511	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1092	Trần Xuân	Thu	11-10-2005	61112512	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1093	Trương Thị Cẩm	Tú	05-02-2005	61112513	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1094	Vũ Nguyễn Minh	Nhật	08-11-2005	61112514	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1095	Vũ Quang	Minh	21-06-2005	61112515	6A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1096	Đào Phương	Linh	07-10-2005	61112516	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1097	Đào Quang	Huy	14-06-2005	61112517	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 2 (9h30-11h)
1098	Đào Văn	Nhật	13-08-2005	61112518	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1099	Đỗ Minh	Quân	31-08-2005	61112519	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1100	Đỗ Ngọc	Quân	04-04-2005	61112520	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1101	Đỗ Thế	Quang	10-11-2005	61112521	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1102	Đoàn Quốc	Bảo	29-08-2005	61112522	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1103	Đoàn Quốc	Đạt	29-08-2005	61112523	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1104	Hoàng Ngọc	Linh	27-09-2005	61112524	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1105	Khiếu Đăng	Nam	06-09-2005	61112525	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1106	Lê	Vy	23-10-2005	61112526	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1107	Lưu Hải	Ly	12-01-2005	61112527	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1108	Lưu Thị Thùy	Linh	29-10-2005	61112528	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1109	Lưu Trung	Bình	14-04-2005	61112529	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1110	Mai Vũ Hữu	Thành	07-01-2005	61112530	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1111	Nguyễn Anh	Tài	08-03-2005	61112531	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1112	Nguyễn Đắc	Trung	30-11-2005	61112532	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1113	Nguyễn Đức	Nhật	26-01-2005	61112533	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1114	Nguyễn Hải	Dương	26-09-2005	61112534	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1115	Nguyễn Phú	Hung	06-10-2005	61112535	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1116	Nguyễn Thái	Hà	28-05-2005	61112536	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1117	Nguyễn Thanh	Bình	28-07-2005	61112537	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1118	Nguyễn Thanh	Hà	10-08-2005	61112538	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1119	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	28-11-2005	61112539	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1120	Nguyễn Thu	Trang	16-12-2005	61112540	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1121	Phạm Hoàng Thùy	Dương	20-10-2005	61112541	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 2 (9h30-11h)
1122	Phạm Ngọc	Diệp	12-02-2005	61112542	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1123	Phạm Quang	Minh	26-01-2005	61112543	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1124	Tạ Thanh	Nguyệt	05-06-2005	61112544	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1125	Tô Ngọc	Hoàng	25-05-2005	61112545	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1126	Tổng Quang	Minh	13-09-2005	61112546	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1127	Trần Đăng	Đạt	10-11-2005	61112547	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1128	Trần Khánh	Ly	20-12-2005	61112548	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1129	Trần Minh	Quân	01-08-2005	61112549	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1130	Trần Ngọc	Linh	27-03-2005	61112550	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1131	Trần Thị Thu	Thành	06-02-2005	61112551	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1132	Trần Thu	Trang	06-02-2005	61112552	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1133	Trần Trọng	Khôi	19-10-2005	61112553	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1134	Trần Văn	Huy	31-10-2005	61112554	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1135	Vũ Phạm Quang	Minh	25-12-2005	61112555	6B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1136	Bùi Thị Huyền	Trang	23-10-2005	61112556	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1137	Bùi Tổng Mỹ	Linh	20-02-2005	61112557	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1138	Đào Chí	Trung	13-11-2005	61112558	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1139	Đỗ Anh	Quân	11-08-2005	61112559	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1140	Đỗ Chiêu Nhật	Anh	25-02-2005	61112560	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1141	Đỗ Lan	Phương	15-03-2005	61112561	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1142	Đỗ Minh	Đức	12-04-2005	61112562	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1143	Đỗ Sỹ	Cường	28-07-2005	61112563	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1144	Đỗ Thị Linh	Diệp	06-11-2005	61112564	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1145	Lê Đức	Kiên	06-01-2005	61112565	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 2 (9h30-11h)
1146	Lê Khánh	Ngân	31-08-2005	61112566	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1147	Lương Kiều Hiếu	Trung	10-12-2005	61112567	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1148	Lưu Đức	Long	25-11-2005	61112568	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1149	Lưu Huyền	My	14-03-2005	61112569	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1150	Lưu Thuý	Anh	25-02-2005	61112570	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1151	Nguyễn Hải	Nam	20-09-2005	61112571	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1152	Nguyễn Hoàng	Hiệp	10-09-2005	61112572	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1153	Nguyễn Minh	Tâm	01-06-2005	61112573	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1154	Nguyễn Ngọc	Huyền	29-08-2005	61112574	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1155	Nguyễn Phương	Nam	01-03-2005	61112575	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1156	Nguyễn Phương	Thảo	02-04-2005	61112576	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1157	Nguyễn Thanh	Thảo	15-04-2005	61112577	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1158	Nguyễn Văn	Lộc	26-08-2005	61112578	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1159	Quảng Nguyên Tuấn	Anh	27-03-2005	61112579	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1160	Tạ Chánh	Tín	26-10-2005	61112580	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1161	Tạ Văn	Sỹ	22-06-2005	61112581	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1162	Trần Công Thái	Việt	19-10-2005	61112582	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1163	Trần Đăng	Hung	27-12-2005	61112583	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1164	Trần Khánh Ly	23-03-2005	61112584	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1165	Trần Minh Tuấn	29-06-2005	61112585	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1166	Trần Thanh Hoài	24-02-2005	61112586	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1167	Trần Thành Đạt	30-11-2005	61112587	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1168	Trần Thị Tâm Anh	16-12-2005	61112588	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1169	Trần Thị Thu Thảo	11-11-2005	61112589	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 2 (9h30-11h)
1170	Trần Tiến Đạt	02-04-2005	61112590	6C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1171	Đào Minh Ngọc	03-11-2004	61112591	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1172	Đỗ Khánh Linh	14-10-2004	61112592	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1173	Đỗ Mai Chinh	01-03-2004	61112593	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1174	Đồng Duy Hoàng	10-07-2004	61112594	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1175	Hoàng Thùy Linh	04-09-2004	61112595	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1176	Lê Thị Phương Thảo	01-03-2004	61112596	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1177	Lưu Diệu Linh	29-05-2004	61112597	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1178	Lưu Thị Mai Hương	27-02-2004	61112598	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1179	Nguyễn Diệu Linh	11-07-2004	61112599	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1180	Nguyễn Đức Long	28-04-2004	61112600	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1181	Nguyễn Đức Tuấn Anh	04-05-2004	61112601	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1182	Nguyễn Hương Anh	03-09-2004	61112602	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1183	Nguyễn Huy Hoàng	27-06-2004	61112603	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1184	Nguyễn Minh Phương	21-10-2004	61112604	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1185	Nguyễn Phương Trang	24-08-2004	61112605	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1186	Nguyễn Thuý Ngọc	26-06-2004	61112606	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1187	Nguyễn Văn Thịnh	20-03-2004	61112607	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1188	Tổng Khánh Linh	20-07-2004	61112608	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1189	Trần Chí Hiên	28-11-2004	61112609	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1190	Trần Đỗ Minh	Hải	27-07-2004	61112610	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1191	Trần Duy	Anh	22-02-2004	61112611	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1192	Trần Hải	Đăng	08-12-2004	61112612	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1193	Trần Hồng	Phi	24-09-2004	61112613	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 2 (9h30-11h)
1194	Trần Hương	Ly	09-11-2004	61112614	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1195	Trần Hữu	Toàn	02-12-2004	61112615	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1196	Trần Lan	Anh	27-10-2004	61112616	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1197	Trần Mạnh Tùng	Lâm	26-06-2004	61112617	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1198	Trần Minh	Quân	16-10-2004	61112618	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1199	Trần Minh	Tú	06-06-2004	61112619	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1200	Trần Ngọc	Minh	28-10-2004	61112620	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1201	Trần Quang	Anh	02-02-2004	61112621	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1202	Trần Quỳnh	Anh	14-09-2004	61112622	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1203	Trần Thị Huyền	Anh	31-12-2004	61112623	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1204	Trần Thị Minh	Nguyệt	02-09-2004	61112624	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1205	Trần Thị Phương	Thảo	14-07-2004	61112625	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1206	Trần Thị Thu	Hường	12-11-2004	61112626	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1207	Trần Thị Thuý	Nga	16-09-2004	61112627	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1208	Trần Thị Thuý	Linh	20-12-2004	61112628	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1209	Trần Thu	Hiền	05-09-2004	61112629	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1210	Trần Văn	Anh	27-10-2004	61112630	7A	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1211	Đào Ngọc	Dương	26-09-2004	61112631	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1212	Đỗ Hồng	Minh	15-05-2004	61112632	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1213	Đỗ Mai	Anh	23-06-2004	61112633	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1214	Lã Trần Hoàng	Long	28-12-2004	61112634	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1215	Lưu Hoàng	Dũng	23-01-2004	61112635	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1216	Lưu Ngọc	Ánh	23-09-2004	61112636	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1217	Lưu Quang	Thắng	29-02-2004	61112637	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 2 (9h30-11h)
1218	Nguyễn Hữu	Tùng	01-04-2004	61112638	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1219	Nguyễn Khánh	Linh	11-10-2004	61112639	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1220	Nguyễn Nhân	Quân	20-02-2004	61112640	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1221	Nguyễn Như	Phương	26-01-2004	61112641	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1222	Nguyễn Quang	Trung	02-01-2004	61112642	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1223	Nguyễn Quang	Tú	25-06-2004	61112643	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1224	Nguyễn Thanh	Thủy	08-02-2004	61112644	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1225	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	04-01-2004	61112645	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1226	Nguyễn Thu	Huệ	20-09-2004	61112646	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1227	Tạ Quang	Vinh	31-03-2004	61112647	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1228	Trần Hải	Anh	24-07-2004	61112648	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1229	Trần Hoàng	Phúc	03-07-2004	61112649	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1230	Trần Hữu	Trung	25-10-2004	61112650	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1231	Trần Huyền	Phương	09-10-2004	61112651	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1232	Trần Kiều	Trang	09-02-2004	61112652	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1233	Trần Ngọc	Tú	15-04-2004	61112653	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1234	Trần Quốc	Bảo	06-04-2004	61112654	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1235	Trần Thị	Nhung	24-03-2004	61112655	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1236	Trần Thị Ngọc	Diệp	15-10-2004	61112656	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1237	Trần Thu	Trang	08-09-2004	61112657	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1238	Trần Thu	Trang	25-09-2004	61112658	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1239	Trần Trọng	Nghĩa	16-12-2004	61112659	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1240	Trần Xuân	Sáng	01-11-2004	61112660	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)
1241	Trần Xuân	Bách	08-12-2004	61112661	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1242	Trương Thành	Đạt	17-03-2004	61112662	7B	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1243	Bùi Ngọc	Quý	13-08-2004	61112663	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1244	Đỗ Đình	Kiến	28-09-2004	61112664	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1245	Đỗ Trọng	Khang	26-12-2004	61112665	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1246	Đoàn Mạnh	Nam	24-08-2004	61112666	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1247	Đoàn Quốc	Quân	24-09-2004	61112667	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1248	Hoàng Đức	Mạnh	26-11-2004	61112668	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1249	Khiếu Đăng	Tùng	02-03-2004	61112669	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1250	Lê Huy	Khôi	25-08-2004	61112670	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1251	Lưu Đình	Dũng	16-09-2004	61112671	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1252	Lưu Hoàng	Việt	12-09-2004	61112672	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1253	Nguyễn Anh	Khoa	06-11-2004	61112673	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1254	Nguyễn Đắc	Khải	03-06-2004	61112674	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1255	Nguyễn Đắc	Trung	10-02-2004	61112675	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1256	Nguyễn Mạnh	Toàn	22-09-2004	61112676	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1257	Nguyễn Thị Phương	Thảo	20-10-2004	61112677	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1258	Nguyễn Thu	Hồng	05-09-2004	61112678	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1259	Nguyễn Tiến	Mạnh	13-09-2004	61112679	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1260	Nguyễn Văn	Lâm	03-10-2004	61112680	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1261	Nguyễn Văn	Tú	10-10-2004	61112681	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1262	Phan Minh	Hiếu	24-10-2004	61112682	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1263	Trần Hữu	Phước	08-07-2004	61112683	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1264	Trần Minh	Ngọc	17-09-2004	61112684	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1265	Trần Ngọc	Khánh	24-06-2004	61112685	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 2 (9h30-11h)
1266	Trương Hải	Anh	20-06-2002	61112694	9A1	Phổ Thông Dân Tộc Nội Trú Hà Nội	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1267	Trần Thảo	Chi	21-04-2003	61112695	8A	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1268	Vũ Huy Tú	28-06-2003	61112696	8A	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1269	Lê Khánh Huyền	05-12-2002	61112697	9B	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1270	Lê Thị Ngọc Bích	29-06-2002	61112698	9B	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1271	Phùng Phương Thảo	27-12-2002	61112699	9B	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1272	Nguyễn Phương Linh	12-07-02	61112700	9C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1273	Nguyễn Thị Như Quỳnh	07-09-02	61112701	9C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1274	Nguyễn Trang Nhung	29-01-02	61112702	9C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1275	Phùng Thị Ngân Hà	31-07-2002	61112703	9C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1276	Nguyễn Linh Chi	26-10-2005	61112704	6A	THCS Thụy An	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1277	Lý Văn Nhi	12-10-05	61112705	6C	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1278	Nguyễn Minh Diệp	12-12-05	61112706	6C	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1279	Nguyễn Minh Hạnh	15-05-05	61112707	6C	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1280	Nguyễn Phương Anh	06-03-05	61112708	6C	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1281	Nguyễn Thu Trang	16-10-05	61112709	6C	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1282	Trần Phương Nam	06-12-2004	61112686	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1283	Trần Thế Long	12-04-2003	61112687	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1284	Trần Thị Hồng Thắm	26-11-2004	61112688	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1285	Trần Thị Phương Anh	11-03-2004	61112689	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1286	Trần Thu Hà	27-09-2004	61112690	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1287	Trần Tuấn Dương	25-02-2004	61112691	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1288	Trần Tuấn Minh	23-02-2004	61112692	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1289	Trương Hoàng Anh	05-12-2004	61112693	7C	THCS Lý Nam Đế	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 2 (9h30-11h)
1290	Phạm Ngọc Linh	28-08-05	61112710	6C	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1291	Hoàng Văn Thái	19-10-04	61112711	7A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1292	Lý Văn Khoa	05-02-04	61112712	7A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1293	Nguyễn Bá Ngọc Thạch	18-10-04	61112713	7A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1294	Nguyễn Linh	Chi	19-08-04	61112714	7A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1295	Phạm Thu	Thảo	01-03-04	61112715	7A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1296	Trương Quốc	Bình	17-12-04	61112716	7A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1297	Hạ Thanh	Tâm	07-10-03	61112717	8A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1298	Nguyễn Diệu Khánh	Ly	04-06-03	61112718	8A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1299	Nguyễn Minh	Anh	09-08-03	61112719	8A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1300	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	25-01-03	61112720	8A	THCS Di Trạch	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1301	Nguyễn Thúy	Nga	11-11-05	61112721	6A	THCS Thị Trấn Trạm Trôi	Hoài Đức	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1302	Trần Khả Chí	Bách	27-03-05	61112722	6	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1303	Nguyễn Hoàng Hương	Giang	17-01-02	61112727	9	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1304	Phạm Đức	Minh	11-03-02	61112729	9	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1305	Bùi Ngân	Hạnh	19-12-02	61112723	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1306	Đỗ Minh	Châu	21-04-02	61112724	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1307	Hoàng Ánh	Linh	23-09-02	61112725	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1308	Lâm Bích	Trà	19-03-02	61112726	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1309	Nguyễn Quỳnh	Chi	17-10-02	61112728	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1310	Phạm Hiền	Anh	25-12-02	61112730	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1311	Phạm Huyền	My	13-03-02	61112731	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1312	Phạm Vũ Xuân	Anh	16-12-02	61112732	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1313	Trần Thảo	Nguyễn	19-03-02	61112733	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 2 (9h30-11h)
1314	Trương Hà	My	20-03-02	61112734	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1315	Trương Văn	Hà	08-10-02	61112735	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1316	Vũ Đào Thiên	Hương	16-04-02	61112736	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1317	Vũ Quỳnh	Hương	21-06-02	61112737	9E0	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1318	Bành Diệu Khánh	Hà	28-10-02	61112738	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1319	Chu Nguyễn Đức	Dũng	18-11-02	61112739	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1320	Đỗ Tiến	Anh	01-05-03	61112740	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1321	Hoàng Nhật	Minh	14-03-02	61112741	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1322	Lê Quỳnh	Anh	19-08-02	61112742	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1323	Lương Minh	Hạnh	03-10-02	61112743	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1324	Nguyễn Quỳnh	Phương	08-08-02	61112744	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1325	Nguyễn Thanh	Trúc	19-12-02	61112745	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1326	Tạ Khương	Trung	23-01-02	61112746	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1327	Vũ Lan	Phương	21-06-02	61112747	9E1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1328	Hoàng Phương	Nguyễn	07-11-02	61112748	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1329	Lâm Bảo	Ngọc	15-07-02	61112749	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1330	Nguyễn Ngọc	Minh	09-09-02	61112750	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1331	Nguyễn Thanh	Thảo	29-04-02	61112751	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1332	Phạm Hồng Đức	Anh	18-10-02	61112752	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1333	Trần Đức	Hiếu	29-08-02	61112753	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1334	Trương Tuấn	Minh	25-06-02	61112754	9E2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1335	Đoàn Thanh	Tâm	02-08-02	61112755	9E3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1336	Nguyễn Đức Việt	Anh	11-07-02	61112756	9E3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1337	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	16-11-02	61112757	9E3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 2 (9h30-11h)
1338	Bùi Minh	Ngọc	05-09-05	61112778	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1339	Hoàng Nam	Khánh	27-05-05	61112779	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1340	Lê Hương	Giang	02-12-05	61112780	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1341	Nguyễn Anh	Hào	15-12-05	61112781	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1342	Nguyễn Việt	Quang	11-08-02	61112758	9E3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1343	Đặng Chí	Đức	11-01-02	61112759	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1344	Đoàn Văn Đức	Phúc	30-04-02	61112760	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1345	Lê Đức	Đạt	24-11-02	61112761	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1346	Lê Nguyễn Quỳnh	Trang	27-06-02	61112762	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1347	Nguyễn Diệu	Hằng	14-03-02	61112763	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1348	Nguyễn Hà	My	02-11-02	61112764	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1349	Nguyễn Hoàng Minh	Anh	12-11-02	61112765	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1350	Nguyễn Huyền	My	15-01-02	61112766	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1351	Nguyễn Nhật	Linh	15-04-02	61112767	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1352	Nguyễn Quỳnh	Phương	07-06-02	61112768	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1353	Trần Phương	Lam	26-11-02	61112769	9E4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1354	Lê Trần Tùng	Lâm	07-09-02	61112770	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1355	Nguyễn Hà	Phương	06-06-02	61112771	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1356	Nguyễn Hiền	Anh	15-10-02	61112772	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1357	Nguyễn Minh	Đức	10-08-02	61112773	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1358	Nguyễn Thị Mai	Phương	16-08-02	61112774	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1359	Phạm Thu	Hoài	07-10-02	61112775	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1360	Trần Hải	Minh	08-08-02	61112776	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1361	Trần Phương	Anh	05-10-02	61112777	9E5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 2 (9h30-11h)
1362	Nguyễn Minh	Hà	09-07-05	61112782	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1363	Nguyễn Phan	Quang	27-10-05	61112783	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1364	Nguyễn Trần Đăng	Duy	18-12-05	61112784	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1365	Nguyễn Tùng	Lâm	16-10-05	61112785	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1366	Trần Hoàng Châu	Anh	28-12-05	61112786	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1367	Trần Vũ Minh	Anh	02-09-05	61112787	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1368	Vũ Tuệ	Minh	27-04-05	61112788	6G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1369	Nguyễn Tiến	Minh	28-02-05	61112789	6G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1370	Nguyễn Trọng Gia	An	28-11-05	61112790	6G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1371	Phan Lê Phương	Uyên	16-12-05	61112791	6G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1372	Trần Mỹ Trang	18-08-05	61112792	6G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1373	Trương Đức Khánh	12-02-05	61112793	6G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1374	Bùi Minh Thư	22-08-05	61112794	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1375	Đặng Quang Thắng	06-10-05	61112795	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1376	Đỗ Thảo Ngân	26-03-05	61112796	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1377	Lê Hà Vi	20-06-05	61112797	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1378	Lê Nguyên Hạnh	15-07-05	61112798	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1379	Lê Quỳnh Thu	13-08-05	61112799	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1380	Nguyễn Công Hiếu	06-12-05	61112800	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1381	Nguyễn Minh Châu	23-02-05	61112801	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1382	Nguyễn Thành Nam	06-08-05	61112802	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1383	Nguyễn Thị Hải Anh	28-02-05	61112803	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1384	Trần Mỹ Liên	16-04-05	61112804	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1385	Trần Thị Phương Dung	28-12-05	61112805	6I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 2 (9h30-11h)
1386	Đặng Ngọc Anh	24-07-05	61112806	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1387	Lê Huyền Linh	12-05-05	61112807	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1388	Lê Phương Linh	16-01-05	61112808	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1389	Lý Hà Diệu Vy	21-07-05	61112809	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1390	Ngô Hoàng Bách	16-03-05	61112810	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1391	Nguyễn Hà Nhi	02-07-04	61112811	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1392	Nguyễn Nhật Minh	20-01-05	61112812	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1393	Nguyễn Nhật Quang	17-07-05	61112813	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1394	Nguyễn Trần Nam	21-09-05	61112814	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1395	Nguyễn Trần Trang Linh	21-01-05	61112815	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1396	Phạm Khánh Ngọc	17-11-05	61112816	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1397	Phạm Ngọc Huy Vũ	16-08-05	61112817	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1398	Phạm Quang	Thái	18-11-05	61112818	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1399	Phạm Thu	Hà	28-07-05	61112819	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1400	Phạm Thùy	Trang	29-09-05	61112820	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1401	Phan Thu	Ngân	18-04-05	61112821	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1402	Trần Diệu	Linh	14-02-05	61112822	6I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1403	Bùi Duy	Ninh	24-04-05	61112823	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1404	Đỗ Thị Diệu	Huyền	23-07-05	61112824	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1405	Hà Quốc	Minh	05-10-05	61112825	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1406	Lê Minh	Đạt	22-12-05	61112826	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1407	Nguyễn Bảo	Ngọc	21-03-05	61112827	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1408	Nguyễn Doãn Ngân	Hà	04-10-05	61112828	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1409	Nguyễn Hoàng	Trang	13-10-05	61112829	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 2 (9h30-11h)
1410	Nguyễn Linh	Chi	02-07-08	61112830	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1411	Nguyễn Phúc	Hung	23-09-05	61112831	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1412	Nguyễn Tuệ	Minh	15-08-05	61112832	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1413	Nguyễn Việt	Phương	07-09-05	61112833	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1414	Phạm Hoàng Thanh	An	28-01-05	61112834	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1415	Phạm Trường	An	08-05-05	61112835	6M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1416	Bùi Trung	Thông	15-03-05	61112836	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1417	Cao Ái	Nhi	06-08-05	61112837	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1418	Cao Thế	Quang	25-01-05	61112838	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1419	Hoàng	Minh	27-09-05	61112839	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1420	Hoàng	Long	27-09-05	61112840	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1421	Lê Minh	Đức	12-09-05	61112841	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1422	Lê Minh	Đăng	21-12-05	61112842	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1423	Lê Vũ	Nguyễn	04-10-05	61112843	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1424	Nguyễn Khiêm	30-03-05	61112844	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1425	Nguyễn Duy Khánh	18-09-05	61112845	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1426	Nguyễn Minh Trí	23-03-05	61112846	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1427	Nguyễn Quốc Anh	02-11-05	61112847	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1428	Nguyễn Trí Đức	11-05-05	61112848	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1429	Nguyễn Tuấn Long	29-10-05	61112849	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1430	Phan Khánh Linh	03-02-05	61112850	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1431	Trần Đặng Tú Nhi	06-06-05	61112851	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1432	Vũ Anh Thư	05-05-05	61112852	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1433	Xuân Khánh Linh	05-09-05	61112853	6M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 2 (9h30-11h)
1434	Bùi Việt Long	29-10-05	61112854	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1435	Đào Tân Sơn	02-08-05	61112855	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1436	Lê Tiến Vượng	09-11-05	61112856	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1437	Nguyễn Danh Nhật Ánh	05-08-05	61112857	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1438	Nguyễn Diệu Linh	21-05-05	61112858	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1439	Nguyễn Duy Khôi	30-12-04	61112859	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1440	Nguyễn Gia Huy	22-07-05	61112860	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1441	Nguyễn Hải An	26-03-05	61112861	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1442	Nguyễn Minh Châu	27-05-05	61112862	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1443	Nguyễn Ngọc Anh	14-10-05	61112863	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1444	Nguyễn Phước Lộc	26-09-05	61112864	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1445	Trần Thị Thanh An	24-12-05	61112865	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1446	Vũ Phương Trang	12-07-05	61112866	6M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1447	Lê Quế Chi	21-09-05	61112867	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1448	Nguyễn Khánh Diệu Huyền	07-10-2005	61112868	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1449	Nguyễn Mai Anh	14-11-05	61112870	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1450	Nguyễn Minh	Anh	05-03-05	61112871	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1451	Nguyễn Minh	Nhật	14-12-05	61112872	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1452	Nguyễn Phạm Thanh	Ngân	30-01-05	61112873	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1453	Nguyễn Thu	Trà	15-08-05	61112874	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1454	Nguyễn Tích	Bảo	14-10-05	61112875	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1455	Nguyễn Vân	Khánh	20-04-05	61112876	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1456	Phùng Hiếu	Minh	07-01-05	61112877	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 2 (9h30-11h)
1457	Võ Quỳnh	Thư	15-09-05	61112878	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1458	Vũ Hoàng Diệu	Linh	21-12-05	61112879	6P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1459	Bùi Hà	Linh	19-09-05	61112880	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1460	Bùi Tạ Danh	Chính	28-06-05	61112881	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1461	Chu Huy	Tài	24-05-05	61112882	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1462	Đào Phương	Anh	20-10-05	61112883	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1463	Đỗ Như	Anh	03-09-05	61112884	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1464	Đỗ Thế	Anh	26-07-05	61112885	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1465	Hà Thị Thanh	Phương	02-07-05	61112886	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1466	Lê Thanh	Thảo	14-01-05	61112887	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1467	Lưu Ngọc Minh	Châu	12-04-05	61112888	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1468	Maria Halley Louise Le	Abad	14-11-05	61112889	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1469	Ngô Trịnh Bảo	Hân	17-10-05	61112890	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1470	Nguyễn An	Khánh	30-11-05	61112891	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1471	Nguyễn Hoàng	Giang	19-02-05	61112892	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1472	Nguyễn Lê	Vy	11-07-05	61112893	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1473	Phạm Ngọc Châu	Anh	25-10-05	61112894	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1474	Quách Tuấn	Minh	10-03-05	61112895	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1475	Trần Đăng	Minh	18-05-05	61112896	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1476	Trần Khánh Ngọc	04-11-05	61112897	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1477	Trần Trung Hiếu	10-11-05	61112898	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1478	Trịnh Gia Linh	01-05-05	61112899	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1479	Vũ Hoàng Bảo Anh	29-05-05	61112900	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1480	Vũ Mỹ Linh	30-11-05	61112901	6P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 2 (9h30-11h)
1481	Lê Hà Linh	27-12-05	61112902	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1482	Lê Minh Phương	17-05-05	61112903	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1483	Lê Vũ An	26-10-05	61112904	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1484	Mai Quốc Huy	09-11-05	61112905	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1485	Nguyễn Châu Anh	27-03-05	61112906	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1486	Nguyễn Trần Khánh Linh	01-01-05	61112907	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1487	Phùng Yến Nhi	28-09-05	61112908	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1488	Trần Bảo Hân	19-07-05	61112909	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1489	Trần Thu Hà	27-10-05	61112910	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1490	Trương Vũ Thành Long	10-10-05	61112911	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1491	Vũ Thu Linh	11-05-05	61112912	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1492	Vũ Văn Đức Kiên	26-04-05	61112913	6P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1493	Bạch Ngọc Hiếu	27-10-2004	61112914	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1494	Bùi Nam HIếu	11-04-2004	61112915	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1495	Đỗ Tùng Dương	18-05-2004	61112916	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1496	Hoàng Gia Hân	27-02-2004	61112917	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1497	Lê Nguyễn Gia Bảo	24-04-2004	61112918	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1498	Lê Thành Nam	22-04-2004	61112919	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1499	Lê Thu Huyền Anh	02-06-2004	61112920	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1500	Lee Jae Sung	20-11-2004	61112921	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1501	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	20-03-2004	61112922	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1502	Nguyễn Khánh Linh	20-11-2004	61112923	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1503	Nguyễn Lê Quyên	22-08-2004	61112924	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1504	Nguyễn Minh Quang	21-10-2004	61112925	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 2 (9h30-11h)
1505	Nguyễn Quang Đại	13-05-2004	61112926	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1506	Nguyễn Tiến Đạt	03-08-2004	61112927	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1507	Nguyễn Trần Tùng Minh	29-05-2004	61112928	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1508	Phạm Trà My	10-07-2004	61112929	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1509	Trần Anh Minh	05-07-2004	61112930	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1510	Trần Lê Huy	14-08-2004	61112931	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1511	Trương Tuấn Huy	28-11-2004	61112932	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1512	Võ Lan Ngọc	29-09-2004	61112933	7G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1513	Đinh Hữu Tuấn Minh	14-10-2004	61112934	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1514	Lê Đức Thịnh	07-12-2004	61112935	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1515	Nguyễn Anh Thư	04-01-2004	61112936	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1516	Nguyễn Lê Tuệ Nhi	01-12-2004	61112937	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1517	Phạm Vũ Hà Dương	16-10-2004	61112938	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1518	Phan Thế Hưng	03-07-2004	61112939	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1519	Trần An Khanh	08-09-2004	61112940	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1520	Trần Nam Phong	03-10-2004	61112941	7G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1521	Lại Quang Huy	15-12-2004	61112942	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1522	Lê Ái Linh	19-07-2004	61112943	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1523	Lê Khánh Linh	19-07-2004	61112944	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1524	Lê Minh Hà	19-01-2003	61112945	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1525	Lê Mỹ Linh	19-07-2004	61112946	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1526	Lê Nguyễn Mỹ Châu	22-04-2004	61112947	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1527	Nguyễn Hiền Anh	24-10-2004	61112948	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1528	Nguyễn Hoàng	Hiếu Minh	07-03-2004	61112949	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 2 (9h30-11h)
1529	Nguyễn Thùy	Dương	19-03-2004	61112950	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1530	Park Eun	Woo	30-08-2004	61112951	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1531	Trần Ngọc Mỹ	Uyên	26-01-2004	61112952	7G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1532	Hoàng Anh	Quaân	20-10-2004	61112953	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1533	Lê Hà	Phương	05-02-2004	61112954	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1534	Ngô Thùy	Linh	23-04-2004	61112955	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1535	Nguyễn Huyền	Anh	26-12-2004	61112956	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1536	Nguyễn Ngân	Giang	27-12-2004	61112957	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1537	Nguyễn Quốc	Dũng	02-12-2004	61112958	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1538	Phùng Minh	Hoàng	28-05-2004	61112959	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1539	Trần Nhật	Minh	29-10-2004	61112960	7I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1540	Đỗ Quân	Anh	28-12-2004	61112961	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1541	Lê Minh	Quân	19-01-2004	61112962	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1542	Nguyễn Hoàng	Kiên	12-01-2004	61112963	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1543	Nguyễn Hoàng Bảo	Nhi	17-06-2004	61112964	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1544	Phùng Tiến	Đạt	10-08-2004	61112965	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1545	Trần Thục	Anh	05-08-2004	61112966	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1546	Trần Tuấn	Kiệt	16-02-2004	61112967	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1547	Vũ Tuấn	Long	10-03-2004	61112968	7I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1548	Đặng Thế	Mạnh	24-10-2004	61112969	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1549	Đinh Phạm Minh	Nghĩa	25-02-2004	61112970	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1550	Mai Phạm Việt	Hung	06-09-2004	61112971	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1551	Nguyễn Đình	Hiếu	16-02-2004	61112972	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1552	Nguyễn Mạnh Hải	Anh	31-12-2004	61112973	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 2 (9h30-11h)
1553	Nguyễn Phan	Nguyễn	04-01-2004	61112974	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1554	Nguyễn Thanh	Văn	08-03-2004	61112975	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1555	Nguyễn Thùy	Linh	24-10-2004	61112976	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1556	Nguyễn Việt	Thành	21-07-2004	61112977	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1557	Trần Minh	Phương	05-07-2004	61112978	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1558	Vũ Anh	Quân	20-11-2004	61112979	7M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1559	Bùi Cẩm	Hà	25-01-2004	61112980	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1560	Đặng Thế Minh	Đức	21-06-2004	61112981	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1561	Đào Lý Nguyệt	Minh	29-01-2004	61112982	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1562	Lê Minh	Châu	26-08-2004	61112983	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1563	Lê Vũ Hiền	Khanh	25-03-2004	61112984	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1564	Nguyễn Hồng	Minh	09-05-2004	61112985	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1565	Tổng Khánh	Linh	19-07-2004	61112986	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1566	Trần Yến	Nhi	25-05-2004	61112987	7M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1567	Dương Hoài	Bắc	15-04-2004	61112988	7M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1568	Nguyễn Mai	Quỳnh	07-09-2004	61112989	7M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1569	Trần Hà	My	11-04-2004	61112990	7M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1570	Vũ Đức	Kiên	07-02-2004	61112991	7M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1571	Đào Minh	Đức	27-06-2004	61112992	7P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1572	Trần Hà	Linh	29-09-2004	61112993	7P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1573	Từ Vũ Yến	Nhi	11-11-2004	61112994	7P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1574	Vũ Đào Tuấn	Đức	13-03-2004	61112995	7P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1575	Đào Minh	Anh	26-05-2004	61112996	7P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1576	Lưu Gia	Bảo	25-02-2004	61112997	7P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 2 (9h30-11h)
1577	Nguyễn Tuấn	Minh	28-01-2004	61112998	7P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1578	Đàm Minh	Trí	24-04-2004	61112999	7P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1579	Hán Đức	Linh	16-05-2004	61113000	7P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1580	Ngô Vũ Thiên	Trang	03-09-2004	61113001	7P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1581	Nguyễn Khánh	Linh	09-01-2004	61113002	7P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1582	Oh Hyun	Hee	13-09-2003	61113003	7P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1583	Phùng Quang	Huy	13-10-2004	61113004	7P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1584	Hoàng Bùi Phương	Thảo	07-07-03	61113005	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1585	Kiều Mạnh	Linh	25-02-03	61113006	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1586	Nguyễn Duy	Tùng	13-06-03	61113007	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1587	Nguyễn Quang	Hải	15-02-03	61113008	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1588	Phạm Quang	Anh	04-02-03	61113009	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1589	Trần Hữu	Thắng	23-07-03	61113010	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1590	Vũ Phương	Nhung	12-02-03	61113011	8G1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1591	Bùi Thiên Thảo	My	25-09-2003	61113012	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1592	Đặng Minh	Cường	14-07-2003	61113013	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1593	Lê Gia	Khoa	05-12-2003	61113014	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1594	Lê Thị Minh	Trang	22-09-2003	61113015	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1595	Mai Phương	Linh	05-11-2003	61113016	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1596	Ngô Lê Thế	Bách	06-01-2003	61113017	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1597	Nguyễn Cao	Thảo	20-04-2003	61113018	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1598	Nguyễn Quốc	Bảo	01-06-2003	61113019	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1599	Nguyễn Tú	Trình	06-12-2003	61113020	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1600	Phạm Kỳ	Nam	21-01-2003	61113021	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 2 (9h30-11h)
1601	Phạm Thanh	Son	06-09-2003	61113022	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1602	Trần Minh	Đức	02-01-2003	61113023	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1603	Trần Thu	Uyên	08-05-2003	61113024	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1604	Trần Trung	Nghĩa	14-04-2003	61113025	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1605	Vũ Phương	Linh	09-05-2003	61113026	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1606	Vũ Thu	Trà	18-01-2003	61113027	8G2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1607	Đặng Hoàng Tiến	Anh	12-12-03	61113028	8G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1608	Nguyễn Minh	Hằng	11-11-03	61113029	8G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1609	Nguyễn Phương	Linh	07-07-03	61113030	8G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1610	Nguyễn Thanh	Tuyết	10-12-03	61113031	8G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1611	Phạm Trần Hồng	Anh	27-11-03	61113032	8G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1612	Trần Anh	Khánh	23-12-03	61113033	8G3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1613	Cao Hoàng	Hiếu	19-04-03	61113034	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1614	Lưu Quang	Huy	14-06-03	61113035	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1615	Nguyễn Hà	Nhi	30-09-03	61113036	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1616	Nguyễn Linh	Đan	19-11-03	61113037	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1617	Nguyễn Quỳnh	Anh	16-09-03	61113038	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1618	Nguyễn Thị Minh	Trang	07-12-03	61113039	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1619	Nguyễn Tuấn	Huy	02-07-03	61113040	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1620	Phạm Hải	Anh	31-10-03	61113041	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1621	Trần Khánh	Nam	09-06-03	61113042	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1622	Trần Nhật	Minh	12-09-03	61113043	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1623	Võ An	Khuê	20-03-03	61113044	8I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1624	Lý Gia	Hân	10-05-03	61113045	8I3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 2 (9h30-11h)
1625	Nguyễn Hà	My	06-10-03	61113046	8I3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1626	Bùi Hà	Phương	09-05-03	61113047	8I4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1627	Hoàng Minh	Phương	16-07-03	61113048	8I4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1628	Lê Thanh	Hoàng	21-01-03	61113049	8I4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1629	Nguyễn Mỹ	Anh	05-09-03	61113050	8I4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1630	Nguyễn Thùy	Anh	26-01-03	61113051	8I4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1631	Dương Ái	Linh	06-02-03	61113052	8M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1632	Nguyễn Như Minh	Anh	22-10-03	61113053	8M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1633	Vũ Hà	My	24-12-03	61113054	8M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1634	Đậu Phi	Khánh	12-10-03	61113055	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1635	Dương Quỳnh	Châu	26-10-03	61113056	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1636	Hoàng Đức	Duy	11-04-03	61113057	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1637	Lê Nguyễn Nhật	Minh	26-08-03	61113058	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1638	Mai Khánh	Thy	23-12-03	61113059	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1639	Nguyễn Hồng	Ngọc	13-01-03	61113060	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1640	Phan Vũ Minh	Châu	09-11-03	61113061	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1641	Trần Việt	Anh	20-04-03	61113062	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1642	Trịnh Phương	Nhi	16-12-03	61113063	8M2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1643	Đỗ Châu	Anh	28-09-03	61113064	8M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1644	Hoàng Nguyễn	Phong	21-07-2003	61113065	8M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1645	Lê Công Tiến	Anh	23-06-03	61113066	8M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1646	Nguyễn Hoàng	Hải	16-09-2003	61113067	8M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1647	Nguyễn Thanh	Thảo	04-04-2003	61113068	8M3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1648	Nguyễn Duy	Thông	28-05-03	61113069	8M4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 2 (9h30-11h)
1649	Trần Phạm Khánh	Linh	26-02-03	61113070	8M4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1650	Tạ Hữu Phúc	Lâm	18-10-03	61113071	8M5	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1651	Đỗ Đức	Anh	21-11-03	61113072	8M6	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1652	Vũ Thị Thu	Quyên	19-06-03	61113073	8M7	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1653	Trần	Bình	25-10-03	61113074	8M8	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1654	Nguyễn Minh	Anh	26-02-03	61113075	8M9	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1655	Đoàn Đức	Anh	22-07-03	61113076	8P1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1656	Bùi Hoàng Nam	Thịnh	26-01-03	61113077	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1657	Hoàng Bình	Minh	02-08-03	61113078	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1658	Hoàng Trần Hà	Phương	05-03-03	61113079	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1659	Lê Trần Thanh	Hà	08-03-03	61113080	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1660	Ngô Duy	Anh	27-11-03	61113081	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1661	Nguyễn Mạnh	Hà	21-08-03	61113082	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1662	Nguyễn Ngọc	Quang	10-02-03	61113083	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1663	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	02-12-03	61113084	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1664	Nguyễn Phan	Minh	26-10-03	61113085	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1665	Nguyễn Quốc	Thành	17-07-03	61113086	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1666	Phạm Phương	Uyên	06-08-03	61113087	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1667	Phạm Trần Anh	Thư	08-11-03	61113088	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1668	Trần Duy Tùng	Lâm	07-01-03	61113089	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1669	Vũ Tùng	Anh	12-05-03	61113090	8P2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1670	Lại Gia	Long	12-10-2003	61113091	8P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1671	Nguyễn Anh	Hào	31-03-2003	61113092	8P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1672	Nguyễn Lê Bách	Nhân	14-01-2003	61113093	8P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 2 (9h30-11h)
1673	Phạm Hoàng	Dương	25-09-2003	61113094	8P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1674	Phạm Hồng	Quỳnh	09-02-2003	61113095	8P3	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1675	Đặng Thanh	Hương	20-03-03	61113096	8P4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1676	Lê Hoàng Uyên	Nhi	06-08-03	61113097	8P4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1677	Phạm Ngọc Minh	Anh	11-01-03	61113098	8P4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1678	Trần Thụy	Vy	13-08-03	61113099	8P4	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1679	Nguyễn Dương Huyền	Linh	02-09-02	61113100	9G	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1680	Bùi Phương	Linh	21-10-02	61113101	9I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1681	Nguyễn Việt	Dũng	05-06-02	61113102	9I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1682	Phan Nguyễn Ngọc	Linh	12-02-02	61113103	9I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1683	Trần Phương	Linh	09-08-02	61113104	9I1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1684	Đặng Châu	Anh	17-01-02	61113105	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1685	Đào Thu	Quỳnh	30-01-02	61113106	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1686	Lê Hà	Phương	21-02-02	61113107	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1687	Lê Minh	Nguyệt	28-09-02	61113108	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1688	Lê Quỳnh	Như	13-10-02	61113109	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1689	Nguyễn Duy	Khánh	02-09-02	61113110	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1690	Nguyễn Lê	Cường	06-08-02	61113111	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1691	Nguyễn Nhật	Ánh	03-04-02	61113112	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1692	Phạm Hoài	Linh	28-08-02	61113113	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1693	Phan Hoàng	Duy	15-07-2002	61113114	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1694	Quách Diệp Châu	Anh	27-02-02	61113115	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1695	Trần Thùy	Dương	04-04-02	61113116	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1696	Trịnh Nguyễn Thảo	Linh	18-12-02	61113117	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 2 (9h30-11h)
1697	Vũ Thanh	Thảo	07-01-02	61113118	9I2	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1698	Nguyễn Thị Minh	Khuê	23-08-02	61113119	9M	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1699	Trần Hải	Anh	26-12-02	61113120	9M1	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1700	Hoàng Trung	Anh	14-03-02	61113121	9N	THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1701	Vũ Hương	Giang	05-07-03	61113122		THCS Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1702	Đặng Khánh	Đạt	04-01-05	61113123	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1703	Đặng Văn	Huy	26-05-05	61113124	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1704	Đỗ Gia	Phát	30-09-05	61113125	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1705	Đỗ Như	Quỳnh	29-12-05	61113126	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1706	Đỗ Thế	Vinh	28-09-05	61113127	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1707	Đỗ Thị Quỳnh	Giang	09-08-05	61113128	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1708	Dương Thị Tố	Uyên	09-09-05	61113129	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1709	Hoàng Hải	Quân	07-09-05	61113130	6A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1710	Lê Thị Thanh	Trà	28-02-05	61113131	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1711	Ngô Yến	Nhi	17-10-05	61113132	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1712	Nguyễn Thạch	Vương	02-06-05	61113133	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1713	Nguyễn Bá Công	Minh	14-11-05	61113134	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1714	Nguyễn Dạ Minh	Châu	08-01-05	61113135	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1715	Nguyễn Đình Tiến	Đạt	03-12-05	61113136	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1716	Nguyễn Đình Tuấn	Anh	10-05-05	61113137	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1717	Nguyễn Hồng	Ánh	13-06-05	61113138	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1718	Nguyễn Hữu	An	18-03-05	61113139	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1719	Nguyễn Hữu	Khánh	18-08-05	61113140	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1720	Nguyễn Hữu	Sỹ	11-11-05	61113141	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 2 (9h30-11h)
1721	Nguyễn Huy	Hoàng	16-06-05	61113142	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1722	Nguyễn Khắc	Mạnh	16-06-05	61113143	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1723	Nguyễn Minh	Hiếu	15-02-05	61113144	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1724	Nguyễn Thạch Bảo	Yến	22-11-05	61113145	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1725	Nguyễn Thành	Đạt	13-07-05	61113146	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1726	Nguyễn Thế	Đức	30-05-05	61113147	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1727	Nguyễn Thị	Hương	16-06-05	61113148	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1728	Nguyễn Thị	Huyền	03-01-05	61113149	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1729	Nguyễn Thị Bích	Thảo	25-01-05	61113150	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1730	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	04-09-05	61113151	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1731	Nguyễn Thùy	Dương	20-06-05	61113152	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1732	Nguyễn Tiến	Đạt	06-04-05	61113153	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1733	Nguyễn Tiến	Lịch	03-11-05	61113154	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1734	Nguyễn Văn	Đức	16-10-05	61113155	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1735	Nguyễn Văn	Huy	23-01-05	61113156	6A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1736	Phạm Anh	Son	01-10-05	61113157	6A1	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1737	Phạm Hồng	Nhi	31-01-05	61113158	6A1	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1738	Phương Hồng	Dương	02-06-05	61113159	6A1	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1739	Trần Thế	Huy	29-09-05	61113160	6A1	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1740	Bùi Ngọc	Hùng	25-01-05	61113161	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1741	Đào Quang	Huy	02-12-05	61113162	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1742	Đào Thị	Nhung	24-02-05	61113163	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1743	Đào Thu	Uyên	11-12-05	61113164	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1744	Đỗ Cẩm	Tú	20-12-05	61113165	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 2 (9h30-11h)
1745	Đỗ Đức	An	06-06-05	61113166	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1746	Đỗ Huy	Quân	19-05-05	61113167	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1747	Đỗ Quang	Duy	23-11-05	61113168	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1748	Đỗ Thị	Mai	23-04-05	61113169	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1749	Hà Thị Trà	My	26-05-05	61113170	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1750	Lê Hải	Đăng	16-03-05	61113171	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1751	Lê Hồng	Hải	13-01-05	61113172	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1752	Lê Xuân	Khải	14-01-05	61113173	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1753	Mỵ Duyệt	Nguyễn	22-04-05	61113174	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1754	Nghiêm Hiếu	Kiên	01-02-05	61113175	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1755	Ngô Chí	Thị	29-08-05	61113176	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1756	Ngô Minh	Hậu	10-06-05	61113177	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1757	Ngô Vy	Anh	27-10-05	61113178	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1758	Nguyễn Công	Hoan	06-08-05	61113179	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1759	Nguyễn Duy	Bách	10-11-05	61113180	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1760	Nguyễn Huy	Đạt	08-06-05	61113181	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1761	Nguyễn Mỹ	Huyền	29-11-05	61113182	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1762	Nguyễn Nam	Khánh	26-08-05	61113183	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1763	Nguyễn Như	Quỳnh	03-11-05	61113184	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1764	Nguyễn Thạch Anh	Son	02-12-05	61113185	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1765	Nguyễn Thành	Vinh	20-10-05	61113186	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1766	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	11-07-05	61113187	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1767	Nguyễn Thị Hiền	Lương	26-10-05	61113188	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1768	Nguyễn Thị Lan	Chi	02-02-05	61113189	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 2 (9h30-11h)
1769	Nguyễn Thị Phương	Linh	12-10-05	61113190	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1770	Nguyễn Thị Trang	Anh	02-09-05	61113191	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1771	Nguyễn Thị Tuyết	Linh	29-10-05	61113192	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1772	Nguyễn Văn	Phi	29-04-05	61113193	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1773	Nguyễn Việt	Nam	03-01-05	61113194	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1774	Nguyễn Việt	Tú	02-07-05	61113195	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1775	Tạ Duy	Tùng	01-06-05	61113196	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1776	Thái Triệu Yên	Minh	04-09-05	61113197	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1777	Trần Hải	Đăng	27-11-05	61113198	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1778	Trần Việt	Anh	19-10-05	61113199	6A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1779	Châu Quốc	Cường	26-11-05	61113200	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1780	Đình Minh	Anh	06-11-04	61113201	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1781	Đình Minh	Châu	05-12-05	61113202	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1782	Đỗ Đức	Son	17-10-05	61113203	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1783	Đỗ Gia	Huy	07-06-05	61113204	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1784	Đỗ Quang	Công	18-01-05	61113205	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1785	Đỗ Tiến	Nam	09-05-05	61113206	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1786	Dương Quốc	Thường	08-05-05	61113207	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1787	Lê Quang	Khánh	26-08-05	61113208	6A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1788	Lê Thị Hương	Trà	28-01-05	61113209	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1789	Lê Thị Thu	Huyền	29-05-05	61113210	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1790	Lỗ Phạm Minh	Tiến	22-01-05	61113211	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1791	Ngô Chí	Phong	29-03-05	61113212	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1792	Ngô Công	Thuận	18-07-05	61113213	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 2 (9h30-11h)
1793	Ngô Duy Hoàng	Phi	07-03-05	61113214	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1794	Ngô Hà	Duy	11-12-05	61113215	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1795	Nguyễn Hà	Chi	14-11-05	61113216	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1796	Nguyễn Ánh	Tuyết	26-07-05	61113217	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1797	Nguyễn Bắc Khánh	Linh	09-09-05	61113218	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1798	Nguyễn Đình	Chiều	30-08-05	61113219	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1799	Nguyễn Đình	Minh	06-10-05	61113220	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1800	Nguyễn Hoài	Linh	03-11-05	61113221	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1801	Nguyễn Hữu	Hiếu	14-06-05	61113222	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1802	Nguyễn Hữu	Quang	25-12-05	61113223	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1803	Nguyễn Hữu	Quyên	04-01-05	61113224	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1804	Nguyễn Khắc	Đông	27-03-05	61113225	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1805	Nguyễn Ngọc	Anh	01-10-05	61113226	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1806	Nguyễn Ngọc	Minh	21-10-05	61113227	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1807	Nguyễn Phương	Thảo	21-08-05	61113228	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1808	Nguyễn Quang	Vũ	01-07-05	61113229	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1809	Nguyễn Thị	Yến	23-12-04	61113230	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1810	Nguyễn Thị Hương	Giang	24-12-05	61113231	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1811	Nguyễn Thu	Phương	06-08-05	61113232	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1812	Nguyễn Thu	Uyên	12-10-05	61113233	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1813	Nguyễn Trung	Tiến	12-12-05	61113234	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1814	Phạm Đỗ Tròn	11-09-05	61113235	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1815	Vũ Duy Anh	16-02-05	61113236	6A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1816	Bùi Thị Khánh Linh	18-04-05	61113237	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 2 (9h30-11h)
1817	Đặng Ngọc Anh	14-02-05	61113238	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1818	Đỗ Anh Tú	26-04-05	61113239	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1819	Đỗ Huyền Nhi	24-02-05	61113240	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1820	Đỗ Ngọc Anh	05-03-05	61113241	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1821	Đỗ Ngọc Mai	14-12-05	61113242	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1822	Đỗ Phương Thảo	09-11-05	61113243	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1823	Đỗ Thị Lan Anh	06-03-05	61113244	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1824	Đỗ Thu Phương	06-07-05	61113245	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1825	Đồng Quốc Hào	09-11-05	61113246	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1826	Lê Duy Anh	30-08-05	61113247	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1827	Lê Thị Quỳnh Nga	09-10-05	61113248	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1828	Lê Trọng Đạt	09-06-05	61113249	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1829	Lý Thị Quỳnh Anh	19-01-05	61113250	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1830	Ngô Đại Dương	09-05-05	61113251	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1831	Ngô Duy Lợi	20-04-05	61113252	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1832	Ngô Ngọc Hân	05-03-05	61113253	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1833	Ngô Thị Thùy Dung	07-08-05	61113254	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1834	Nguyễn Bá Đan	06-03-05	61113255	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1835	Nguyễn Đăng Tuấn	26-04-05	61113256	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1836	Nguyễn Diệu Linh	05-01-05	61113257	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1837	Nguyễn Kim Dung	13-10-05	61113258	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1838	Nguyễn Lan Phương	02-10-05	61113259	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1839	Nguyễn Mạnh Duy	07-08-05	61113260	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1840	Nguyễn Ngọc Vũ	Hoàng	15-04-05	61113261	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 2 (9h30-11h)
1841	Nguyễn Phương	Anh	20-04-05	61113262	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1842	Nguyễn Thái Khánh	Linh	28-05-05	61113263	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1843	Nguyễn Thế	Mạnh	29-05-05	61113264	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1844	Nguyễn Thị	Hằng	15-10-05	61113265	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1845	Nguyễn Thị	Quỳnh	12-03-05	61113266	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1846	Nguyễn Thị Huyền	Trang	28-01-05	61113267	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1847	Nguyễn Thị Khánh	Ly	12-11-05	61113268	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1848	Nguyễn Thị Minh	Trang	03-08-05	61113269	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1849	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	16-12-05	61113270	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1850	Nguyễn Thị Thanh	Hương	30-03-05	61113271	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1851	Nguyễn Thị Thu	Trang	20-01-05	61113272	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1852	Nguyễn Thu	Huyền	04-02-05	61113273	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1853	Nguyễn Thu	Trang	26-01-05	61113274	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1854	Nguyễn Thùy	Dung	13-05-05	61113275	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1855	Phạm Lê Quế	Anh	28-03-05	61113276	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1856	Phạm Ngọc	Linh	16-07-05	61113277	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1857	Vũ Lan	Anh	30-09-05	61113278	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1858	Vũ Thu	Nga	30-04-05	61113279	6A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1859	Đào Duy	Anh	19-03-05	61113280	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1860	Đỗ Hoàng Minh	Việt	30-06-05	61113281	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1861	Đỗ Minh	Nhật	24-07-05	61113282	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1862	Đỗ Quang	Kiên	22-02-05	61113283	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1863	Đỗ Quang	Nhật	16-04-05	61113284	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1864	Đỗ Thanh	Trúc	25-09-05	61113285	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 2 (9h30-11h)
1865	Đỗ Thùy	Dung	27-04-05	61113286	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1866	Đỗ Tiến	Kỳ	07-11-05	61113287	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1867	Hoàng Nguyễn Quỳnh	Chi	30-12-05	61113288	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1868	Lăng Thành	Hung	06-05-05	61113289	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1869	Lê Diệu	Hường	18-10-05	61113290	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1870	Lê Hồng	Huy	21-11-05	61113291	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1871	Lê Lam	Chi	21-09-05	61113292	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1872	Ngô Hà	Nhi	30-12-05	61113293	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1873	Ngô Minh	Hiền	10-06-05	61113294	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1874	Ngô Quốc	Khánh	02-09-05	61113295	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1875	Nguyễn Ánh	Dương	07-06-05	61113296	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1876	Nguyễn Đình Bảo	Phong	24-08-05	61113297	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1877	Nguyễn Đức Tùng	sơn	19-12-05	61113298	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1878	Nguyễn Duy Thế	Long	23-11-05	61113299	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1879	Nguyễn Khắc	Chà	13-01-05	61113300	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1880	Nguyễn Khắc	Đức	15-01-05	61113301	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1881	Nguyễn Khắc	Dương		61113302	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1882	Nguyễn Linh	Nhi	19-01-05	61113303	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1883	Nguyễn Minh	Quang	27-03-05	61113304	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1884	Nguyễn Phương	Mai	08-03-05	61113305	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1885	Nguyễn Phương	Thảo	21-07-05	61113306	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1886	Nguyễn Thái Bình	An	18-08-05	61113307	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1887	Nguyễn Thị Hà	Linh	20-04-05	61113308	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1888	Nguyễn Thị Phương	Anh	04-07-05	61113309	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 2 (9h30-11h)
1889	Nguyễn Thị Thùy	Linh	19-05-05	61113310	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1890	Nguyễn Tiến	Khải	03-03-05	61113311	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1891	Nguyễn Tiến	Tài	21-10-05	61113312	6A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1892	Nguyễn Tổng	Đức	12-09-05	61113313	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1893	Nguyễn Việt	Quốc	08-05-05	61113314	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1894	Nguyễn Yến	Nhi	04-03-05	61113315	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1895	Phạm Đặng Nhật	Hoa	12-01-05	61113316	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1896	Phạm Yến	Nhi	21-03-05	61113317	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1897	Tạ Yến	Nhi	24-10-05	61113318	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1898	Trần Bảo	Long	13-11-05	61113319	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1899	Trần Hạnh	Nguyên	22-12-05	61113320	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1900	Trương Khánh	Toàn	03-08-05	61113321	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1901	Vũ Hoàng	Nam	02-11-05	61113322	6A5	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1902	Bùi Văn	Phát	03-09-05	61113323	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1903	Đào Tăng	Đạt	24-07-05	61113324	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1904	Đỗ Đình	Giang	14-04-05	61113325	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1905	Đỗ Huy	Quyết	28-06-05	61113326	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1906	Đỗ Thu	Huyền	28-09-05	61113327	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1907	Đỗ Thúy	Hiền	01-04-05	61113328	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1908	Hà Công	Anh	01-02-05	61113329	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1909	Lê Duy	Bảo	18-01-05	61113330	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1910	Lê Văn	Tâm	12-07-05	61113331	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1911	Lưu Quốc	Khải	05-07-05	61113332	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1912	Ngô Thanh	Hường	18-06-05	61113333	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 2 (9h30-11h)
1913	Ngô Thanh	Trà	13-05-05	61113334	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1914	Nguyễn Anh	Đức	09-04-05	61113335	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1915	Nguyễn Đăng	Minh	19-06-05	61113336	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1916	Nguyễn Hải	Yến	23-10-05	61113337	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1917	Nguyễn Hữu	Linh	02-10-05	61113338	6A6	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1918	Nguyễn Huy	Hoàng	18-01-05	61113339	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1919	Nguyễn Phương	Thảo	14-04-05	61113340	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1920	Nguyễn Quốc	Anh	17-12-05	61113341	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1921	Nguyễn Thanh Hạnh	Nhi	10-05-05	61113342	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1922	Nguyễn Thị Bảo	Yến	18-08-05	61113343	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1923	Nguyễn Thị Bích	Loan	20-06-05	61113344	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1924	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	05-05-05	61113345	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1925	Nguyễn Thị Khánh	Linh	12-03-05	61113346	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1926	Nguyễn Thị Lan	Anh	20-07-05	61113347	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1927	Nguyễn Trung	Đức	24-10-05	61113348	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1928	Nguyễn Trường	Vũ	25-04-05	61113349	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1929	Nguyễn Tuấn	Anh	08-11-05	61113350	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1930	Nguyễn Văn	Tới	17-11-05	61113351	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1931	Nguyễn Xuân	Hiệp	16-04-05	61113352	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1932	Phạm Quỳnh	Anh	08-06-05	61113353	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1933	Phạm Thủy	Tiên	15-10-04	61113354	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1934	Phạm Việt	Anh	04-10-05	61113355	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1935	Phùng Đức	Đạt	25-12-05	61113356	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1936	Tạ Hương	Giang	19-03-05	61113357	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 2 (9h30-11h)
1937	Trần Duy	Khánh	26-11-05	61113358	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1938	Trần Nguyễn Đức	Anh	01-05-05	61113359	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1939	Trần Trung	Hiếu	05-12-05	61113360	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1940	Trần Xuân	Hiếu	14-05-05	61113361	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1941	Vũ Khánh	Dương	05-12-05	61113362	6A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1942	Đàm Quang	Sáng	29-01-04	61113363	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1943	Đào Văn	Hào	02-09-04	61113364	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1944	Đỗ Bá Vương	22-04-04	61113365	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1945	Đỗ Đức Đạt	16-03-04	61113366	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1946	Đỗ Hoàng Giang	21-11-04	61113367	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1947	Đỗ Hữu Đạt	19-03-04	61113368	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1948	Đỗ Thị Thanh	05-07-04	61113369	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1949	Hoàng Châu Anh	06-03-04	61113370	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1950	Lê Thị Khánh Hòa	25-08-04	61113371	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1951	Lê Thị Phương Anh	24-07-04	61113372	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1952	Lê Thu Hương	27-07-04	61113373	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1953	Lê Thùy Dương	01-01-04	61113374	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1954	Lê Xuân Hạ	29-02-04	61113375	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1955	Ngô Chí Phương	02-05-04	61113376	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1956	Ngô Khánh Ly	02-07-04	61113377	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1957	Ngô Thị Hoàng Oanh	06-08-04	61113378	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1958	Nguyễn Đại Cương	22-08-04	61113379	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1959	Nguyễn Đăng Đức	03-01-04	61113380	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1960	Nguyễn Đức Thành	17-05-04	61113381	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 2 (9h30-11h)
1961	Nguyễn Hải Anh	21-07-04	61113382	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1962	Nguyễn Hoàng Uyên	19-11-04	61113383	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1963	Nguyễn Hoàng Việt	09-06-04	61113384	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1964	Nguyễn Hữu Tân	18-11-04	61113385	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1965	Nguyễn Hữu Tuấn	23-02-04	61113386	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1966	Nguyễn Minh Quang	28-07-04	61113387	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1967	Nguyễn Ngọc Anh		61113388	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1968	Nguyễn Thanh Trà	18-04-04	61113389	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1969	Nguyễn Thị Linh	25-05-04	61113390	7A1	THCS Mỹ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1970	Nguyễn Thị Thu	08-02-04	61113391	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1971	Nguyễn Thị Thúy	26-02-04	61113392	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1972	Nguyễn Tiến Chính	21-08-03	61113393	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1973	Nguyễn Tiến Phong	19-10-04	61113394	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1974	Nguyễn Việt Huy	18-05-04	61113395	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1975	Nguyễn Việt Tường	29-01-04	61113396	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1976	Trần Diệu Linh	24-12-04	61113397	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1977	Trịnh Văn Phương	10-11-04	61113398	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1978	Vũ Mạnh Thắng	22-08-04	61113399	7A1	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1979	Đinh Thị Quỳnh Mai	13-09-04	61113400	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1980	Dương Nhật Linh	14-03-04	61113401	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1981	Lại Hoàng Thanh Thư	24-10-04	61113402	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1982	Lê Danh Thái	04-06-04	61113403	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1983	Lê Quang Ninh	27-01-04	61113404	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1984	Lê Thị Hoài Thư	13-01-04	61113405	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 2 (9h30-11h)
1985	Đặng Như Quỳnh	24-02-03	61113423	8A	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1986	Đào Minh Ngọc	17-03-03	61113426	8A	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1987	Tô Thanh Tùng	05-11-03	61113425	8A	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1988	Lê Anh Nhật	17-08-03	61113427	8C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1989	Phùng Công Hoàng Cường	12-11-03	61113421	8C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1990	Bùi Việt Linh	19-01-02	61113428	9C	THCS Tân Đà	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1991	Hứa Phương Nam	27-08-03	61113422	8A	THCS Thụy An	Ba Vì	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1992	Ngô Công Đông	25-06-04	61113406	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1993	Ngô Quang Trung	15-01-04	61113407	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1994	Ngô Tân Hoàng Minh	24-04-04	61113408	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1995	Ngô Thị Nguyệt	22-01-04	61113409	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
1996	Ngô Tuấn	Anh	16-01-04	61113410	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1997	Nguyễn Hữu Hải	Long	07-01-04	61113411	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1998	Nguyễn Anh	Đức	27-02-04	61113412	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
1999	Nguyễn Băng	Tuyết	22-01-04	61113413	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2000	Nguyễn Đăng	Tài	08-02-04	61113414	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2001	Nguyễn Đức	Anh	02-12-03	61113415	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2002	Nguyễn Hữu	Đại	23-08-04	61113416	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2003	Nguyễn Khắc	Phát	30-05-04	61113417	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2004	Nguyễn Kim	Dũng	02-06-04	61113418	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2005	Nguyễn Kim	Hào	22-04-04	61113419	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2006	Nguyễn Kim	Khánh	03-06-04	61113420	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2007	Nguyễn Ly	Nhi	01-07-04	61113429	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 2 (9h30-11h)
2008	Nguyễn Phương	Anh	22-09-04	61113430	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2009	Nguyễn Phương	Nam	01-03-04	61113431	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2010	Nguyễn Thị	Khánh	07-05-04	61113432	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2011	Nguyễn Thị	Trang	17-11-04	61113433	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2012	Nguyễn Thị Hồng	Vân	18-05-04	61113434	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2013	Nguyễn Thùy	Linh	28-07-04	61113435	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2014	Nguyễn Tuấn	Anh	24-01-04	61113436	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2015	Nguyễn Văn	Linh	12-07-04	61113437	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2016	Nguyễn Văn	Minh	15-03-04	61113438	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2017	Nguyễn Việt	Du	01-04-04	61113439	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2018	Nguyễn Việt Việt	Quang	25-08-04	61113440	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2019	Phạm Minh	Hiếu	18-09-04	61113441	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2020	Phan Huyền	Trang	22-07-04	61113442	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2021	Trần Văn	Hiếu	16-05-04	61113443	7A2	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2022	Vũ Thúy	Sang	25-02-04	61113444	7A2	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2023	Chu Xuân	Thủy	04-03-04	61113445	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2024	Đỗ Minh	Hoàn	15-02-03	61113446	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2025	Đỗ Quang	Duy	02-10-04	61113447	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2026	Đỗ Sơn	Tùng	23-07-04	61113448	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2027	Đỗ Thế	Đăng	18-12-04	61113449	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2028	Đỗ Thị Hồng	Ngọc	12-06-04	61113450	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2029	Lê Kiều	Linh	02-07-04	61113451	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2030	Lê Quang	Huy	28-10-04	61113452	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2031	Lê Tấn	Kiệt	13-08-04	61113453	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 3 (12h30-14h)
2032	Lê Thế	Chung	20-08-04	61113454	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2033	Lê Thị	Trang		61113455	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2034	Lê Tuấn	Anh	21-09-04	61113456	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2035	Ngô Công	Duy	17-06-04	61113457	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2036	Ngô Xuân	Việt	29-06-04	61113458	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2037	Nguyễn Anh	Tuấn	23-06-04	61113459	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2038	Nguyễn Bằng	Nhạn	30-12-04	61113460	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2039	Nguyễn Chí	Tuấn	09-06-04	61113461	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2040	Nguyễn Diệu Khánh	Linh	02-09-04	61113462	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2041	Nguyễn Hoàng	Huy	16-07-04	61113463	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2042	Nguyễn Hữu	Nam	09-11-04	61113464	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2043	Nguyễn Hữu	Tài	06-04-04	61113465	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2044	Nguyễn Minh	Hào	20-11-04	61113466	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2045	Nguyễn Ngọc	Minh	13-03-04	61113467	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2046	Nguyễn Phương	Ngọc	15-08-04	61113468	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2047	Nguyễn Quang	Anh	13-10-04	61113469	7A3	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2048	Nguyễn Quang	Hùng	28-08-04	61113470	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2049	Nguyễn Thanh	Huyền	12-10-04	61113471	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2050	Nguyễn Thanh	Trà	07-07-04	61113472	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2051	Nguyễn Thị	Linh	21-07-04	61113473	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2052	Nguyễn Thu	Phương	13-01-04	61113474	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2053	Phạm Ngọc	Duy	17-05-04	61113475	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2054	Phạm Tiến	Đạt	27-07-04	61113476	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2055	Trần Tiến	Đạt	19-08-04	61113477	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 3 (12h30-14h)
2056	Trần Tiến	Dũng		61113478	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2057	Vũ Khánh	Duyên	26-06-04	61113479	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2058	Vũ Ngọc	Diệp		61113480	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2059	Vũ Văn	Bảo	14-10-04	61113481	7A3	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2060	Bùi Nam	Anh	11-12-04	61113482	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2061	Cầm Phương	Nhi	05-01-04	61113483	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2062	Đặng Nhật Hồng	Phúc	19-05-04	61113484	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2063	Đặng Văn	Cường	09-09-04	61113485	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2064	Đỗ Đức Tiến	Huy	24-10-04	61113486	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2065	Đỗ Hoàng Bảo	Châu	18-07-04	61113487	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2066	Đỗ Hồng	Phong	19-01-04	61113488	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2067	Đỗ Huy	Đạt	14-04-04	61113489	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2068	Đỗ Quang	Hiệp	15-12-15	61113490	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2069	Lê Hồng	Minh	10-10-04	61113491	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2070	Lê Văn Thành	Đạt	21-03-04	61113492	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2071	Mai Minh	Anh	06-11-04	61113493	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2072	Ngô Chí	Thực	14-01-04	61113494	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2073	Ngô Mỹ	Duyên		61113495	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2074	Ngô Thị Phương	Ly	15-06-04	61113496	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2075	Nguyễn Hương	Giang	26-05-04	61113497	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2076	Nguyễn Hữu	Khánh	06-03-04	61113498	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2077	Nguyễn Khắc Anh	Huy	17-10-04	61113499	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2078	Nguyễn Khánh	Linh	13-01-04	61113500	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2079	Nguyễn Kiều	Linh	04-05-04	61113501	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 3 (12h30-14h)
2080	Nguyễn Mai Hương	Giang	13-01-04	61113502	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2081	Nguyễn Minh	Châu	25-11-04	61113503	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2082	Nguyễn Minh	Chúc	20-08-04	61113504	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2083	Nguyễn Minh	Tâm	25-12-04	61113505	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2084	Nguyễn Ngọc	Mai	03-12-04	61113506	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2085	Nguyễn Thái Thùy	Linh	23-01-04	61113507	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2086	Nguyễn Thị Hà	My	05-12-04	61113508	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2087	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	05-04-04	61113509	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2088	Nguyễn Thị Lan	Anh	30-04-04	61113510	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2089	Nguyễn Thị Mai	Anh	08-05-04	61113511	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2090	Nguyễn Thị Minh	Hiền	31-01-04	61113512	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2091	Nguyễn Thị Thu	Trang	09-10-04	61113513	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2092	Nguyễn Tiến	Ngữ	22-03-04	61113514	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2093	Nguyễn Tiến	Phong	05-01-04	61113515	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2094	Nguyễn Tú	Anh	26-09-04	61113516	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2095	Nguyễn Vân	Ly	13-11-04	61113517	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2096	Nguyễn Văn	Thành	17-04-04	61113518	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2097	Nguyễn Yến	Nhi	18-12-04	61113519	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2098	Phạm Nguyễn Linh	Anh	16-03-04	61113520	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2099	Trần Đức	Giáp	27-01-04	61113521	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2100	Trần Hoàng Phương	Thảo	28-04-04	61113522	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2101	Trịnh Thị Ngọc	Ánh	16-02-04	61113523	7A4	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2102	Bùi Mai Thu	Hà	09-01-04	61113524	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2103	Bùi Ngọc	Linh	10-02-04	61113525	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 3 (12h30-14h)
2104	Đỗ Đức	Đại	07-07-04	61113526	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2105	Đỗ Hương	Giang	11-06-04	61113527	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2106	Đỗ Mai	Linh	19-07-04	61113528	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2107	Đỗ Ngọc	Kiên	12-12-03	61113529	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2108	Đỗ Xuân	Mai	02-06-04	61113530	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2109	Hoàng Anh	Thư	07-12-04	61113531	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2110	Hoàng Quốc	Việt	23-03-04	61113532	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2111	Lê Thị Linh	Nhi	30-09-04	61113533	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2112	Lê Thu	Huyền	03-02-04	61113534	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2113	Lê Tuấn	Hiệp	23-03-04	61113535	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2114	Lưu Hương	Giang	01-11-04	61113536	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2115	Mai Thanh	Hiền	24-03-04	61113537	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2116	Nghiêm Thị Kiều	Trang	20-02-04	61113538	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2117	Nguyễn Đình Đức	Chính	12-06-04	61113539	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2118	Nguyễn Đình Kiều	Phong	22-06-04	61113540	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2119	Nguyễn Hà	Vi	18-09-04	61113541	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2120	Nguyễn Hồng	Mai	17-02-04	61113542	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2121	Nguyễn Hữu	Duy	15-11-04	61113543	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2122	Nguyễn Khánh	Chi	23-08-04	61113544	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2123	Nguyễn Phương	Anh	05-05-04	61113545	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2124	Nguyễn Phương	Linh	21-07-04	61113546	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2125	Nguyễn Tấn	Phú	12-01-04	61113547	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2126	Nguyễn Thạch Kỳ	Nam	25-11-04	61113548	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2127	Nguyễn Thanh	Huyền	24-09-04	61113549	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 3 (12h30-14h)
2128	Nguyễn Thành	Luân	06-02-04	61113550	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2129	Nguyễn Thị Hà	My	14-10-04	61113551	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2130	Nguyễn Thị Hào	Lam	30-04-04	61113552	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2131	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	22-02-04	61113553	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2132	Nguyễn Thị Thanh	Hương	20-05-04	61113554	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2133	Nguyễn Thị Thu	Quỳnh	28-05-04	61113555	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2134	Nguyễn Tiến	Đạt	04-11-04	61113556	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2135	Nguyễn Tổng Triệu	Trung	24-10-04	61113557	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2136	Phạm Thùy	Dương	20-02-04	61113558	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2137	Thân Văn	Trà	06-08-04	61113559	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2138	Tô Tiến	Dũng	18-09-04	61113560	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2139	Trần Duy	Hung	24-09-04	61113561	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2140	Trần Quỳnh	Anh	04-08-04	61113562	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2141	Trần Văn	Phong	12-04-04	61113563	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2142	Vũ Hà	Tâm	09-01-04	61113564	7A5	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2143	Chu Sông	Hương	23-01-04	61113565	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2144	Đỗ Bảo	Minh	20-08-04	61113566	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2145	Đỗ Huy	Trung	21-11-04	61113567	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2146	Hoàng Việt	Hoàng	07-04-04	61113568	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2147	Lê Thị	Hiền	17-03-04	61113569	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2148	Lê Thị	Liễu	02-08-04	61113570	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2149	Lê Thị Tú	Anh	06-04-04	61113571	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2150	Lưu Tuấn	Kỳ	16-01-04	61113572	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)
2151	Ngô Anh	Trúc	03-10-04	61113573	7A6	THCS Mỹ Tri	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2152	Ngô Chí Sang		20-10-04	61113574	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2153	Ngô Công Thiện		24-09-04	61113575	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2154	Ngô Công Quốc Anh		01-11-04	61113576	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2155	Ngô Duy Mạnh		27-06-04	61113577	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2156	Ngô Quang Minh		13-12-04	61113578	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2157	Nguyễn Bá Luân		29-12-04	61113579	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2158	Nguyễn Đăng Đức Anh		05-10-04	61113580	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2159	Nguyễn Đình Văn		04-01-04	61113581	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2160	Nguyễn Đức Kiên		11-12-04	61113582	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2161	Nguyễn Hải Yến		06-11-04	61113583	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2162	Nguyễn Hữu Tú		23-09-04	61113584	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2163	Nguyễn Khắc Tôn		02-09-04	61113585	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2164	Nguyễn Khánh Linh		05-04-04	61113586	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2165	Nguyễn Lý Long		23-08-04	61113587	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2166	Nguyễn Minh Đức		20-09-04	61113588	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2167	Nguyễn Nhật Anh		24-05-04	61113589	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2168	Nguyễn Thanh Thương		16-02-04	61113590	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2169	Nguyễn Thành Đô		30-12-04	61113591	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2170	Nguyễn Thế Duy		06-09-04	61113592	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2171	Nguyễn Thị Hằng		07-01-04	61113593	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2172	Nguyễn Thị Hoa		05-07-04	61113594	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2173	Nguyễn Thị Ngọc Anh		16-12-04	61113595	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2174	Nguyễn Thị Thanh Phượng		06-08-04	61113596	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2175	Nguyễn Thùy Linh		30-11-04	61113597	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 3 (12h30-14h)
2176	Nguyễn Trung Quân		29-02-04	61113598	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2177	Nguyễn Văn Vinh		30-12-04	61113599	7A6	THCS Mễ Trì	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2178	Nguyễn Viết Huy	10-02-04	61113600	7A6	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2179	Nguyễn Viết Khôi	29-02-04	61113601	7A6	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2180	Triệu Quốc Anh	26-12-04	61113602	7A6	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2181	Bùi Anh Quang	17-04-05	61113603	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2182	Bùi Minh Quốc	28-05-05	61113604	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2183	Bùi Phương Ly	20-12-05	61113605	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2184	Bùi Thùy Linh	26-01-05	61113606	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2185	Hoàng Tuyết Mai	04-05-05	61113607	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2186	Lê Minh	21-12-05	61113608	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2187	Lê Hà Tú Anh	25-03-05	61113609	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2188	Lê Thanh Hiền	08-05-05	61113610	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2189	Lưu Ly	18-02-05	61113611	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2190	Lưu Đăng Đức	25-09-05	61113612	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2191	Lưu Minh Sáng	09-01-05	61113613	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2192	Lưu Quỳnh Chi	24-10-05	61113614	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2193	Ngô Diệu Linh	18-09-05	61113615	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2194	Ngô Diệu Linh	01-04-05	61113616	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2195	Nguyễn Đình Hùng	06-07-05	61113617	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2196	Nguyễn Hoàng Sơn	31-08-05	61113618	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2197	Nguyễn Huy Vinh	18-06-05	61113619	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2198	Nguyễn Minh Đồng	21-11-05	61113620	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2199	Nguyễn Minh Quân	19-05-05	61113621	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 3 (12h30-14h)
2200	Nguyễn Phương Thảo	26-06-05	61113622	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2201	Nguyễn Phương Anh	21-07-05	61113623	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2202	Nguyễn Phương Linh	15-12-05	61113624	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2203	Nguyễn Thanh Hải	14-09-05	61113625	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2204	Nguyễn Thị Nga	16-04-05	61113626	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2205	Nguyễn Tiến Trung	04-03-05	61113627	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2206	Nguyễn Tổ Quyên	22-01-05	61113628	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2207	Nguyễn Trung Đức	10-01-05	61113629	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2208	Nguyễn Việt Anh	29-09-05	61113630	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2209	Phạm Ngọc Khánh	29-04-05	61113631	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2210	Phạm Nguyễn Thái Hà	16-06-05	61113632	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2211	Phạm Phi Nhi	29-11-05	61113633	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2212	Phạm Tiến Hùng	06-05-05	61113634	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2213	Quản Trung Hiếu	10-05-05	61113635	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2214	Tạ Minh Phương	17-03-05	61113636	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2215	Trần Phương Anh	27-07-05	61113637	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2216	Trần Trọng Nghĩa	20-06-05	61113638	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2217	Trịnh Thị Phương Anh	25-11-05	61113639	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2218	Vũ Đăng Quang	13-08-05	61113640	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2219	Vũ Đình Hiếu	19-11-05	61113641	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2220	Vũ Hiền Lương	21-07-05	61113642	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2221	Vũ Minh Hiếu	23-05-05	61113643	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2222	Vũ Ngọc Trung Hiếu	27-11-05	61113644	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2223	Vũ Nguyễn Yến Nhi	15-05-05	61113645	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 3 (12h30-14h)
2224	Vũ Tiến Đạt	15-07-05	61113646	6A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2225	Bùi Phương Anh	11-07-05	61113647	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2226	Đỗ Phương Anh	26-02-05	61113648	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2227	Lê Thanh Hiền	23-05-05	61113649	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2228	Lê Thị Hải Linh	05-06-05	61113650	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2229	Nguyễn Bảo Duy	21-02-05	61113651	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2230	Nguyễn Diệu Linh	24-05-05	61113652	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2231	Nguyễn Đức Tuấn	16-01-05	61113653	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2232	Nguyễn Hải Phong	06-12-05	61113654	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2233	Nguyễn Hải Linh	11-01-05	61113655	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2234	Nguyễn Hương Giang	30-07-05	61113656	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2235	Nguyễn Hữu Trung	03-11-05	61113657	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2236	Nguyễn Huy Hoàng	26-06-05	61113658	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2237	Nguyễn Khắc Lộc	28-01-05	61113659	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2238	Nguyễn Lê Hải Anh	29-01-05	61113660	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2239	Nguyễn Mạnh Hà	01-02-05	61113661	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2240	Nguyễn Minh Đức	07-06-05	61113662	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2241	Nguyễn Ngọc Anh	27-09-05	61113663	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2242	nguyễn Như Quỳnh	25-09-05	61113664	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2243	Nguyễn Phạm Hân My	17-08-05	61113665	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2244	Nguyễn Quang Huy	28-12-05	61113666	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2245	Nguyễn Thanh Hằng	13-05-05	61113667	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2246	Nguyễn Thanh Ngân	09-10-05	61113668	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2247	Nguyễn Thế Linh	04-08-05	61113669	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 3 (12h30-14h)
2248	Nguyễn Thị Huyền Trang	13-08-05	61113670	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2249	Nguyễn Thị Phương Anh	27-07-05	61113671	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2250	Nguyễn Thuận Hòa	19-06-05	61113672	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2251	Nguyễn Thùy Linh	08-04-05	61113673	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2252	Phạm Thu Huyền	06-02-05	61113674	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2253	Phạm Thu Trang	01-12-05	61113675	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2254	Phùng Mỹ Hạnh	02-04-05	61113676	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2255	Phùng Yến Nhi	13-03-05	61113677	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2256	Phuong Hải	Yến	11-06-05	61113678	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2257	Trần Đức	Lương	24-05-05	61113679	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2258	Trần Huyền	Anh	04-09-05	61113680	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2259	Trần Khánh	Ngọc	03-09-05	61113681	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2260	Trần Ngọc	Tuấn	24-05-05	61113682	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2261	Trần Nguyên	Hùng	13-11-05	61113683	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2262	Vũ Bình	Minh	26-12-05	61113684	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2263	Vũ Đức	Hạnh	27-03-05	61113685	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2264	Vũ Kiều	Ngân	18-08-05	61113686	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2265	Vũ Nam	Anh	18-02-05	61113687	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2266	Vũ Thùy	Minh	20-03-05	61113688	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2267	Vũ Trường	Sơn	22-04-05	61113689	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2268	Vương Trí	Phú	08-07-05	61113690	6A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2269	Bùi Hoàng Hà	Phương	22-11-05	61113691	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2270	Bùi Khánh	Linh	27-09-05	61113692	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2271	Bùi Phương	Anh	19-09-05	61113693	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 3 (12h30-14h)
2272	Bùi Văn	Phong	03-10-05	61113694	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2273	Đàm Phương	Anh	26-01-05	61113695	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2274	Đặng Quang	Huy	29-08-05	61113696	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2275	Đào Hải	Nam	24-01-05	61113697	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2276	Đinh Thị Phương	Châm	28-03-05	61113698	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2277	Đinh Tuấn	Anh	10-05-05	61113699	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2278	Đỗ Anh	Tuấn	05-10-05	61113700	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2279	Kiều Ngọc	Anh	18-06-05	61113701	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2280	Lê Khải	Hoàn	17-05-05	61113702	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2281	Lê Khánh	Toàn	11-10-05	61113703	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2282	Lưu Hồng	Nhung	08-10-05	61113704	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2283	Mai Đình	Nam	14-07-05	61113705	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2284	Nguyễn Đăng	Dương	20-06-05	61113706	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2285	Nguyễn Hải	Anh	02-10-05	61113707	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2286	Nguyễn Hương	Giang	19-08-05	61113708	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2287	Nguyễn Mỹ	Tâm	18-09-05	61113709	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2288	Nguyễn Mỹ	Vân	24-11-05	61113710	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2289	Nguyễn Như	Quỳnh	15-02-05	61113711	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2290	Nguyễn Quang	Anh	26-03-05	61113712	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2291	Nguyễn Quang	Huy	10-11-05	61113713	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2292	Nguyễn Thanh	Ngân	14-12-05	61113714	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2293	Nguyễn Thế	Phúc	01-01-04	61113715	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2294	Nguyễn Thế	Toán	28-06-05	61113716	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2295	Nguyễn Thùy	Dương	17-07-05	61113717	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 3 (12h30-14h)
2296	Phạm Văn	Cường	31-10-05	61113718	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2297	Phan Hồng	Ngọc	26-10-05	61113719	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2298	Phùng Văn	Hội	04-12-05	61113720	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2299	Trần Thị Minh	Trang	26-02-05	61113721	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2300	Trần Thị Thanh	Hằng	11-07-05	61113722	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2301	Trần Thị Vân	Khánh	21-03-05	61113723	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2302	Trần Thị Vân	Giang	08-08-05	61113724	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2303	Trần Yến	Nhi	29-09-05	61113725	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2304	Trịnh Hoàng	Anh	06-09-05	61113726	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2305	Vũ Hoàng	Đạt	27-03-05	61113727	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2306	Vũ Huy	Hoàng	15-05-05	61113728	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2307	Vũ Ngọc Phan	Anh	09-09-05	61113729	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2308	Vũ Nguyễn Mỹ	An	13-06-05	61113730	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2309	Vũ Trần Khánh	Huyền	12-12-05	61113731	6A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2310	Nguyễn Văn	Đức	04-12-2004	61113732	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2311	Bùi Duy	Nam	23-09-03	61113733	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2312	Bùi Lan	Anh	25-12-05	61113734	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2313	Bùi Ngọc	Anh	21-12-05	61113735	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2314	Bùi Quang	Hung	09-07-05	61113736	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2315	Bùi Tuấn	Dương	27-12-05	61113737	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2316	Hoàng Nhật	Long	12-09-05	61113738	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2317	Lê Mạnh	Huy	26-11-05	61113739	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2318	Lê Thị Hải	Yến	10-09-05	61113740	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2319	Lê Thùy	Linh	17-10-05	61113741	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 3 (12h30-14h)
2320	Lương Xuân	Bách	21-07-05	61113742	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2321	Lưu Châu	Minh	07-06-05	61113743	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2322	Lưu Đức	Tiến	04-06-05	61113744	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2323	Lưu Thùy	Linh	19-10-05	61113745	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2324	Nguyễn Đức	Kiên	05-12-05	61113746	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2325	Nguyễn Gia	Luyện	25-10-05	61113747	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2326	Nguyễn Hoàng Anh	Tuấn	07-06-05	61113748	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2327	Nguyễn Hồng	Anh	03-01-05	61113749	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2328	Nguyễn Hồng	Hạnh	19-10-05	61113750	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2329	Nguyễn Huy	Hoàng	07-05-05	61113751	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2330	Nguyễn Mạnh	Hùng	20-11-05	61113752	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2331	Nguyễn Phúc	Hằng	08-12-05	61113753	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2332	Nguyễn Phương	Anh	21-09-05	61113754	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2333	Nguyễn Phương	Anh	23-05-05	61113755	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2334	Nguyễn Quang	Trung	05-05-05	61113756	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2335	Nguyễn Quang	Vinh	09-02-05	61113757	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2336	Nguyễn Thị	Nhung	21-03-05	61113758	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2337	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01-06-05	61113759	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2338	Nguyễn Thu	Hương	23-11-05	61113760	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2339	Nguyễn Thùy	Dương	14-05-05	61113761	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2340	Nguyễn Vân	Anh	03-01-05	61113762	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2341	Nguyễn Văn	Cương	24-10-05	61113763	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2342	Nguyễn Việt	Anh	01-06-05	61113764	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2343	Nguyễn Yên	Nhi	28-05-05	61113765	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 3 (12h30-14h)
2344	Phạm Linh	Chi	09-01-05	61113766	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2345	Phùng Trung	Thịnh	20-02-05	61113767	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2346	Trần Tuấn	Anh	12-12-05	61113768	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2347	Trần Văn	Nam	15-12-05	61113769	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2348	Trịnh Thái	Sơn	22-12-05	61113770	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2349	Vũ Quang	Huy	19-09-05	61113771	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2350	Vũ Quang	Trung	27-03-05	61113772	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2351	Vũ Quốc	Huy	07-03-05	61113773	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2352	Vũ Tuấn	Khanh	21-10-05	61113774	6A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2353	Bùi Mạnh	Trình	07-05-05	61113775	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2354	Bùi Quang	Bình	25-03-05	61113776	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2355	Bùi Thị Phương	Hoa	27-06-05	61113777	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2356	Cao Văn	Huy	18-02-05	61113778	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2357	Đặng Hồng	Sơn	24-06-05	61113779	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2358	Đinh Thiên	Hương	28-11-05	61113780	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2359	Đỗ Duy	Anh	10-12-05	61113781	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2360	Đỗ Văn	Tuấn	16-10-05	61113782	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2361	Đồng Minh	Đức	25-07-05	61113783	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2362	Đồng Văn	Tuấn	03-09-05	61113784	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2363	Giáp Châu	Tấn	18-03-05	61113785	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2364	Hoàng Đức	Minh	18-11-05	61113786	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2365	Hoàng Hữu	Thiện	09-11-05	61113787	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2366	Lê Thị Quỳnh	Mai	03-08-05	61113788	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2367	Lê Việt	Anh	10-09-05	61113789	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 3 (12h30-14h)
2368	Nguyễn Đức	Anh	22-12-05	61113790	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2369	Nguyễn Gia	Minh	12-12-05	61113791	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2370	Nguyễn Gia Bảo	Phúc	14-02-05	61113792	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2371	Nguyễn Lê Tiến	Đạt	27-10-05	61113793	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2372	Nguyễn Thanh	Hoa	03-12-05	61113794	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2373	Nguyễn Thảo	Phương	15-02-05	61113795	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2374	Nguyễn Thị Phương	Linh	13-04-05	61113796	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2375	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	24-03-05	61113797	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2376	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28-07-05	61113798	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2377	Nguyễn Thị Trà	My	23-07-05	61113799	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2378	Nguyễn Trường	Giang	14-02-05	61113800	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2379	Nguyễn Văn	Tùng	30-03-05	61113801	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2380	Ninh Quý	Hung	08-06-05	61113802	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2381	Phạm Thị Thùy	Linh	18-01-05	61113803	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2382	Phạm Văn	Son	02-05-05	61113804	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2383	Tạ Văn	Tiến	09-02-05	61113805	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2384	Tô Vũ Diệu	Anh	03-11-05	61113806	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2385	Trần Đình	Hiệp	20-09-05	61113807	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2386	Trần Đức Huy	12-10-05	61113808	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2387	Trần Hải Long	05-06-05	61113809	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2388	Trần Mạnh Doanh	07-04-05	61113810	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2389	Trần Quang Vinh	08-08-05	61113811	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2390	Trần Trung Hiếu	12-06-04	61113812	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2391	Trịnh Hoàng Sơn	14-12-05	61113813	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 3 (12h30-14h)
2392	Trương Việt Hoàng	21-04-05	61113814	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2393	Vũ Đức Hiếu	27-09-05	61113815	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2394	Vũ Thế Vinh	11-11-05	61113816	6A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2395	Bùi Như Quỳnh	12-03-04	61113817	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2396	Bùi Phương Thảo	06-06-04	61113818	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2397	Cao Đức Anh	01-02-04	61113819	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2398	Đỗ Hoàng Anh	27-06-04	61113820	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2399	Đỗ Sơn Long	16-09-04	61113821	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2400	Đoàn Quang Linh	06-01-04	61113822	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2401	Đồng Trung Kiên	20-11-04	61113823	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2402	Hoàng Diệu Linh	21-05-04	61113824	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2403	Lê Thu Hiền	20-01-04	61113825	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2404	Lưu Hồng Sơn	26-01-04	61113826	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2405	Lưu Phương Thảo	22-01-04	61113827	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2406	Lưu Thùy My	18-06-04	61113828	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2407	Nguyễn Anh Thư	30-07-04	61113829	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2408	Nguyễn Đức Anh	01-02-04	61113830	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2409	Nguyễn Hoàng Việt	09-05-04	61113831	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2410	Nguyễn Kim Anh	15-11-04	61113832	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2411	Nguyễn Lan Anh	15-11-04	61113833	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2412	Nguyễn Linh	Chi	03-05-04	61113834	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2413	Nguyễn Nhật	Huy	20-09-04	61113835	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2414	Nguyễn Phú	Hung	23-12-04	61113836	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2415	Nguyễn Phương	Thảo	12-11-04	61113837	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 3 (12h30-14h)
2416	Nguyễn Tấn	Dũng	27-11-04	61113838	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2417	Nguyễn Thành	Công	07-08-04	61113839	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2418	Nguyễn Thành	Son	20-06-04	61113840	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2419	Nguyễn Thành	Trung	29-11-04	61113841	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2420	Nguyễn Thành	Văn	08-01-04	61113842	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2421	Nguyễn Thị	Phương	10-01-04	61113843	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2422	Nguyễn Thị Huyền	Trang	31-07-04	61113844	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2423	Nguyễn Thu	An	12-08-04	61113845	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2424	Nguyễn Thùy	Linh	28-01-04	61113846	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2425	Nguyễn Tiến	Anh	07-03-04	61113847	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2426	Nguyễn Tiến	Đạt	15-11-04	61113848	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2427	Nguyễn Tuấn	Anh	26-09-04	61113849	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2428	Nguyễn Vũ Thảo	Nguyễn	20-04-04	61113850	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2429	Phạm Duy	Linh	23-03-04	61113851	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2430	Phạm Thanh	Nhàn	04-06-04	61113852	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2431	Phạm Thị	Hạnh	22-01-04	61113853	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2432	Phạm Thị Thu	Hoài	09-07-04	61113854	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2433	Phùng Hoài	Thu	17-01-04	61113855	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2434	Phùng Ngọc	Anh	01-08-04	61113856	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2435	Phùng Tú	Trinh	23-09-04	61113857	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2436	Trần Thu	Hà	09-11-04	61113858	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2437	Trang Quỳnh	Anh	12-11-04	61113859	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2438	Vũ Đức	Anh	03-04-04	61113860	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2439	Vũ Thu	Huyền	04-04-04	61113861	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 3 (12h30-14h)
2440	Vũ Thu	Ngân	03-09-04	61113862	7A1	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2441	Vũ Nguyệt	Anh	24-09-2004	61113863	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2442	Bùi Thị Minh	Phương	09-03-04	61113864	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2443	Bùi Thu	Thảo	24-09-04	61113865	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2444	Đặng Duy	Đông	19-05-04	61113866	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2445	Đỗ Thị Kim	Ngân	12-03-04	61113867	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2446	Đoàn Minh	Quốc	16-09-04	61113868	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2447	Hồ Yến	Linh	25-12-04	61113869	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2448	Lưu Anh	Tuấn	21-04-04	61113870	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2449	Nguyễn Đàm Phương	Trình	05-01-04	61113871	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2450	Nguyễn Đức	Vinh	30-03-04	61113872	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2451	Nguyễn Đức Chung	Linh	30-06-04	61113873	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2452	Nguyễn Dương Ngọc	Ánh	05-11-04	61113874	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2453	Nguyễn Hà	Pháp	12-05-04	61113875	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2454	Nguyễn Hải	Đăng	12-01-04	61113876	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2455	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	02-10-04	61113877	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2456	Nguyễn Hoàng	Phương	23-12-04	61113878	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2457	Nguyễn Minh	Đức	23-07-04	61113879	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2458	Nguyễn Minh	Phương	06-07-04	61113880	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2459	Nguyễn Minh Ngọc	Ánh	01-02-04	61113881	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2460	Nguyễn Ngọc	Dung	17-12-04	61113882	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2461	Nguyễn Phạm Mỹ	Duyên	01-02-04	61113883	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2462	Nguyễn Quốc	Trung	19-09-04	61113884	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)
2463	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	22-09-04	61113885	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2464	Nguyễn Thị Ngọc Linh	29-04-04	61113886	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2465	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21-10-2004	61113887	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2466	Nguyễn Tùng Lâm	01-02-04	61113888	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2467	Nguyễn Yến Nhi	09-06-04	61113889	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2468	Phạm Hà Quỳnh Hương	13-10-04	61113890	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2469	Phạm Phương Thảo	03-01-04	61113891	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2470	Phạm Thị Ngọc Linh	09-12-2004	61113892	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2471	Phạm Trịnh Nhã Uyên	28-03-04	61113893	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2472	Phạm Trịnh Thục Uyên	28-03-04	61113894	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2473	Phạm Việt Long	07-04-04	61113895	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2474	Trần Đại Nghĩa	29-08-04	61113896	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2475	Trần Ka Quỳnh Hương	31-08-04	61113897	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2476	Trần Lê Quang Minh	05-06-04	61113898	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2477	Trần Nguyễn Hải Đăng	07-09-04	61113899	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2478	Trần Thúy Anh	30-03-04	61113900	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2479	Triệu Tuyết Linh	06-06-2004	61113901	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2480	Trịnh Quốc Huy	13-12-04	61113902	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2481	Vũ Hiệp Anh	24-01-04	61113903	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2482	Vũ Thùy Khanh	19-07-04	61113904	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2483	Vương Kiều Anh	16-08-04	61113905	7A2	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2484	Bùi Vân Anh	10-03-04	61113906	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2485	Cao Lê Xuân Dương	04-03-04	61113907	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2486	Đinh Thế Anh	09-02-04	61113908	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2487	Đỗ Hương Giang	14-06-04	61113909	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 3 (12h30-14h)
2488	Đỗ Quốc Trí	08-04-04	61113910	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2489	Hồ Minh Quân	10-09-04	61113911	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2490	Hoàng Minh	Hiếu	12-07-04	61113912	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2491	Lê Bùi Ánh	Dương	13-09-04	61113913	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2492	Lê Ngọc Phương	Uyên	10-10-04	61113914	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2493	Lê Phương	Nhi	13-09-04	61113915	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2494	Lê Thu	Hương	20-07-04	61113916	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2495	Lê Vũ Thu	Nguyệt	25-04-04	61113917	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2496	Lưu Đức	Quý	01-08-04	61113918	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2497	Lưu Xuân	Vũ	05-12-04	61113919	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2498	Lý Gia	Hân	10-12-04	61113920	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2499	Ngô Đức	Cường	19-08-04	61113921	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2500	Ngô Quỳnh	Trang	04-05-04	61113922	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2501	Nguyễn Đăng	Hùng	01-02-04	61113923	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2502	Nguyễn Duy	Tân	05-11-04	61113924	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2503	Nguyễn Duy	Thái	08-11-04	61113925	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2504	Nguyễn Hào	Ly	20-07-04	61113926	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2505	Nguyễn Hoàng	Anh	25-06-04	61113927	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2506	Nguyễn Hữu	Trường	11-10-04	61113928	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2507	Nguyễn Mạnh	Tùng	01-06-04	61113929	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2508	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	22-07-04	61113930	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2509	Nguyễn Phương	Nam	25-08-04	61113931	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2510	Nguyễn Quốc	Huy	01-12-04	61113932	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2511	Nguyễn Quốc	Toàn	18-09-04	61113933	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 3 (12h30-14h)
2512	Nguyễn Thái	Nhi	18-09-04	61113934	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2513	Nguyễn Thanh	Huyền	06-10-04	61113935	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2514	Nguyễn Thị	Huyền	08-04-03	61113936	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2515	Nguyễn Thị Hoài	Linh	21-03-04	61113937	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2516	Nguyễn Thị Mỹ An	01-05-04	61113938	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2517	Nguyễn Thị Ngọc Anh	21-10-04	61113939	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2518	Nguyễn Thị Phương Anh	08-12-04	61113940	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2519	Nguyễn Thu Hằng	04-02-04	61113941	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2520	Nguyễn Thu Hường	09-01-04	61113942	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2521	Nguyễn Thùy Chang	19-10-04	61113943	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2522	Nguyễn Trà My	22-07-04	61113944	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2523	Nguyễn Trang Nhung	21-04-04	61113945	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2524	Nguyễn Tuấn Anh	13-08-04	61113946	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2525	Phạm Thị Ngọc Linh	09-12-04	61113947	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2526	Phí Hoàng Việt	30-11-04	61113948	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2527	Phùng Như Quỳnh	13-10-04	61113949	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2528	Trần Minh An	28-10-04	61113950	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2529	Trần Minh Đức	06-06-04	61113951	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2530	Triệu Tuyết Linh	06-06-04	61113952	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2531	Trương Thị Hàm Yên	16-07-04	61113953	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2532	Vũ Hoàng Anh	22-11-04	61113954	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2533	Vũ Minh Đức	07-04-04	61113955	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2534	Vũ Quỳnh Anh	12-06-04	61113956	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2535	Vũ Thị Phi Nhung	28-07-04	61113957	7A3	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 3 (12h30-14h)
2536	Bùi Bảo Tú	31-05-04	61113958	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2537	Cao Như Phương	20-05-04	61113959	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2538	Đặng Nhật Minh	01-02-04	61113960	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2539	Đỗ Anh Tuấn	18-06-04	61113961	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2540	Đỗ Đức Thắng	20-10-04	61113962	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2541	Đỗ Đức Tuấn Minh	24-10-03	61113963	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2542	Đỗ Hương	Giang	18-12-04	61113964	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2543	Lê Duy	Long	27-04-04	61113965	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2544	Lê Tất	Bình	25-08-04	61113966	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2545	Lưu Danh	Bách	20-11-04	61113967	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2546	Lưu Danh	Đạo	23-06-04	61113968	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2547	Lưu Đức	Minh	15-10-04	61113969	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2548	Lưu Thu	Trang	02-10-04	61113970	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2549	Lưu Trung	Quân	11-08-04	61113971	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2550	Ngô Tuấn	Kiệt	10-03-04	61113972	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2551	Nguyễn Văn	Đức	04-12-04	61113973	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2552	Nguyễn Hà	Anh	02-09-04	61113974	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2553	Nguyễn Hữu	Vinh	02-05-04	61113975	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2554	Nguyễn Ngọc	Bình	10-08-04	61113976	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2555	Nguyễn Ngọc	Giap	03-02-04	61113977	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2556	Nguyễn Nhật	Anh	07-09-04	61113978	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2557	Nguyễn Như	Quỳnh	03-09-04	61113979	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2558	Nguyễn Quốc	Đạt	14-01-04	61113980	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2559	Nguyễn Thái	Hà	16-03-04	61113981	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 3 (12h30-14h)
2560	Nguyễn Thanh	Thảo	02-09-04	61113982	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2561	Nguyễn Thành	Chung	17-06-04	61113983	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2562	Nguyễn Thế	Thành	29-10-04	61113984	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2563	Nguyễn Thị	Thêm	04-02-04	61113985	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2564	Nguyễn Thị	Phương	28-08-04	61113986	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2565	Nguyễn Thu	Thường	02-07-04	61113987	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2566	Nguyễn Tiến	Thành	18-02-04	61113988	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2567	Nguyễn Trang	Nhung	14-06-04	61113989	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2568	Nguyễn Trung	Đức	14-01-04	61113990	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2569	Nguyễn Văn	Anh	24-11-04	61113991	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2570	Nguyễn Văn	Minh	17-05-04	61113992	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2571	Nguyễn Văn	Thường	10-05-04	61113993	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2572	Nguyễn Việt	Anh A	01-02-04	61113994	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2573	Nguyễn Việt	Anh B	13-07-04	61113995	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2574	Phan Thúy	Hiền	21-06-04	61113996	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2575	Phùng Huy	Hoàng	20-09-03	61113997	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2576	Phùng Xuân	Son	26-09-04	61113998	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2577	Trần Quang	Huy	25-10-04	61113999	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2578	Vũ Duy	Nghĩa	22-08-04	61114000	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2579	Vũ Kiều	Trang	12-10-04	61114001	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2580	Vũ Quốc	Mạnh	09-07-04	61114002	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2581	Vũ Thanh	Ngân	10-08-04	61114003	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2582	Vũ Thanh	Thủy	10-08-04	61114004	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2583	Vũ Văn	Thanh	28-12-04	61114005	7A4	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 3 (12h30-14h)
2584	Bùi Tuấn	Kiệt	05-05-04	61114006	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2585	Bùi Việt	Hùng	11-02-04	61114007	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2586	Bùi Xuân	Tùng	25-02-04	61114008	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2587	Đào Danh	Đạt	22-07-04	61114009	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2588	Đào Kim	Chi	06-09-04	61114010	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2589	Đào Quang	Hung	10-08-04	61114011	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2590	Đào Thị Cẩm	Tú	09-08-04	61114012	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2591	Đình Quốc	Minh	10-01-04	61114013	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2592	Đình Thị Hồng	Hạnh	25-08-04	61114014	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2593	Đỗ Mạnh	Cường	31-10-04	61114015	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2594	Đỗ Thu	Thảo	17-11-04	61114016	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2595	Hà Thị Huyền	Diệu	04-12-04	61114017	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2596	Lã Thái	Sơn	08-07-04	61114018	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2597	Lưu Văn Huỳnh	Đức	19-04-04	61114019	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2598	Mã Vĩnh	Quang	29-07-04	61114020	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2599	Mai Hùng	Cường	28-06-04	61114021	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2600	Ngô Thùy	Dương	03-03-04	61114022	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2601	Ngô Văn	Tiến	31-10-04	61114023	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2602	Nguyễn Bách	Diệp	11-01-04	61114024	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2603	Nguyễn Bích	Ngọc	11-05-04	61114025	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2604	Nguyễn Chí	Công	16-04-04	61114026	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2605	Nguyễn Hoàng	Anh	25-06-04	61114027	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2606	Nguyễn Mai	Lan	04-11-04	61114028	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2607	Nguyễn Như	Ngọc	03-10-04	61114029	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 3 (12h30-14h)
2608	Nguyễn Như	Quỳnh	27-05-04	61114030	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2609	Nguyễn Phương	Thảo	13-12-04	61114031	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2610	Nguyễn Thanh	Thảo	28-05-04	61114032	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2611	Nguyễn Thành	Long	25-04-04	61114033	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2612	Nguyễn Thế	Phong	23-04-04	61114034	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2613	Nguyễn Thị	Thêm	24-12-04	61114035	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2614	Nguyễn Thị Bích	Thủy	18-09-04	61114036	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2615	Nguyễn Thị Khánh	Ly	22-09-04	61114037	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2616	Nguyễn Thùy	Linh	21-10-04	61114038	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2617	Nguyễn Tuấn	Anh	23-11-04	61114039	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2618	Nguyễn Văn	Anh	10-01-04	61114040	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2619	Phạm Nhật	Anh	10-02-04	61114041	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2620	Phạm Quốc	Hung	19-03-04	61114042	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2621	Phạm Thị Thanh	Ngân	28-10-04	61114043	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2622	Phan Thị Thu	Hoài	27-10-04	61114044	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2623	Phan Văn	Huy	31-12-03	61114045	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2624	Tăng Thị Huyền	Trang	14-04-04	61114046	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2625	Trần Quang	Khải	16-11-03	61114047	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2626	Trần Thị Minh	Anh	17-11-04	61114048	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2627	Trần Thu	Hà	23-02-04	61114049	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2628	Trần Trung	Tiến	10-08-04	61114050	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2629	Trần Văn	Minh	13-10-04	61114051	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2630	Vũ Thanh	Chúc	04-06-04	61114052	7A5	THCS Mỹ Đình 2	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2631	Nguyễn Thị Mai	Linh	15-10-04	61114053	7B	THCS Sài Sơn	Quốc Oai	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 3 (12h30-14h)
2632	Phạm Mai	Thủy	09-11-02	61124676	900	Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2633	Nguyễn Thảo	Nhi	02-08-05	61124677	6G2	Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2634	Trần Hoàng Hải	Minh	29-10-04	61124678	7P2	Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2635	Nguyễn Ngọc	Linh	14-04-05	61124679	8M2	Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2636	Nguyễn Quỳnh	Anh	27-03-05	61124674	6C5	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2637	Nguyễn Huyền	My	26-10-05	61124675	6C6	THCS Đoàn Thị Điểm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2638	Bùi Gia	Bảo	13-12-05	61114054	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2639	Cao Đức	Anh	31-01-05	61114055	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2640	Chu Thanh	Tùng	28-09-05	61114057	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2641	Chu Thanh	Tùng	28-09-05	61114058	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2642	Đàm Ngọc	Ánh	20-06-05	61114059	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2643	Đàm Ngọc	Ánh	20-06-05	61114060	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2644	Dương Gia	Phong	10-04-05	61114061	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2645	Dương Minh	Trung	31-08-05	61114062	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2646	Hà Ngọc	Hân	19-12-05	61114064	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2647	Lê Anh	Quân	26-07-05	61114066	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2648	Lê Hải	Châu	15-01-05	61114068	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2649	Lê Phương	Thảo	23-11-05	61114070	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2650	Lê Trí	Nguyễn	08-07-05	61114071	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2651	Nguyễn Anh	Tuấn	26-07-05	61114073	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2652	Nguyễn Anh	Tuấn	26-07-05	61114074	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2653	Nguyễn Công Tuấn	Minh	25-10-05	61114075	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2654	Nguyễn Duy	Hoàng	25-12-05	61114077	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 3 (12h30-14h)
2655	Phạm Đức	Chính	17-07-03	61124680	8M2	Marie Curie	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2656	Nguyễn Quang	Minh	17-01-04	61124681	7	Olympia	Nam Từ Liêm		Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2657	Nguyễn Thành	An	15-11-04	61124682	7	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2658	Lê Thu	Phương	30-11-03	61124683	8	Olympia	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2659	Nguyễn Mai	Chi	14-11-05	61114078	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2660	Nguyễn Minh	Hiền	18-11-05	61114080	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2661	Nguyễn Ngọc	Hà	07-11-05	61114081	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2662	Nguyễn Như	Quỳnh	15-11-09	61114082	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2663	Nguyễn Như	Quỳnh	15-11-05	61114083	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2664	Nguyễn Phan Trúc	Linh	29-08-05	61114084	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2665	Nguyễn Xuân	Hung	31-10-05	61114085	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2666	Nguyễn Xuân	Hung	31-10-05	61114086	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2667	Phạm Quỳnh	Chi	12-03-05	61114087	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2668	Phùng Thị Hiền	Anh	19-09-05	61114089	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2669	Phùng Thị Hiền	Anh	19-09-05	61114090	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2670	Tạ Thị Minh	Xuân	06-02-05	61114091	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2671	Trần Hải	Anh	05-06-05	61114093	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2672	Trần Khánh Linh	24-04-05	61114094	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2673	Trần Khánh Linh	24-04-05	61114095	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2674	Trần Khánh Linh	10-04-05	61114096	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2675	Trần Quang Vinh	07-11-05	61114097	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2676	Trần Vũ Đức	12-11-05	61114098	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2677	Võ Gia Bách	16-04-05	61114100	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2678	Võ Gia Bách	16-04-05	61114101	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 3 (12h30-14h)
2679	Vũ Đức Minh	17-08-05	61114102	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2680	Vũ Đức Minh	12-11-05	61114103	6A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2681	An Đăng Quang	29-12-05	61114104	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2682	Bùi Văn Cao	24-06-05	61114105	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2683	Đào Phương Linh	21-08-05	61114106	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2684	Đỗ Thanh Hà	12-02-05	61114107	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2685	Hà Trúc Quỳnh	31-08-05	61114108	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2686	Hoàng Quốc Thắng	29-09-05	61114109	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2687	Lê Đức Mạnh	03-06-05	61114110	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2688	Ngô Hoàng Tuấn	18-08-05	61114111	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2689	Nguyễn Anh Đức	18-10-05	61114112	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2690	Nguyễn Đặng Diệu Linh	01-10-05	61114113	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2691	Nguyễn Huy Hoàng	04-11-05	61114114	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2692	Nguyễn Khánh Linh	01-09-05	61114115	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2693	Nguyễn Minh Thảo	31-01-05	61114116	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2694	Nguyễn Ngọc Huyền Trang	25-05-05	61114117	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2695	Nguyễn Thị Khánh Ly	13-12-05	61114118	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2696	Nguyễn Thùy Dương	01-04-05	61114119	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2697	Nguyễn Trung Nguyên	29-11-05	61114120	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2698	Nguyễn Trường	Thiên	10-06-05	61114121	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2699	Nguyễn Tuấn	Minh	25-11-05	61114122	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2700	Nguyễn Văn	Hà	29-09-05	61114123	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2701	Nguyễn Văn Anh	Minh	14-11-05	61114124	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2702	Nguyễn Xuân	Dương	22-07-05	61114125	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 3 (12h30-14h)
2703	Phạm Hồng	Khánh	04-03-05	61114126	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2704	Phạm Khôi	Nguyễn	06-10-05	61114127	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2705	Phạm Sơn	Tùng	06-07-05	61114128	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2706	Quách Lê Hà	An	08-04-05	61114129	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2707	Trần Hạnh Khánh	Linh	13-01-05	61114130	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2708	Vũ Cao	Phong	14-03-05	61114131	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2709	Vũ Hoàng Minh	Khánh	10-09-05	61114132	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2710	Vũ Thanh	Thảo	31-07-05	61114133	6A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2711	Bùi Duy	Đức	02-01-05	61114134	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2712	Đàm Khánh	Linh	27-08-05	61114135	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2713	Đàm Khánh	Linh	27-08-05	61114136	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2714	Đào Thùy	Linh	21-08-05	61114137	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2715	Đình Đức	Minh	30-06-05	61114138	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2716	Đình Đức	Minh	30-06-05	61114139	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2717	Đình Thị Việt	Anh	10-03-05	61114140	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2718	Đình Thị Việt	Anh	03-10-05	61114141	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2719	Đỗ Diệu	Linh	18-08-05	61114142	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2720	Đỗ Hoàng	Tùng	22-01-05	61114143	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2721	Đỗ Hoàng	Tùng	22-01-05	61114144	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2722	Đỗ Huy	Khanh	18-02-05	61114145	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2723	Đỗ Huy	Khanh	18-02-05	61114146	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2724	Đỗ Phương Nhi	20-10-05	61114147	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2725	Đỗ Phương Nhi	20-10-05	61114148	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2726	Hà Bách Hợp	18-04-05	61114149	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 3 (12h30-14h)
2727	Hoàng Gia Bảo	19-07-05	61114150	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2728	Hoàng Gia Bảo	19-07-05	61114151	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2729	Lê Thị Oanh	20-06-05	61114152	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2730	Ngô Minh Vũ	16-04-05	61114153	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2731	Nguyễn Châu Anh	11-10-05	61114154	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2732	Nguyễn Châu Anh	11-10-05	61114155	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2733	Nguyễn Minh Hà	23-02-05	61114156	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2734	Nguyễn Ngân Giang	22-06-05	61114157	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2735	Nguyễn Quốc Chiến	22-07-05	61114158	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2736	Nguyễn Quốc Chiến	22-07-05	61114159	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2737	Nguyễn Thu Giang	08-06-05	61114160	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2738	Nguyễn Thu Thảo	24-10-05	61114161	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2739	Nguyễn Thùy Dương	10-09-05	61114162	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2740	Nguyễn Thùy Dương	10-09-05	61114163	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2741	Nguyễn Trí Dũng	28-02-05	61114164	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2742	Nguyễn Tùng Lâm	07-03-05	61114165	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2743	Nguyễn Tùng Lâm	07-03-05	61114166	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2744	Nguyễn Tuyết Nhung	09-10-05	61114167	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2745	Phạm Trung Hiếu	05-03-05	61114168	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2746	Phạm Trung Hiếu	05-03-05	61114169	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2747	Phạm Vũ Long	11-03-05	61114170	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2748	Trần Đức Phong	19-11-05	61114171	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2749	Trần Quang Hùng	25-10-05	61114172	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2750	Trần Quốc Đạt	10-11-05	61114173	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 3 (12h30-14h)
2751	Trần Mai Chi	17-05-05	61124684	6A3	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2752	Bùi Phạm Khánh Ngân	13-04-03	61124685	8A6	THCS Lê Quý Đôn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2753	Trần Quốc Đạt	10-11-05	61114174	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2754	Trần Vương Hoàn	23-03-05	61114175	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2755	Trần Vương Hoàn	22-03-05	61114176	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2756	Vũ Nhật Ánh	09-04-05	61114177	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2757	Vũ Nhật Ánh	09-04-05	61114178	6A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2758	Đặng Ngọc Huyền	25-05-05	61114179	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2759	Đặng Thị Hoàng Phúc	04-10-05	61114180	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2760	Đặng Thị Hoàng Phúc	04-10-05	61114181	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2761	Đỗ Đức Anh	26-07-05	61114182	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2762	Đỗ Xuân Anh	08-04-05	61114184	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2763	Dương Hà Bảo Mỹ	02-03-05	61114186	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2764	Dương Hà Bảo Mỹ	02-03-05	61114187	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2765	Nguyễn Đình Phúc	21-01-05	61114188	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2766	Nguyễn Đình Phúc	21-01-05	61114189	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2767	Nguyễn Đức Dương	17-08-05	61114190	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2768	Nguyễn Đức Mạnh	25-07-05	61114191	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2769	Nguyễn Đức Trọng	19-05-05	61114192	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2770	Nguyễn Đức Trọng	19-05-05	61114193	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2771	Nguyễn Đức Dương	17-08-05	61114194	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2772	Nguyễn Đức Mạnh	25-07-05	61114195	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2773	Nguyễn Đức Mạnh	25-07-05	61114197	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2774	Nguyễn Ngọc Phương Nguyên	28-07-05	61124686	6A	THCS Hòa Thạch	Quốc Oai	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 3 (12h30-14h)
2775	Nguyễn Hà My	03-02-05	61114198	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2776	Nguyễn Hà My	03-02-05	61114199	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2777	Nguyễn Hải Linh	27-08-05	61114200	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2778	Nguyễn Hải Linh	27-08-05	61114201	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2779	Nguyễn Hải Linh	27-08-05	61114202	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2780	Nguyễn Hồng Hà	09-07-05	61114203	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2781	Nguyễn Hồng Hà	09-07-05	61114204	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2782	Nguyễn Hữu An	17-09-05	61114205	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2783	Nguyễn Hữu An	17-09-05	61114206	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2784	Nguyễn Hữu An	17-09-05	61114207	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2785	Nguyễn Khánh Huyền	09-06-05	61114208	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2786	Nguyễn Khánh Linh	12-10-05	61114209	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2787	Nguyễn Khánh Linh B	27-05-05	61114210	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2788	Nguyễn Khánh Huyền	09-06-05	61114211	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2789	Nguyễn Khánh Linh	12-10-05	61114212	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2790	Nguyễn Khánh Linh	27-05-05	61114213	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2791	Nguyễn Lâm Trương Huy	13-09-05	61114214	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2792	Nguyễn Lâm Trường Huy	13-09-05	61114215	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2793	Nguyễn Long Vũ	23-10-05	61114216	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2794	Nguyễn Quang Anh	29-09-05	61114218	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2795	Nguyễn Quang Anh	29-09-05	61114219	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2796	Nguyễn Thái Ngọc Linh	10-11-05	61114220	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 3 (12h30-14h)
2797	Nguyễn Tiến Toàn	22-08-05	61114222	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2798	Nguyễn Tiến Toàn	22-08-05	61114223	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2799	Nguyễn Trang Linh	06-08-05	61114224	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2800	Nguyễn Trang Linh B	06-08-05	61114225	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2801	Nguyễn Trang Linh	06-08-05	61114226	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2802	Nguyễn Trang	Linh	25-01-05	61114227	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2803	Trần Mỹ	Tuấn	27-10-05	61114228	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2804	Trần Mỹ	Tuấn	27-10-05	61114229	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2805	Trần Ngọc	Việt	26-09-05	61114230	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2806	Trần Ngọc	Việt	26-09-05	61114231	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2807	Trần Thế	Bách	11-11-05	61114232	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2808	Trần Thục	Nhi	27-07-05	61114233	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2809	Trần Thục	Nhi	27-07-05	61114234	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2810	Vũ Minh	Tuấn	18-06-05	61114235	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2811	Vũ Minh	Tuấn	18-06-05	61114236	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2812	Vũ Thị Minh	Phương	05-01-05	61114237	6A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2813	Chu Tuấn	Anh	22-11-05	61114238	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2814	Chu Xuân	Anh	22-11-05	61114239	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2815	Đặng Việt	Tiến	22-05-05	61114240	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2816	Đặng Việt	Tiến	22-05-05	61114241	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2817	Đinh Hà	My	02-12-05	61114242	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2818	Đinh Hà	My	02-12-05	61114243	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2819	Đinh Ngọc	Linh	21-09-05	61114244	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2820	Đinh Ngọc	Linh	21-09-05	61114245	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 3 (12h30-14h)
2821	Đỗ Ánh	Dương	15-12-05	61114246	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2822	Đỗ Ánh	Dương	15-12-05	61114247	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2823	Dương Hà	Linh	07-12-05	61114248	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2824	Dương Hà	Linh	07-12-05	61114249	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2825	Dương Toàn Quốc	Thái	19-09-05	61114250	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2826	Dương Toàn Quốc	Thái	19-09-05	61114251	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2827	Dương Vĩnh	Hung	11-09-05	61114252	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2828	Dương Vĩnh	Hung	11-09-05	61114253	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2829	Duy Kiều	My	19-12-05	61114254	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2830	Hoàng Trung	Vũ	02-04-05	61114256	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2831	Hoàng Trung	Vũ	02-04-05	61114257	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2832	Lê Minh	Khuê	02-10-05	61114258	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2833	Lê Minh	Khuê	02-10-05	61114259	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2834	Nguyễn Đình	Dương	20-09-05	61114260	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2835	Nguyễn Mai	Anh	30-10-05	61114261	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2836	Nguyễn Mai	Anh	30-10-05	61114262	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2837	Nguyễn Ngọc	Anh	06-01-05	61114263	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2838	Nguyễn Phương	Hoa	07-08-05	61114264	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2839	Nguyễn Phương	Hoa	07-08-05	61114265	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2840	Nguyễn Thị Linh	Nga	29-05-05	61114266	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2841	Nguyễn Thị Linh	Nga	29-07-05	61114267	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2842	Nguyễn Văn	Quỳnh	08-10-05	61114268	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2843	Nguyễn Văn	Quỳnh	08-10-05	61114269	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 3 (12h30-14h)
2844	Nguyễn Vinh Gia	Khánh	22-02-05	61114270	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2845	Nguyễn Vinh Gia	Khánh	22-02-05	61114271	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2846	Phạm Đức	Đạt	15-09-05	61114272	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2847	Phạm Minh	Anh	04-02-05	61114273	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2848	Phạm Minh	Anh	04-02-05	61114274	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2849	Phạm Thu	Huyền	28-11-05	61114275	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2850	Phạm Thu	Huyền	28-11-05	61114276	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2851	Trần Đức	Mạnh	20-11-05	61114277	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2852	Trần Liên	Nhi	27-11-05	61114279	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2853	Trần Liên	Nhi	27-11-05	61114280	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2854	Trần Tuấn	Minh	03-08-05	61114281	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2855	Trần Tuấn	Minh	03-08-05	61114282	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2856	Trọng	Hiếu	27-07-05	61114283	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2857	Trương Thanh	Hà	12-04-05	61114284	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2858	Trương Thanh	Hà	12-04-05	61114285	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2859	Vũ Minh	Anh	05-03-05	61114286	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2860	Vũ Minh	Anh	05-03-05	61114287	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2861	Vũ Trọng	Hiếu	27-07-05	61114288	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2862	Vương Tuấn	Khang	17-09-05	61114289	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2863	Vương Tuấn	Khang	17-09-05	61114290	6A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2864	Đặng Trần Anh	Thư	25-03-05	61114291	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2865	Đỗ Trung	Vĩnh	08-10-05	61114293	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 3 (12h30-14h)
2866	Dương Hà	Vy	08-03-05	61114295	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2867	Dương Hà	Vy	08-03-05	61114296	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2868	Hoàng Vũ Thảo	Linh	12-02-05	61114297	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2869	Lê Đạt Sơn	Thịnh	01-03-05	61114299	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2870	Lê Đạt Sơn	Thịnh	01-03-05	61114300	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2871	Lê Phương	Anh	04-05-05	61114301	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2872	Lê Phương	Thảo	04-05-05	61114302	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2873	Lý Trần	Kiên	17-11-05	61114305	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2874	Nguyễn Hà	Chi	14-08-05	61114307	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2875	Nguyễn Khánh	Linh	17-10-05	61114309	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2876	Nguyễn Kiều	Chi	01-09-05	61114311	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2877	Nguyễn Minh	Trí	11-10-05	61114313	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2878	Nguyễn Phương	Linh	19-01-05	61114315	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2879	Nguyễn Phương	Linh	19-01-05	61114316	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2880	Nguyễn Quỳnh Anh	01-03-05	61114317	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 3 (12h30-14h)
2881	Nguyễn Thái Phong	08-01-05	61114319	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2882	Nguyễn Thanh Vân	06-11-05	61114321	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2883	Nguyễn Thị Cẩm Hà	19-11-05	61114323	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2884	Nguyễn Trí Dũng	13-11-05	61114325	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2885	Nguyễn Trịnh Minh Hiếu	11-11-05	61114327	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2886	Phạm Chi Mai	14-09-05	61114329	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2887	Phạm Minh Thu	23-08-05	61114331	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2888	Phạm Trịnh Minh Khánh	20-03-05	61114333	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2889	Phùng Thị Hiền Anh	19-09-2005	61114335	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2890	Thái Nhật Minh	30-08-05	61114336	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2891	Thái Nhật Minh	30-08-05	61114337	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2892	Trần An Khang	09-05-05	61114338	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2893	Trần Nguyễn Thanh Vân	10-08-05	61114340	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2894	Trần Nhật Linh	12-01-05	61114341	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 3 (12h30-14h)
2895	Trần Phương Linh	15-02-05	61114343	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2896	Vũ Hoàng Ân	02-01-05	61114345	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2897	Vũ Khánh Linh	22-09-05	61114347	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2898	Vũ Nhật Anh	23-09-05	61114349	6A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2899	Bùi Ngọc Linh	12-11-05	61114351	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2900	Đặng Hoàng Kim Anh	22-04-05	61114352	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2901	Dương Hoàng Hải	05-07-05	61114353	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2902	Dương Mạn Ngọc	13-09-05	61114354	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2903	Hoàng Minh Anh	18-10-05	61114355	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2904	Lại Hoàng Sơn	07-07-05	61114356	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2905	Lê Thùy Dương	28-06-05	61114357	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2906	Lưu Dương Bảo	Ngân	09-11-05	61114358	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2907	Lưu Ngọc	Huyền	14-01-05	61114359	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2908	Nguyễn Chí	Cường		61114360	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2909	Nguyễn Chí	Cường	25-03-05	61114361	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2910	Nguyễn Đỗ Minh	Châu	09-08-05	61114362	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2911	Nguyễn Đức	An	16-08-05	61114363	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2912	Nguyễn Đức	Duy	01-10-05	61114364	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2913	Nguyễn Đức Khôi	Nguyên	04-12-05	61114365	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 3 (12h30-14h)
2914	Nguyễn Khắc	Hiếu	14-12-05	61114366	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2915	Nguyễn Khánh	Ly	10-07-05	61114367	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2916	Nguyễn Ngọc	Vinh	01-08-05	61114368	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2917	Nguyễn Nhật	Minh	22-09-05	61114369	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2918	Nguyễn Thành	Long	07-10-05	61114370	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2919	Nguyễn Thị Trà	My	22-04-05	61114371	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2920	Nguyễn Vân	Trang	13-08-05	61114372	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2921	Nguyễn Viết	Quang	30-06-05	61114373	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2922	Nguyễn Vinh Duy	Quân	14-12-05	61114374	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2923	Ninh Đình	Vinh	21-02-05	61114375	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2924	Phạm Hoàng Minh	Quang		61114376	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2925	Phạm Hoàng Minh	Quang	30-09-05	61114377	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2926	Phạm Trần Mỹ	Anh	21-11-05	61114378	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2927	Phí Minh	Trang	27-09-05	61114379	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2928	Trần Khánh	Linh	02-04-05	61114380	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2929	Vũ Mạnh	Hung		61114381	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2930	Vũ Mạnh	Hung	26-11-05	61114382	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2931	Vũ Minh	Hà	03-10-05	61114383	6A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2932	Chu Thanh	Hà	31-05-04	61114384	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2933	Chu Thành	Lâm	22-05-04	61114385	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2934	Hoàng	Anh	31-01-04	61114386	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2935	Lâm Trà	My	25-09-04	61114387	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2936	Lê Nguyệt	Minh	06-12-04	61114388	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2937	Lưu Thị Phương	Oanh	28-01-04	61114389	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 3 (12h30-14h)
2938	Ngô Tuấn	Kiên	14-02-04	61114390	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2939	Nguyễn Hà	Linh	14-11-04	61114391	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2940	Nguyễn Hoàng	Hiệp	05-10-04	61114392	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2941	Nguyễn Hoàng	Nam	08-01-04	61114393	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2942	Nguyễn Hương	Giang	01-12-04	61114394	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2943	Nguyễn Khánh	Linh	20-01-04	61114395	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2944	Nguyễn Quế	Anh	06-04-04	61114396	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2945	Nguyễn Thành	Nam	11-08-04	61114397	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2946	Nguyễn Tiến	Mạnh	04-07-04	61114398	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2947	Phạm Lê Anh	Kiệt	06-01-04	61114399	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2948	Tạ Gia	Huy	31-12-04	61114400	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2949	Trần	Lâm	25-07-04	61114401	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2950	Trần Cao	Minh	31-08-04	61114402	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2951	Trần Khánh	Ly	16-03-04	61114403	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2952	Trần Ngọc	Đạt	02-11-04	61114404	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2953	Vũ Đăng Thái	Dương	20-08-04	61114405	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2954	Vũ Diệu	Anh	26-08-04	61114406	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2955	Vũ Hạnh	Nguyên	13-05-05	61114407	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2956	Vũ Hoàng	Ngân	12-03-04	61114408	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2957	Vũ Khánh	Linh	08-03-04	61114409	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2958	Vũ Thị Huyền	Chinh	30-11-04	61114410	7A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2959	Chu Ngọc	Quý	11-01-04	61114411	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2960	Đỗ Việt	Chính	01-04-04	61114412	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2961	Đỗ Vương	Khánh	02-06-04	61114413	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 3 (12h30-14h)
2962	Đoàn Kim	Anh	27-12-04	61114414	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2963	Đoàn Minh	Hoàng	18-11-04	61114415	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2964	Hoàng Minh	Thành	28-07-04	61114416	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2965	Lê Hồng	Ngọc	03-09-04	61114417	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2966	Lưu Nguyên Tuệ	Minh	07-08-04	61114418	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2967	Nguyễn Công	Huân	07-10-04	61114419	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2968	Nguyễn Danh Sơn	Tùng	24-03-04	61114420	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2969	Nguyễn Hà	Linh	20-11-04	61114421	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2970	Nguyễn Hà Ánh	Dương	17-02-04	61114422	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2971	Nguyễn Ngọc	Anh	29-10-04	61114423	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2972	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	30-09-04	61114424	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2973	Nguyễn Nhật	Minh	30-08-04	61114425	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2974	Nguyễn Phương	Linh	30-07-04	61114426	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2975	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	28-01-04	61114427	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2976	Phạm Hương	Trang	07-05-04	61114428	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2977	Phạm Tú	Anh	11-04-04	61114429	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 3 (12h30-14h)
2978	Phùng Văn	Bình	09-06-04	61114430	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2979	Tăng Thị Thủy	Tiên	22-02-04	61114431	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2980	Trần Thy	Cầm	18-11-04	61114432	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2981	Vũ Diễm	Quỳnh	12-02-04	61114433	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2982	Vũ Hoàng	Long	21-09-04	61114434	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2983	Vũ Lê Khánh	Linh	15-07-04	61114435	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
2984	Vũ Quang	Huy	15-10-04	61114436	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2985	Vũ Thành	Nam	01-01-04	61114437	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2986	Vũ Xuân	Đại	03-12-04	61114438	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2987	Vương Hồng	Minh	08-10-04	61114439	7A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2988	Bùi Bảo	Anh	03-08-04	61114440	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2989	Bùi Vinh	Quốc	04-08-04	61114441	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2990	Đặng Minh	Tâm	01-09-04	61114443	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2991	Đặng Ngọc Phương	Thảo	18-10-04	61114444	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2992	Đào Long	Vũ	05-12-04	61114445	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2993	Đỗ Kim Phụng	Anh	11-10-04	61114446	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2994	Đỗ Tú	Anh	22-03-04	61114447	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2995	Hoàng Đình	Lộc	17-09-04	61114448	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2996	Lê Quang	Huân	29-09-04	61114449	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2997	Lê Quý An	Đức	02-03-04	61114450	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2998	Nguyễn Anh	Đức	05-07-04	61114451	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
2999	Nguyễn Công	Khôi	26-09-04	61114453	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 4 (14h30-16h00)
3000	Nguyễn Công	Khôi	26-09-04	61114454	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3001	Nguyễn Đình	Lộc	13-04-04	61114455	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3002	Nguyễn Hoa Trà	Mai	08-04-04	61114456	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3003	Nguyễn Hoài	Thu	17-05-04	61114458	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3004	Nguyễn Hương	Thảo	09-12-04	61114459	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3005	Nguyễn Hương	Thảo	09-12-04	61114460	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3006	Nguyễn Minh	Hằng	14-11-04	61114461	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3007	Nguyễn Minh	Hiếu	26-02-04	61114462	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3008	Nguyễn Minh	Trang	11-11-04	61114463	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3009	Nguyễn Phương	Ngân	21-08-04	61114464	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3010	Nguyễn Viết	Tuấn	28-06-04	61114466	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3011	Nguyễn Yên	Nhi	24-02-04	61114467	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3012	Phạm Đỗ Quang	Hung	19-08-04	61114468	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3013	Phạm Trọng	Thanh	14-02-04	61114469	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3014	Trần Bảo	Ngọc	22-08-04	61114470	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3015	Trần Thị Ngọc	Hà	22-10-04	61114472	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3016	Trương Ngọc	Quỳnh	03-06-04	61114474	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3017	Vũ Khánh	Huyền	19-06-04	61114476	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 4 (14h30-16h00)
3018	Vũ Minh	Hiếu	04-04-04	61114478	7A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3019	Bùi Đỗ Ngọc	Linh	10-10-04	61114479	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3020	Bùi Ngân	Giang	02-12-04	61114481	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3021	Cao Thị Thu	Giang	06-09-04	61114482	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3022	Đặng Quang	Dương	15-11-04	61114484	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3023	Đinh Hoàng Hải	Nam	23-12-04	61114485	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3024	Đinh Trung	Hiếu	02-05-04	61114487	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3025	Đinh Uyển	Vi	03-09-04	61114489	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3026	Đinh Uyển	Vi	03-09-04	61114490	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3027	Đỗ Hoàng Ánh	Ngọc	23-09-04	61114491	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3028	Đồng Kim	Ngân	20-04-04	61114493	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3029	Dương Quỳnh	Chi	20-10-04	61114495	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3030	Hà Vũ	Huy	23-02-04	61114496	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3031	Hoàng Anh	Quốc	06-05-04	61114498	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3032	Ngô Thu	Phương	27-10-04	61114500	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3033	Nguyễn Bình	Minh	10-09-04	61114501	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 4 (14h30-16h00)
3034	Nguyễn Đắc	Dũng	08-12-04	61114502	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3035	Nguyễn Đắc Việt	Anh	21-03-04	61114503	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3036	Nguyễn Duy	Khánh	02-02-04	61114504	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3037	Nguyễn Linh	Giang	20-04-04	61114506	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3038	Nguyễn Mạnh	Khôi	11-04-04	61114507	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3039	Nguyễn Phương	Anh		61114509	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3040	Nguyễn Quỳnh	Chi	26-07-04	61114510	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3041	Nguyễn Thành	An	05-06-04	61114512	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3042	Nguyễn Trà	My	30-07-04	61114513	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3043	Phạm Cẩm	Duyên	08-10-04	61114514	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3044	Phạm Trịnh Đức	Trung	17-06-04	61114515	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3045	Phùng Quốc	Công	22-01-04	61114517	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3046	Vũ Diệu	Linh	07-01-04	61114518	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3047	Vũ Ngọc	Huyền	19-06-04	61114519	7A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3048	Bùi Minh	Hiền	24-07-04	61114520	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3049	Bùi Nhật	Huy	03-05-04	61114521	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3050	Đặng Hiếu	Nguyên	30-12-04	61114522	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3051	Đinh Phương	Linh	18-06-04	61114523	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3052	Đỗ Tiến	Dũng	22-03-04	61114524	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3053	Đỗ Trung	Kiên	04-07-04	61114525	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 4 (14h30-16h00)
3054	Hà Đức	Anh	20-06-04	61114526	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3055	Hà Hoàng	Ngân	14-02-04	61114527	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3056	Hà Phúc	Anh	20-06-04	61114528	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3057	Lê Bảo	Ngọc	27-07-04	61114529	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3058	Lê Hải	Yến	28-11-04	61114530	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3059	Lê Nguyễn Anh	Minh	01-12-04	61114531	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3060	Lê Phương	Ngân	12-10-04	61114532	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3061	Lưu Gia	Định	10-08-04	61114533	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3062	Nguyễn Ánh Đăng	Khoa	21-01-04	61114534	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3063	Nguyễn Đăng Gia	Bách	24-08-04	61114535	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3064	Nguyễn Đức	Ban	07-02-04	61114536	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3065	Nguyễn Đức	Bình	19-11-04	61114537	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3066	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	28-09-04	61114538	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3067	Nguyễn Phương	Dung	15-09-04	61114539	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3068	Nguyễn Thanh	Mai	06-06-04	61114540	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3069	Nguyễn Thanh	Tùng	19-04-04	61114541	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3070	Phùng Hương	Giang	03-08-04	61114542	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3071	Trần Phạm Thái	Son	24-11-04	61114543	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3072	Trần Quốc	Trung	09-10-04	61114544	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3073	Trương Quốc	Trung	07-01-04	61114545	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3074	Từ Thu	Hà	11-01-04	61114546	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3075	Vũ Địch	Huy	01-05-04	61114547	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3076	Vũ Vĩnh	An	06-07-04	61114548	7A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3077	Đặng Châu	Anh	26-11-04	61114549	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 4 (14h30-16h00)
3078	Đinh Minh	Hoàng	28-07-04	61114550	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3079	Đỗ Nguyệt	Anh	16-12-04	61114551	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3080	Dương Bình	Nguyên	30-11-04	61114552	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3081	Dương Đức	Thái	26-03-04	61114553	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3082	Dương Hương	Ly	05-01-04	61114554	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3083	Hoàng Thủy	Tiên	09-12-04	61114555	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3084	Lại Khánh	Linh	08-04-04	61114556	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3085	Lê Hoàng Thủy	Tiên	13-03-04	61114557	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3086	Nguyễn Diệu	Linh	29-02-04	61114558	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3087	Nguyễn Hiểu	Minh	27-01-04	61114559	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3088	Nguyễn Hoàng Duy	31-12-04	61114560	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3089	Nguyễn Hương Trà	04-05-04	61114561	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3090	Nguyễn Huy Hoàng	14-04-04	61114562	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3091	Nguyễn Lê Nhật Mai	05-07-04	61114563	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3092	Nguyễn Minh Thành	11-03-04	61114564	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3093	Nguyễn Nhật Nguyên	02-03-04	61114565	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3094	Nguyễn Yên Nhi	30-10-04	61114566	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3095	Phạm Thúy Hằng	01-03-04	61114567	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3096	Phùng Đức Kiên	12-07-04	61114568	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3097	Trần Phương Thủy	16-09-04	61114569	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3098	Trần Vũ Thùy Linh	08-10-04	61114570	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3099	Trịnh Quang Lâm	23-09-04	61114571	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3100	Võ Tá Thành	30-03-04	61114572	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3101	Vũ Hương Quỳnh	15-03-04	61114573	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 4 (14h30-16h00)
3102	Vũ Quốc Huy	24-08-04	61114574	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3103	Vũ Thanh An	08-11-04	61114575	7A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3104	Bồ Quốc Trung	10-01-04	61114576	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3105	Đỗ Khánh Đan	09-11-04	61114577	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3106	Đoàn Thị An Bình	12-08-04	61114578	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3107	Hoàng Thị Minh Anh	29-02-04	61114579	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3108	Lê Minh Phương	15-10-04	61114580	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3109	Lê Nguyễn Mạnh Thắng	19-12-03	61114581	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3110	Lê Trung Kiên	13-12-04	61114582	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3111	Nguyễn Đức Trung	08-01-04	61114583	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3112	Nguyễn Duy Thái	10-01-04	61114584	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3113	Nguyễn Hoàng Anh	06-04-04	61114585	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3114	Nguyễn Ngọc Hồng	Nhung	13-08-04	61114586	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3115	Nguyễn Nhật	Minh	05-12-04	61114587	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3116	Nguyễn Phú	Trọng	13-11-04	61114588	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3117	Nguyễn Phương	Anh	12-09-04	61114589	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3118	Nguyễn Quý	Trường	02-11-04	61114590	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3119	Nguyễn Thu	Trang	28-01-04	61114591	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3120	Nguyễn Thùy	Linh	21-09-04	61114592	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3121	Nguyễn Tiến	Khải	06-10-04	61114593	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3122	Nguyễn Trần Tuấn	Minh	02-08-04	61114594	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3123	Nguyễn Việt	Hoàng	26-03-04	61114595	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3124	Phạm Quang	Bách	26-12-04	61114596	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3125	Phùng Huyền	Trang	11-02-04	61114597	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 4 (14h30-16h00)
3126	Trần An	Bình	21-09-04	61114598	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3127	Trần Diệu	Anh	11-04-04	61114599	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3128	Trần Vũ Bảo	Ngọc	11-02-04	61114600	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3129	Triệu Thành	Dũng	11-11-04	61114601	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3130	Trịnh Anh	Kiệt	05-10-04	61114602	7A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3131	Bùi Diệp Hải	My	11-11-03	61114603	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3132	Bùi Doãn	Việt	21-02-03	61114604	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3133	Bùi Thu	Trang	31-12-03	61114605	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3134	Đàm Khánh	Linh	05-02-03	61114606	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3135	Đặng Như	Bình	17-11-03	61114607	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3136	Hứa Minh	Quân	12-11-03	61114608	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3137	Lại Quang	Minh	08-12-03	61114609	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3138	Lê Anh	Tú	13-10-03	61114610	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3139	Lê Hà	My	12-11-03	61114611	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3140	Nguyễn Duy	Anh	28-01-03	61114612	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3141	Nguyễn Hải	Nam	12-05-03	61114613	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3142	Nguyễn Hồng	Ngọc	30-01-04	61114614	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3143	Nguyễn Hữu	Dũng	28-08-03	61114615	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3144	Nguyễn Hữu	Huy	03-12-03	61114616	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3145	Nguyễn Khánh	Vân	06-03-03	61114617	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3146	Nguyễn Ngọc Hải	Yến	22-05-03	61114618	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3147	Nguyễn Như	Đức	24-12-03	61114619	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3148	Nguyễn Thị Minh	Thuý	08-10-03	61114620	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3149	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	03-01-03	61114621	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 4 (14h30-16h00)
3150	Nguyễn Thiện	Lâm	22-02-03	61114622	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3151	Nguyễn Thùy	Trang	06-10-03	61114623	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3152	Nguyễn Tuấn	Anh	05-01-03	61114624	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3153	Nguyễn Việt	An	09-07-03	61114625	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3154	Nhan Văn	Huy	24-06-03	61114626	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3155	Phạm Gia	Hung	12-05-03	61114627	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3156	Phạm Minh	Tân	06-05-03	61114628	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3157	Trần Minh	Quang	09-10-03	61114629	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3158	Vũ Lê Khánh	Linh	29-11-03	61114630	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3159	Vũ Minh	Ngọc	05-06-03	61114631	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3160	Vũ Văn	Anh	12-09-03	61114632	8A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3161	Đặng Thị Hoàng	Minh	01-10-03	61114633	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3162	Đào Quang	Minh	20-10-03	61114634	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3163	Dương Hà Bảo	Anh	10-11-03	61114635	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3164	Hồ Thị Minh	Châu	24-10-03	61114636	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3165	Hoàng Phương	Thảo	20-05-03	61114637	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3166	Hoàng Quốc	Tuấn	06-11-03	61114638	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3167	Lê Công	Chính	08-03-03	61114639	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3168	Lê Minh	Hà	03-11-03	61114640	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3169	Lê Phương	Linh	03-08-03	61114641	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3170	Lê Thùy	Dương	20-09-03	61114642	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3171	Lương Quỳnh	Trang	19-08-03	61114643	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3172	Mai Khánh	Linh	23-06-03	61114644	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3173	Ngo Việt	Anh	04-03-03	61114645	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 4 (14h30-16h00)
3174	Nguyễn	Phong	13-08-03	61114646	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3175	Nguyễn Bảo	Linh	09-09-03	61114647	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3176	Nguyễn Đặng Hoàng	Minh		61114648	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3177	Nguyễn Đình Quý	Đức	30-01-03	61114649	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3178	Nguyễn Hoàng	Lân	18-04-03	61114650	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3179	Nguyễn Khánh	Linh	11-12-03	61114651	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3180	Nguyễn Lê Hồng	Ngọc	27-09-03	61114652	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3181	Nguyễn Minh	Quang	02-07-03	61114653	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3182	Nguyễn Minh	Trà	31-03-03	61114654	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3183	Nguyễn Tấn	Minh	23-09-03	61114655	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3184	Nguyễn Thị Kim	Chi	11-08-03	61114656	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3185	Nguyễn Tuấn	Việt	06-03-03	61114657	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3186	Phạm Lê Thanh	Xuân	19-03-03	61114658	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3187	Phạm Trọng	Hiền	02-07-03	61114659	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3188	Phan Thùy	Dương	27-06-03	61114660	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3189	Trần Bảo	Anh	12-02-03	61114661	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3190	Trần Ngọc	Anh	25-09-03	61114662	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3191	Trần Phương	Thảo	15-01-03	61114663	8A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3192	Bạch Trọng	An	24-05-03	61114664	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3193	Cao Minh	Huyền	22-09-03	61114665	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3194	Đào Công	Son	22-10-03	61114666	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3195	Đào Việt	Thanh	21-01-03	61114667	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3196	Đỗ Hồng	Ngọc	26-10-03	61114668	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3197	Hoàng Quỳnh	Anh	24-09-03	61114669	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 4 (14h30-16h00)
3198	Mai Nhật	Khánh	20-11-03	61114670	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3199	Nguyễn Duy	Anh	20-02-03	61114671	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3200	Nguyễn Hà	My	24-04-03	61114672	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3201	Nguyễn Khánh	Linh	11-12-03	61114673	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3202	Nguyễn Lan	Anh	01-08-03	61114674	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3203	Nguyễn Minh	Nghĩa	22-10-03	61114675	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3204	Nguyễn Minh	Anh	23-09-03	61114676	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3205	Nguyễn Quang	Đức	31-12-03	61114677	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3206	Nguyễn Quang	Huy	29-07-03	61114678	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3207	Nguyễn Quang	Minh	03-09-03	61114679	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3208	Nguyễn Quốc	Khánh	07-11-03	61114680	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3209	Nguyễn Thăng	Long	18-08-03	61114681	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3210	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	02-09-03	61114682	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3211	Nguyễn Thị Thanh	Hương	19-02-03	61114683	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3212	Nguyễn Thùy	Dung	06-08-03	61114684	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3213	Nguyễn Thùy	Trang	26-10-03	61114685	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3214	Nguyễn Vân	Anh	16-09-03	61114686	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3215	Nguyễn Văn Thế	Bách	26-03-03	61114687	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3216	Phạm Mỹ	Hạnh	13-02-03	61114688	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3217	Phạm Ngọc Tuấn	Bình	28-09-03	61114689	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3218	Thái Minh Hòa		61114690	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3219	Trần Thị Quỳnh Anh	26-02-03	61114691	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3220	Văn Thu Hiền	09-09-03	61114692	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3221	Vũ Đức Đăng	16-09-03	61114693	8A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 4 (14h30-16h00)
3222	Bùi Hà Phương Linh	05-10-03	61114694	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3223	Đặng Khánh Chi	26-12-03	61114695	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3224	Đặng Khánh Chi	26-12-03	61114696	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3225	Đinh Phú Cường Hưng	27-07-03	61114697	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3226	Kiều Lê Hương	20-12-03	61114698	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3227	Lại Phương Thủy	03-02-03	61114699	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3228	Lâm Sơn Hải	12-10-03	61114700	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3229	Lê Quang Minh	01-12-03	61114701	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3230	Lê Quỳnh Hương	28-04-03	61114702	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3231	Lê Xuân Vũ Phong	22-07-03	61114703	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3232	Lương Ngọc Huyền	19-07-03	61114704	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3233	Ngụy Xuân Phương	07-12-03	61114705	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3234	Nguyễn Đức Vinh	31-12-03	61114706	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3235	Nguyễn Quỳnh Anh	14-03-03	61114707	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3236	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	25-11-03	61114708	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3237	Nguyễn Thị Phương Anh	15-04-03	61114709	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3238	Nguyễn Thu Hà	02-01-03	61114710	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3239	Nguyễn Thùy Linh	19-02-03	61114711	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3240	Nguyễn Xuân Minh	11-07-03	61114712	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3241	Phạm Đức Long	29-05-03	61114713	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3242	Phạm Ngọc Ánh	20-09-03	61114714	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3243	Phạm Nhật Anh	09-09-03	61114715	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3244	Tạ Duy	Anh	09-02-03	61114716	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3245	Trần Thanh	Kiều	09-03-03	61114717	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 4 (14h30-16h00)
3246	Trần Tuấn	Kiệt		61114718	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3247	Trương Quốc	Huy	25-09-03	61114719	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3248	Vũ Đức	Mạnh	28-06-03	61114720	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3249	Vũ Hùng	Son	23-11-03	61114721	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3250	Vũ Quỳnh	Trang	28-12-03	61114722	8A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3251	Bùi Vinh	Long	23-10-03	61114723	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3252	Chu Văn	Tiến	07-04-03	61114724	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3253	Đặng Gia	Nguyên	06-10-03	61114725	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3254	Hà Phúc	Khang	03-07-03	61114726	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3255	Hà Tuấn	Hoàng	25-09-03	61114727	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3256	Lại Nhật	Minh	21-07-03	61114728	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3257	Lê Quốc	Trọng	25-08-03	61114729	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3258	Lê Xuân	Hiếu	30-05-03	61114730	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3259	Lương Nhật	Hào	09-07-03	61114731	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3260	Mai Tú	Phương	09-11-03	61114732	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3261	Nguyễn Cẩm	Tú	22-06-03	61114733	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3262	Nguyễn Hương	Giang	21-01-03	61114734	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3263	Nguyễn Nam	Phương	13-02-03	61114735	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3264	Nguyễn Thị Bằng	Linh	05-06-03	61114736	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3265	Nguyễn Thị Huyền	Trang	01-08-03	61114737	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3266	Nguyễn Tiến	Bắc	23-10-03	61114738	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3267	Nguyễn Tiểu	Phong	09-01-03	61114739	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3268	Nguyễn Việt	Hà	20-08-03	61114740	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)
3269	Nguyễn Vũ Ngọc	Đức	04-03-03	61114741	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3270	Phạm Mai	Phuong	11-05-03	61114742	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3271	Phạm Mỹ	Ngọc	17-08-03	61114743	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3272	Phan Phương	Linh	12-02-03	61114744	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3273	Tổng Minh	Trí	13-08-03	61114745	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3274	Trần Đức Hoàng	Nam	20-02-03	61114746	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3275	Trần Ngọc Anh	Quân	06-09-03	61114747	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3276	Trần Thị Hà	My	02-09-03	61114748	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3277	Trần Văn	Anh	29-12-03	61114749	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3278	Vũ Đức	Long	20-11-03	61114750	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3279	Vũ Mai	Ngọc	16-03-03	61114751	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3280	Vũ Thuý	Hằng	26-08-03	61114752	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3281	Vũ Thúy	Hằng	26-08-03	61114753	8A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3282	Bùi Anh	Nga	30-01-03	61114754	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3283	Đặng Duy Bảo	Khánh	08-08-03	61114755	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3284	Đào Thanh	Thuý	08-01-03	61114756	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3285	Hoàng Gia	Ngọc	22-08-03	61114757	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3286	Hoàng Gia	Ngọc		61114758	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3287	Lê Mai	Anh	18-05-03	61114759	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3288	Lê Thu	Trang	11-05-03	61114760	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3289	Lê Thu	Trang	11-05-03	61114761	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3290	Lê Trần Hoài	Hiếu	08-01-03	61114762	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3291	Nguyễn Anh	Thư	09-06-03	61114763	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3292	Nguyễn Anh	Thư	09-06-03	61114764	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3293	Nguyễn Diệu	Anh	04-12-03	61114765	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 4 (14h30-16h00)
3294	Nguyễn Đỗ Linh	Chi	08-07-03	61114766	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3295	Nguyễn Hà	Anh	22-06-03	61114767	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3296	Nguyễn Hà	Anh	22-06-03	61114768	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3297	Nguyễn Hà	Anh	22-05-03	61114769	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3298	Nguyễn Hoài	Thu	26-06-03	61114770	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3299	Nguyễn Hồng	Minh	23-11-03	61114771	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3300	Nguyễn Huệ	Tâm	09-03-03	61114772	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3301	Nguyễn Lan	Phương	28-11-03	61114773	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3302	Nguyễn Phương	Hà	17-01-03	61114774	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3303	Nguyễn Phương	Hà	17-01-03	61114775	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3304	Nguyễn Thành	Nam		61114777	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3305	Nguyễn Thanh	Huyền	31-12-03	61114778	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3306	Nguyễn Thị Hiền	Trang	27-02-03	61114779	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3307	Nguyễn Thu	Huyền	31-12-03	61114780	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3308	Nguyễn Thùy	Dương	22-04-03	61114781	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3309	Nguyễn Việt	Tùng	30-06-03	61114782	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3310	Phạm Đức	Huy	02-05-03	61114783	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3311	Trần Minh	Tâm	18-10-03	61114784	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3312	Trần Trà	My	26-10-03	61114785	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3313	Vũ Bằng	Linh	03-11-03	61114786	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3314	Vũ Phương	Linh	16-01-03	61114787	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3315	Vương Linh	Linh	26-04-03	61114788	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3316	Vương Linh	Linh	26-04-03	61114789	8A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 4 (14h30-16h00)
3317	Bùi Quang	Huy	31-08-03	61114790	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3318	Bùi Tô Nhật	Minh	18-08-03	61114791	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3319	Cao Văn	Duy	25-06-03	61114792	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3320	Chu Xuân	Tùng	23-03-03	61114793	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3321	Đặng Quỳnh	Mai	30-10-03	61114794	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3322	Đào Minh	Phương		61114795	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3323	Đào Ngọc Trà	My	04-05-03	61114796	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3324	Đào Xuân	Thắng	29-09-03	61114797	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3325	Dương Thu	Hương	18-08-03	61114798	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3326	Hồ Phương	Thảo	07-08-03	61114799	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3327	Lê Duy	Trường	30-04-03	61114800	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3328	Lưu Dương Khánh	Linh	26-10-03	61114801	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3329	Nguyễn Đình	Mạnh	09-08-03	61114802	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3330	Nguyễn Đình	Hiếu	25-05-03	61114803	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3331	Nguyễn Hồng	Hạnh	16-03-03	61114804	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3332	Nguyễn Huy	Cường	05-03-03	61114805	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3333	Nguyễn Mai	Phương	15-02-03	61114806	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3334	Nguyễn Như	Thủy	21-03-03	61114807	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3335	Nguyễn Phương	Thảo	27-08-03	61114808	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3336	Nguyễn Thị Minh	Trang	19-10-03	61114809	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3337	Nguyễn Xuân	Khánh	13-10-03	61114810	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3338	Phạm Lương Khánh	Linh	19-11-03	61114811	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3339	Phạm Quỳnh	Anh	23-10-03	61114812	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3340	Phan Thị Mai	Phương	18-06-03	61114813	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 4 (14h30-16h00)
3341	Phương Thảo	Vân		61114814	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3342	Quách Văn	Son	12-11-03	61114815	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3343	Tạ Thị Lan	Anh	23-12-03	61114816	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3344	Trần Quang	Vinh	07-10-03	61114817	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3345	Trương Thị Hà	Anh	22-09-03	61114818	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3346	Vũ	An	08-05-03	61114819	8A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3347	Cần Đỗ Minh	Hạnh	11-01-02	61114820	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3348	Đặng Huy	Hoàng	13-01-02	61114821	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3349	Đặng TRẦN Hoàng	Hà	19-12-02	61114822	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3350	Đào Yến	Như	03-04-02	61114823	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3351	Đỗ Thu	Hằng	02-05-02	61114824	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3352	Hán Thế	Chiến	06-08-02	61114825	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3353	Lê Duy	Thành	30-10-02	61114826	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3354	Lê Quang	Tiến		61114827	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3355	Lê Quang Trường	Giang	14-09-02	61114828	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3356	Lê Thành	An	17-04-02	61114829	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3357	Lê Vũ	Long	22-08-02	61114830	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3358	Lưu TRẦN Mạnh	Duy	12-09-02	61114831	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3359	Lý Tùng	Lâm	10-12-02	61114832	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3360	Nguyễn Hải	Nam	24-10-02	61114833	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3361	Nguyễn Hải	Yến	16-10-02	61114834	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3362	Nguyễn Hoài	Nam	18-12-02	61114835	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3363	Nguyễn Hữu	Huy	05-10-02	61114836	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3364	Nguyễn Lê	Vi	26-09-02	61114837	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 4 (14h30-16h00)
3365	Nguyễn Phương	Anh	20-03-02	61114838	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3366	Nguyễn Quang	Trung	21-01-02	61114839	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3367	Nguyễn Quý	Long	10-09-02	61114840	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3368	Nguyễn Thành	Nam	15-06-02	61114841	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3369	Nguyễn Yến	Linh	31-08-02	61114842	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3370	Phan Mỹ	Khanh	03-01-02	61114843	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3371	Trần Minh	Ánh	20-10-02	61114844	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3372	Trần Thanh	Thảo	26-06-02	61114845	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3373	Trịnh Quốc	Huy	08-07-02	61114846	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3374	Vương Thị Huyền	Nhi	16-11-02	61114847	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3375	Vương Tiến	Thành	31-01-02	61114848	9A1	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3376	Đỗ Chiến	Phi	05-11-02	61114849	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3377	Lê Anh	Trung	01-10-02	61114850	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3378	Ngô Hà	Anh	02-07-02	61114851	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3379	Nguyễn Đăng Tà	Khôi	12-02-02	61114852	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3380	Nguyễn Diệu	Linh	31-08-02	61114853	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3381	Nguyễn Đỗ Minh	Châu	05-02-02	61114854	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3382	Nguyễn Hoàng	Nam	29-12-02	61114855	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3383	Nguyễn Hồng	Nhung	11-07-02	61114856	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3384	Nguyễn Lan	Hiền	06-11-02	61114857	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3385	Nguyễn Mạnh	Thắng	01-11-02	61114858	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3386	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	12-11-02	61114859	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3387	Nguyễn Thu	Nga	17-07-02	61114860	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3388	Nguyễn Việt	Hùng	04-02-02	61114861	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 4 (14h30-16h00)
3389	Nguyễn Việt Anh	Quân	18-02-02	61114862	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3390	Nguyễn Xuân	Bách	23-12-02	61114863	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3391	Phạm Thu	Trang	24-02-02	61114864	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3392	Phan Sỹ	Long	30-01-02	61114865	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3393	Phí Quỳnh	Anh	29-11-02	61114866	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3394	Tạ Thanh	Hà	04-06-02	61114867	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3395	Trần An	Khánh	13-10-02	61114868	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3396	Vũ Anh	Tuấn	04-12-02	61114869	9A2	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3397	Bùi Đoàn Hùng	Sơn	16-04-02	61114870	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3398	Cao Thế	Phong		61114871	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3399	Chu Tiến	Mạnh	08-11-02	61114872	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3400	Chu Tiến	Mạnh	08-11-02	61114873	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3401	Đặng Mai	Linh	04-10-02	61114874	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3402	Đặng Mai	Linh	04-10-02	61114875	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3403	Đào Việt	Anh	11-03-02	61114876	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3404	Đỗ Tuấn	Hùng	19-09-02	61114877	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3405	Hoàng Hương	Ly	07-09-02	61114878	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3406	Hoàng Hương	Ly	07-09-02	61114879	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3407	Kiều Tuấn	Hiệp	25-02-02	61114880	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3408	Lê Khánh	Vi	11-12-02	61114881	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3409	Lê Trung	Kiên	07-02-02	61114882	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3410	Lê Vũ Hải	Phong	18-09-02	61114883	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3411	Ngô Hà	Phương	25-11-02	61114884	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3412	Ngô Hà	Phương	25-11-02	61114885	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 4 (14h30-16h00)
3413	Ngô Hoàng	Anh	11-10-02	61114886	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3414	Ngô Hoàng	Anh	11-10-02	61114887	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3415	Nguyễn Ngọc	Anh	31-08-02	61114888	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3416	Nguyễn Ngọc	Dũng	12-07-02	61114889	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3417	Nguyễn Thanh	Hoa	24-02-02	61114890	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3418	Nguyễn Thị Hoài	Thương	12-11-02	61114891	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3419	Nguyễn Thị Minh	Hằng		61114892	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3420	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	29-07-02	61114893	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3421	Nguyễn Văn	Thuật	05-11-02	61114894	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3422	Phạm Bùi Phương	Nhã	03-05-02	61114895	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3423	Phạm Bùi Phương	Thảo	03-05-02	61114896	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3424	Phạm Đức	Minh	18-07-02	61114897	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3425	Phạm Thu	Anh	03-09-02	61114898	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3426	Phạm Trung	Đức	10-07-02	61114899	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3427	Phạm Trung	Đức	10-07-02	61114900	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3428	Phí Vinh Vương Trường	Son	10-04-02	61114901	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3429	Trần Phương	Thảo	03-03-02	61114902	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3430	Võ Minh	Nhật	13-06-02	61114903	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3431	Vũ Nguyên	Trường		61114904	9A3	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3432	Bùi Minh Thảo	Nguyên	12-12-02	61114905	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3433	Bùi Minh Thảo	Nguyên	12-12-02	61114906	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3434	Bùi Ngọc Phương	Uyên	20-09-02	61114907	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3435	Bùi Ngọc Phương	Uyên	20-09-02	61114908	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3436	Chu	Long	22-05-02	61114909	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 4 (14h30-16h00)
3437	Chu	Long	22-05-02	61114910	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3438	Chu Hồng	Chi	12-03-02	61114911	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3439	Chu Hồng	Chi	12-03-02	61114912	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3440	Đặng Đình	Thành	14-05-02	61114913	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3441	Đào Quang	Giang	15-01-02	61114914	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3442	Đỗ Kim	Chi	31-10-02	61114915	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3443	Hà Anh	Thư	13-02-02	61114916	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3444	Hoàng Anh	Đức	01-02-02	61114917	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3445	Hoàng Việt	An	22-09-02	61114918	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3446	Lê Hoàng	Vinh	27-10-02	61114919	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3447	Lê Hoàng	Vinh	27-10-02	61114920	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3448	Lê Phương	Anh	29-12-02	61114921	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3449	Lê Việt	Thắng	07-11-02	61114922	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3450	Lê Vũ Tuấn	Kiệt	27-09-02	61114923	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3451	Lê Vũ Tuấn	Kiệt	27-09-02	61114924	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3452	Nghiêm Thúy Quỳnh	14-06-02	61114925	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3453	Nguyễn Diệu Linh	27-09-02	61114926	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3454	Nguyễn Diệu Linh	27-09-02	61114927	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3455	Nguyễn Hà Thu	06-01-02	61114928	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3456	Nguyễn Hải Thùy Linh	23-11-02	61114929	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3457	Nguyễn Hải Thùy Linh	23-11-02	61114930	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3458	Nguyễn Lê Ngọc Huyền	24-09-02	61114931	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3459	Nguyễn Lê Ngọc Huyền	24-09-02	61114932	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3460	Nguyễn Ngọc Anh Quân	16-10-02	61114933	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 4 (14h30-16h00)
3461	Nguyễn Quang Đức	07-03-02	61114934	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3462	Nguyễn Quốc Đạt Khoa	31-10-02	61114935	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3463	Nguyễn Quốc Đạt Khoa	31-10-02	61114936	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3464	Nguyễn Thái Dương	06-07-02	61114937	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3465	Nguyễn Thanh Thùy	09-05-02	61114938	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3466	Nguyễn Thế Quang	29-12-02	61114939	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3467	Nguyễn Thế Quang	29-12-02	61114940	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3468	Ninh Hải Bình	25-09-02	61114941	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3469	Phan Văn Hoàng Anh	10-09-02	61114942	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3470	Phan Văn Hoàng Anh	19-10-02	61114943	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3471	Trần Đức Hiếu	16-02-02	61114944	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3472	Trần Hiếu Minh	09-07-02	61114945	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3473	Trần Hiếu Minh	09-07-02	61114946	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3474	Trần Ngọc Anh	25-10-02	61114947	9A4	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3475	Bùi Phương Anh	02-02-02	61114948	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3476	Bùi Trọng Đức Nghĩa	05-09-02	61114949	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3477	Chu Ngân Hà	03-09-02	61114950	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3478	Đàm Thị Thanh	Tâm	27-11-02	61114951	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3479	Đặng Minh	Chiến	18-02-02	61114952	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3480	Đỗ Yến	Nhi	23-08-02	61114953	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3481	Hà Trường	Giang	14-01-02	61114954	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3482	Hồ Anh	Vũ	17-08-02	61114955	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3483	Lê Thành	Nam	28-05-02	61114956	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3484	Lê Thị Mỹ	Hạnh	14-06-02	61114957	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 4 (14h30-16h00)
3485	Lưu Phương	Linh	14-05-02	61114958	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3486	Lưu Xuân	Trường	21-08-02	61114959	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3487	Nguyễn Anh	Duy	09-08-02	61114960	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3488	Nguyễn Đăng	Quang	11-07-02	61114961	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3489	Nguyễn Đình	Tiến	05-01-02	61114962	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3490	Nguyễn Hà	An	23-12-02	61114963	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3491	Nguyễn Hà	Chi	01-04-02	61114964	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3492	Nguyễn Hoàng	Anh	23-08-02	61114965	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3493	Nguyễn Hồng	Quân	20-11-02	61114966	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3494	Nguyễn Khánh	Mai	11-04-02	61114967	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3495	Nguyễn Minh	Hiếu	23-08-02	61114968	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3496	Nguyễn Trà	My	07-01-02	61114969	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3497	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	26-09-02	61114970	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3498	Nguyễn Việt	Huy	04-04-02	61114971	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3499	Phí Hồng	Anh	07-11-02	61114972	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3500	Trần Anh	Son	14-07-02	61114973	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3501	Trần Hồng	Quyên	10-03-02	61114974	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3502	Trần Lê	Hân	23-12-02	61114975	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3503	Vũ Thị Thanh	Hương	28-02-02	61114976	9A5	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3504	Đặng Thái	Hà	10-02-02	61114977	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3505	Đặng Thái	Hà	10-02-02	61114978	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3506	Đặng Thanh	Quang	20-12-02	61114979	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3507	Đặng Thanh	Quang	20-12-02	61114980	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3508	Đào Đức	Vinh	06-07-02	61114981	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 4 (14h30-16h00)
3509	Đào Đức	Vinh	06-07-02	61114982	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3510	Đình Hồng	Anh	05-11-02	61114983	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3511	Đình Hồng	Anh	05-11-02	61114984	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3512	Đình Tâm	Minh	15-11-02	61114985	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3513	Đình Tâm	Minh	15-11-02	61114986	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3514	Đỗ Tấn	Nam	17-02-02	61114987	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3515	Đỗ Tấn	Nam	17-02-02	61114988	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3516	Đoàn Minh	Hiền	21-06-02	61114989	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3517	Đoàn Minh	Hiền	21-06-02	61114990	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3518	Dương Thị Thu	Phương		61114991	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3519	Dương Thị Thu	Phương		61114992	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3520	Hoàng Minh	Anh	08-03-02	61114993	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3521	Hoàng Minh	Anh	08-03-02	61114994	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3522	Hoàng Nguyễn Nhật	Minh	29-07-02	61114995	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3523	Hoàng Nguyễn Nhật	Minh	29-07-02	61114996	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3524	Lê Hải	Hà	27-08-02	61114997	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3525	Lê Hải	Hà	27-08-02	61114998	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3526	Nguyễn Hương	Giang	24-01-02	61114999	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3527	Nguyễn Hương	Giang	24-01-02	61115000	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3528	Nguyễn Hữu	Mạnh	18-11-02	61115001	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3529	Nguyễn Hữu	Mạnh	18-11-02	61115002	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3530	Nguyễn Linh	Khanh	08-09-02	61115003	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3531	Nguyễn Linh	Khanh	08-09-02	61115004	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3532	Nguyễn Mai	Ngọc	18-04-02	61115005	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 4 (14h30-16h00)
3533	Nguyễn Mai	Ngọc	18-04-02	61115006	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3534	Nguyễn Minh	Đức	01-10-02	61115007	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3535	Nguyễn Minh	Đức	01-10-02	61115008	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3536	Nguyễn Thảo	Vy	28-01-02	61115009	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3537	Nguyễn Thảo	Vy	28-01-02	61115010	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3538	Nguyễn Thị Anh	Thư	26-04-02	61115011	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3539	Nguyễn Thị Anh	Thư	26-04-02	61115012	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3540	Nguyễn Thị Bích	Thuận	09-09-02	61115013	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3541	Nguyễn Thị Bích	Thuận	09-09-02	61115014	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3542	Nguyễn Thu	Trang	18-12-02	61115015	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3543	Nguyễn Thu	Trang	18-12-02	61115016	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3544	Nguyễn Trà	My	29-01-02	61115017	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3545	Nguyễn Trà	My	29-01-02	61115018	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3546	Nguyễn Xuân	Thanh	11-09-02	61115019	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3547	Nguyễn Xuân	Thanh	11-09-02	61115020	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3548	Phạm Quỳnh	Hương	13-09-02	61115021	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3549	Phạm Quỳnh	Hương	13-09-02	61115022	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3550	Tổng Ngọc Thanh	Tùng	19-09-02	61115023	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3551	Tổng Ngọc Thanh	Tùng	19-09-02	61115024	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3552	Trần Gia	Bảo	27-09-02	61115025	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3553	Trần Gia	Bảo	27-09-02	61115026	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3554	Trần Quang	Thành	20-11-02	61115027	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3555	Trần Quang	Thành	20-11-02	61115028	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3556	Vũ Mỹ	Linh	25-08-02	61115029	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 4 (14h30-16h00)
3557	Vũ Mỹ	Linh	25-08-02	61115030	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3558	Vũ Trung	Thành	28-04-02	61115031	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3559	Vũ Trung	Thành	28-04-02	61115032	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3560	Vũ Tuấn	Kiệt	20-09-02	61115033	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3561	Vũ Tuấn	Kiệt	20-09-02	61115034	9A6	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3562	Bùi Vũ Bình	Giang	07-02-02	61115035	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3563	Chu Ngân	Hằng	03-09-02	61115036	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3564	Đinh Mạnh	Toàn	20-05-02	61115037	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3565	Dương Hương	Giang	18-07-02	61115038	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3566	Hoàng Minh	Nhật	29-05-02	61115039	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3567	Lê Thùy	Dương	29-05-02	61115040	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3568	Ngô Thu	Ngọc	02-09-02	61115041	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3569	Nguyễn Gia Vũ	Hung	09-04-02	61115042	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3570	Nguyễn Ngọc	Minh	20-06-02	61115043	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3571	Nguyễn Phạm Thùy	Linh	26-06-02	61115044	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3572	Nguyễn Phan Minh	Thúy	02-02-02	61115045	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3573	Nguyễn Thanh	Trúc	12-09-02	61115046	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3574	Nguyễn Trần Hà	Oanh	16-08-02	61115047	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3575	Nguyễn Việt	Hoàng	19-06-02	61115048	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3576	Nguyễn Viết Bảo	Son	09-04-02	61115049	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3577	Nguyễn Xuân	Lộc	10-10-02	61115050	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3578	Phạm Công	Thắng	14-01-02	61115051	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3579	Phạm Thanh	Thảo	17-07-02	61115052	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3580	Phan Vũ	Hải	20-06-02	61115053	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 4 (14h30-16h00)
3581	Phương Công	Anh	04-01-02	61115054	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3582	Tạ Quốc Trung	10-05-02	61115055	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3583	Trần Hoàng	15-11-02	61115056	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3584	Trần Đức Quý	24-10-02	61115057	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3585	Trần Huyền Oanh	05-06-02	61115058	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3586	Trần Nhật Ngọc		61115059	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3587	Trần Thảo Linh	26-05-02	61115060	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3588	Vũ Nguyệt Minh	07-01-02	61115061	9A7	THCS Nam Từ Liêm	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3589	Bùi Bình Minh	31-08-05	61115062	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3590	Bùi Châu Anh	13-05-05	61115063	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3591	Chu Thúy Hà	04-10-05	61115064	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3592	Đặng Hoàng Anh	24-03-05	61115065	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3593	Đặng Tiểu Bình	06-02-05	61115066	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3594	Dương Quốc Anh	03-06-05	61115067	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3595	Dương Thùy Linh	15-04-05	61115068	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3596	Khuong Minh Chiến	27-05-05	61115069	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3597	Lê Khánh Linh	06-09-05	61115070	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3598	Lê Quốc Anh	06-09-05	61115071	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3599	Lê Thị Minh Châu	08-01-05	61115072	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3600	Nghiêm Thùy Linh	03-03-05	61115073	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3601	Ngô Thị Lan Anh	12-03-05	61115074	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3602	Nguyễn Công Lộc	25-05-05	61115075	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3603	Nguyễn Đình Hoài Nam	13-01-05	61115076	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3604	Nguyễn Mai Chi	22-02-05	61115077	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 4 (14h30-16h00)
3605	Nguyễn Như Quyền	17-09-05	61115078	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3606	Nguyễn Quỳnh Trang	16-08-05	61115079	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3607	Nguyễn Thị Bình	23-01-05	61115080	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3608	Nguyễn Thị Hải	16-05-05	61115081	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3609	Nguyễn Thị Nga	25-11-05	61115082	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3610	Nguyễn Thị Phương Thảo	15-08-05	61115083	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3611	Nguyễn Thùy Linh	16-01-05	61115084	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3612	Nguyễn Tuệ Minh	24-12-05	61115085	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3613	Nguyễn Văn Huy	12-05-05	61115086	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3614	Nguyễn Việt Hoàng	04-09-05	61115087	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3615	Nguyễn Xuân Nam	20-07-05	61115088	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3616	Nguyễn Yên Chi	09-04-05	61115089	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3617	Phạm Mỹ Duyên	11-07-05	61115090	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3618	Phạm Trần Trường Đạt	25-01-05	61115091	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3619	Phan Hồng Quân	06-04-05	61115092	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3620	Phùng Trung Kiên	03-02-05	61115093	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3621	Trần Diệu Linh	28-09-05	61115094	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3622	Trần Đức Hùng	18-07-05	61115095	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3623	Trần Đức Minh	04-01-05	61115096	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3624	Trần Hà Khanh	22-12-05	61115097	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3625	Trần Ngọc Duyên	20-01-05	61115098	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3626	Trần Thành Hiếu	29-11-05	61115099	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3627	Trần Thế Pháp	11-04-05	61115100	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3628	Trần Thị Bích Ngọc	24-01-05	61115101	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 4 (14h30-16h00)
3629	Trần Thị Thanh Hằng	14-03-05	61115102	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3630	Trần Thị Thúy Ninh	30-03-05	61115103	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3631	Trần Thu Trang	07-08-05	61115104	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3632	Trần Tích Ngọc Thiện	03-02-05	61115105	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3633	Trần Văn Đại	29-08-05	61115106	6A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3634	Bùi Hồng	Nhung	15-05-05	61115107	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3635	Bùi Huy	Hoàng	25-12-05	61115108	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3636	Cần Minh	Long	27-07-05	61115109	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3637	Đỗ Thùy	Linh	30-06-05	61115110	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3638	Dương Quỳnh	Anh	22-10-05	61115111	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3639	Hà Thu	Hồng	07-02-05	61115112	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3640	Lê Khánh	Linh	08-01-05	61115113	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3641	Lê Thị Xuân	Quỳnh	11-01-05	61115114	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3642	Nghiêm Anh	Tú	12-12-05	61115115	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3643	Nghiêm Phương	Anh	12-04-05	61115116	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3644	Nghiêm Quang	Huy	05-07-05	61115117	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3645	Nghiêm Thị	Hương	30-12-05	61115118	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3646	Nghiêm Thị	Mai	30-11-05	61115119	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3647	Nghiêm Thị	Ngà	12-05-05	61115120	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3648	Nghiêm Thị Diệu	Linh	17-05-05	61115121	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3649	Nghiêm Thị Kim	Oanh	09-09-05	61115122	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3650	Nghiêm Văn	Hào	27-11-05	61115123	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3651	Ngô Đức	Anh	08-08-05	61115124	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3652	Ngô Thị	Thương	25-09-05	61115125	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 4 (14h30-16h00)
3653	Nguyễn Gia	Hiền	15-11-05	61115126	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3654	Nguyễn Hữu	Dũng	29-08-05	61115127	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3655	Nguyễn Ngọc Y	Linh	04-05-05	61115128	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3656	Nguyễn Quang	Linh	26-08-05	61115129	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3657	Nguyễn Quốc	Đạt	11-01-05	61115130	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3658	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	24-12-05	61115131	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3659	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh A	14-05-05	61115132	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3660	Nguyễn Thuận	Anh	10-02-05	61115133	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3661	Phạm Minh	Hiếu	07-08-05	61115134	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3662	Phùng Thị Thúy	Ngân	13-11-05	61115135	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3663	Thịnh Hải	Yến	07-05-05	61115136	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3664	Trần Đại	Cương	29-01-05	61115137	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3665	Trần Đức	Anh	08-02-05	61115138	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3666	Trần Thị	Nhung	25-08-05	61115139	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3667	Vũ Tùng	Dương	06-09-05	61115140	6B	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3668	Cáp Thành	Hung	08-06-04	61115141	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3669	Đặng Mĩ	Hà	01-11-04	61115142	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3670	Đặng Quốc	Đạt	19-01-04	61115143	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3671	Đào Văn	Huy	23-12-04	61115144	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3672	Lê Mai	Hương	16-09-04	61115145	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3673	Lê Tú	Anh	10-07-04	61115146	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3674	Lê Văn	Việt	30-09-04	61115147	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3675	Nghiêm Thế	Khải	24-10-04	61115148	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3676	Nghiêm Thị Lan	Hương	11-02-04	61115149	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 4 (14h30-16h00)
3677	Ngô Thanh	Tâm	10-01-04	61115150	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3678	Ngô Thùy	Trang	09-02-04	61115151	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3679	Ngô Văn	Phú	19-10-04	61115152	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3680	Nguyễn Hà	Thanh	30-09-04	61115153	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3681	Nguyễn Hải	Yến	29-09-04	61115154	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3682	Nguyễn Mai	Anh	06-10-04	61115155	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3683	Nguyễn Thị	Loan	15-08-04	61115156	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3684	Nguyễn Thị	Thúy	26-07-04	61115157	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3685	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	07-07-04	61115158	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3686	Nguyễn Thị Thu	Ngân	07-08-04	61115159	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3687	Nguyễn Thị Tú	Anh	18-01-04	61115160	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3688	Nguyễn Thùy	Linh	27-09-04	61115161	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3689	Nguyễn Tiến	Mạnh	28-07-04	61115162	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3690	Nguyễn Triệu	Vy	04-09-04	61115163	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3691	Nguyễn Việt	Tiến	09-08-04	61115164	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3692	Phạm Thị Thùy	Trang	18-08-04	61115165	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3693	Trần Duy	Thành	19-12-04	61115166	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3694	Trần Nguyễn	Khanh	15-08-04	61115167	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3695	Trần Thị	Phương	17-01-04	61115168	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3696	Trần Thị Thùy	Linh	26-01-04	61115169	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3697	Trần Văn	Thái	08-09-04	61115170	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3698	Vũ Phương	Minh	03-08-04	61115171	7A	THCS Phú Đô	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3699	Bùi Phương	Anh	02-07-05	61115172	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3700	Bùi Quỳnh	Nga	01-05-05	61115173	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 4 (14h30-16h00)
3701	Bùi Thị Trà	My	13-07-05	61115174	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3702	Bùi Thu	Hằng	15-01-05	61115175	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3703	Cao Hà Diệu	Linh	21-12-05	61115176	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3704	Cao Hương Ánh	Ly	25-10-05	61115177	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3705	Đình Gia	Huy	22-02-05	61115178	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3706	Dương Thị Thanh	Hương	01-07-05	61115179	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3707	Gia Thanh	Mai	22-10-05	61115180	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3708	Lê Bích	Phương	01-07-05	61115181	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3709	Lê Hồng	Quyên	02-05-05	61115182	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3710	Lê Việt	Hải	13-06-05	61115183	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3711	Lưu Hoàng Thiên	Lam	02-07-05	61115184	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3712	Lưu Nam	Thắng	14-08-05	61115185	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3713	Nguyễn Anh	Đức	18-09-05	61115186	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3714	Nguyễn Anh	Tuấn	14-01-05	61115187	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3715	Nguyễn Bá	Nam	01-01-05	61115188	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3716	Nguyễn Đắc	Thực	01-05-05	61115189	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3717	Nguyễn Đăng Minh	Vũ	14-08-05	61115190	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3718	Nguyễn Đức	Nam	17-06-05	61115191	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3719	Nguyễn Hà	Chi	26-05-05	61115192	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3720	Nguyễn Hải	Hậu	08-05-05	61115193	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3721	Nguyễn Hạnh	Thu	27-01-05	61115194	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3722	Nguyễn Khắc	Son	29-10-05	61115195	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3723	Nguyễn Khắc Minh	Tiếp	16-07-05	61115196	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3724	Nguyễn Mai	Anh	02-07-05	61115197	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 4 (14h30-16h00)
3725	Nguyễn Minh	Anh	06-03-05	61115198	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3726	Nguyễn Minh	Hằng	28-03-05	61115199	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3727	Nguyễn Ngọc Hà	Anh	28-05-05	61115200	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3728	Nguyễn Quang	Huy	19-02-05	61115201	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3729	Nguyễn Sỹ	Thắng	02-07-05	61115202	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3730	Nguyễn Thanh	Huyền	11-09-05	61115203	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3731	Nguyễn Thị Kim	Ngân	03-02-05	61115204	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3732	Nguyễn Trung	Dũng	22-03-05	61115205	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3733	Nguyễn Tuấn	Hiếu	29-06-05	61115206	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3734	Nguyễn Vũ Ngọc	Việt	25-03-05	61115207	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3735	Phạm Hương	Giang	05-04-05	61115208	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3736	Phạm Minh	Thư	19-07-05	61115209	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3737	Phạm Thanh	Trà	28-10-05	61115210	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3738	Phạm Thu	Linh	04-05-05	61115211	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3739	Phạm Thủy	Tiên	24-01-05	61115212	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3740	Trần Diễm	Hằng	27-11-05	61115213	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3741	Vũ Lệ	Anh	11-04-05	61115214	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3742	Vũ Thùy	Linh	29-05-05	61115215	6A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3743	Đàm Văn	Việt	01-02-05	61115216	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3744	Đỗ Hào	Anh	01-05-05	61115217	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3745	Đỗ Ngọc	Anh	04-09-05	61115218	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3746	Đỗ Văn	Anh	15-04-05	61115219	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3747	Dương Minh	Phương	22-11-05	61115220	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3748	Hoàng Quang	Bách	10-01-05	61115221	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 4 (14h30-16h00)
3749	Hoàng Việt	Anh	23-10-05	61115222	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3750	Khúc Minh	Cường	04-02-05	61115223	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3751	Lê Quốc	Cường	20-10-05	61115224	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3752	Mai Đình	Hùng	01-04-05	61115225	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3753	Mai Thúy	Hạ	12-06-05	61115226	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3754	Mai Tùng	Lâm	04-05-05	61115227	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3755	Ngô Hải	Đăng	09-06-05	61115228	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3756	Ngô Thị Thu	Giang	14-11-05	61115229	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3757	Ngô Văn	Mười	17-03-05	61115230	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3758	Nguyễn Đắc	Tâm	22-04-05	61115231	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3759	Nguyễn Đức	Huy	10-09-05	61115232	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3760	Nguyễn Đức	Thịnh	14-08-05	61115233	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3761	Nguyễn Hiểu	Phương	27-01-05	61115234	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3762	Nguyễn Hữu	Đức	24-04-05	61115235	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3763	Nguyễn Hữu	Hưng	19-12-05	61115236	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3764	Nguyễn Huy	Khiêm	10-01-05	61115237	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3765	Nguyễn Khánh	Huyền	09-12-05	61115238	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3766	Nguyễn Lâm	Anh	12-04-05	61115239	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3767	Nguyễn Phương	Chi	07-12-05	61115240	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3768	Nguyễn Quang	Minh	17-09-05	61115241	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3769	Nguyễn Tấn	Thành	09-02-05	61115242	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3770	Nguyễn Thanh	Thủy	03-03-05	61115243	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3771	Nguyễn Thị	Hường	26-01-05	61115244	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3772	Nguyễn Thị Huyền	Trang	24-07-05	61115245	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 4 (14h30-16h00)
3773	Nguyễn Thị Minh	Châu	12-06-05	61115246	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3774	Nguyễn Thị Phương	Ly	06-05-05	61115247	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3775	Nguyễn Thị Thế	Anh	07-07-05	61115248	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3776	Nguyễn Thị Trà	My	25-09-05	61115249	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3777	Nguyễn Thị Vân	Yến	27-07-05	61115250	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3778	Nguyễn Thu	Hà	12-10-05	61115251	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3779	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	09-06-05	61115252	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3780	Nguyễn Viết	Phúc	09-02-05	61115253	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3781	Nguyễn Xuân	Lộc	19-06-05	61115254	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3782	Phạm Hoàng Nhật	Anh	30-10-05	61115255	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3783	Phí Thị Lan	Thảo	05-11-05	61115256	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3784	Trần Đức	Tâm	06-08-05	61115257	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3785	Trần Thảo	Nguyên	24-12-05	61115258	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3786	Trần Thị	Sáng	13-03-05	61115259	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3787	Vũ Thị Kim	Ngân	12-08-05	61115260	6B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3788	Bùi Việt	Huy	18-10-05	61115261	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3789	Bùi Vinh	Duy	18-01-05	61115262	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3790	Chu Nguyên	Chương	30-11-05	61115263	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3791	Chu Quý	Thành	12-06-05	61115264	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3792	Đặng Trà	My	20-07-05	61115265	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3793	Đào Thị Hồng	Ngọc	19-10-05	61115266	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3794	Đỗ Minh	Quân	16-06-05	61115267	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3795	Đồng Hải	Phong	08-04-04	61115268	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3796	Dương Đức	Ngọc	23-08-05	61115269	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 4 (14h30-16h00)
3797	Dương Hồng	Nhung	28-09-05	61115270	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3798	Hoàng Tuyền	Bách	15-11-05	61115271	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3799	Lê Thị Huyền	Trang	10-01-05	61115272	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3800	Lương Tuấn	Khôi	09-01-05	61115273	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3801	Mai Đình	Nghĩa	03-02-05	61115274	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3802	Mai Tâm	Như	09-11-05	61115275	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3803	Nguyễn Ngọc	Ánh	09-07-05	61115276	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3804	Nguyễn Đắc	Cường	30-08-05	61115277	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3805	Nguyễn Đắc	Hoàng	13-10-05	61115278	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3806	Nguyễn Diệu	An	09-01-05	61115279	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3807	Nguyễn Đức	Đạt	21-10-05	61115280	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3808	Nguyễn Duy	Hà		61115281	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3809	Nguyễn Hữu	Tiến	02-06-04	61115282	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3810	Nguyễn Hữu Minh	Đức	29-10-05	61115283	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3811	Nguyễn Mạnh	Huy	16-01-05	61115284	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3812	Nguyễn Minh	Hạnh	09-08-05	61115285	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3813	Nguyễn Minh	Hoàng	08-08-05	61115286	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3814	Nguyễn Minh	Trang	02-09-05	61115287	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3815	Nguyễn Ngọc	Ánh	18-10-05	61115288	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3816	Nguyễn Như	Quỳnh	13-10-05	61115289	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3817	Nguyễn Sỹ	Đạt		61115290	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3818	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19-02-05	61115291	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3819	Nguyễn Thị Trang	Nhung	30-11-05	61115292	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3820	Nguyễn Thùy	Linh	31-08-05	61115293	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 4 (14h30-16h00)
3821	Nguyễn Trọng	An	09-03-05	61115294	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3822	Nguyễn Viết	Đức	21-12-05	61115295	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3823	Nguyễn Viết	Hà	25-09-05	61115296	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3824	Phạm Huy	Thắng	09-02-05	61115297	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3825	Trần Quang	Anh	24-11-05	61115298	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3826	Trần Quang	Dũng	17-10-05	61115299	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3827	Trần Quang	Duy	26-07-05	61115300	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3828	Trịnh Phúc	Son	05-11-05	61115301	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3829	Vũ Minh	Phương	17-04-05	61115302	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3830	Vũ Phương	Minh	17-06-05	61115303	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3831	Vũ Thị Thùy	Linh	26-04-05	61115304	6C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3832	Bùi Minh	Hà		61115305	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3833	Bùi Quang	Anh	17-03-05	61115306	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3834	Đặng Đình	Huy	04-08-05	61115307	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3835	Đặng Thùy	Loan	12-10-05	61115308	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3836	Đào Ngọc	Duy	01-02-05	61115309	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3837	Đào Ngọc	Dương	01-02-05	61115310	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3838	Đỗ Anh	Duy	14-12-05	61115311	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3839	Hà Phương	Ly	12-02-05	61115312	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3840	Hoàng Thành	Đạt	10-04-04	61115313	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3841	Lê Văn	Tùng	13-10-05	61115314	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3842	Ngô Phương	Thảo	05-05-05	61115315	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3843	Nguyễn Đắc	Quang	15-06-05	61115316	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3844	Nguyễn Diệu	Tú	09-12-05	61115317	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 4 (14h30-16h00)
3845	Nguyễn Đức	Anh	10-08-05	61115318	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3846	Nguyễn Đức	Hải	26-07-05	61115319	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3847	Nguyễn Giang Sơn	Hà	19-10-05	61115320	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3848	Nguyễn Hà	My	27-07-05	61115321	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3849	Nguyễn Hữu	Hung	14-07-05	61115322	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3850	Nguyễn Ngọc	Hân	30-04-05	61115323	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3851	Nguyễn Ngọc	Huyền	30-04-05	61115324	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3852	Nguyễn Thế	Anh	26-12-05	61115325	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3853	Nguyễn Thế	Hiếu	02-03-02	61115326	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3854	Nguyễn Thế	Huy	12-12-05	61115327	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3855	Nguyễn Thế	Trung	22-05-04	61115328	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3856	Nguyễn Thị Ánh	Thương	18-07-05	61115329	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3857	Nguyễn Thị Minh	Thư	24-12-05	61115330	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3858	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	09-02-05	61115331	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3859	Nguyễn Thị Thùy	Dương	24-05-05	61115332	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3860	Nguyễn Thu	Uyên	11-01-05	61115333	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3861	Nguyễn Tiến	Bắc	12-05-05	61115334	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3862	Nguyễn Tiến	Đức	06-02-05	61115335	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3863	Nguyễn Tuấn	Phong	25-12-05	61115336	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3864	Nguyễn Văn	Bắc	13-08-05	61115337	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3865	Nguyễn Văn	Hiền	01-03-03	61115338	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3866	Phạm Hoàng	Hà	27-06-05	61115339	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3867	Phạm Hương	Giang	26-12-05	61115340	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3868	Phạm Quốc	Việt	17-10-05	61115341	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 4 (14h30-16h00)
3869	Phạm Thị Minh	Ánh	22-03-05	61115342	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3870	Phạm Thị Minh	Ngọc	07-01-05	61115343	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3871	Phạm Xuân	Quảng	05-02-05	61115344	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3872	Phùng Kiều	Mai	21-10-05	61115345	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3873	Trần Phương	Tâm	18-02-05	61115346	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3874	Trần Thị Ngọc	Nhi	25-05-05	61115347	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3875	Trần Xuân	Bắc	20-11-05	61115348	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3876	Vũ Đăng	Kiệt	11-09-05	61115349	6D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3877	Bùi Đình	Hải		61115350	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3878	Bùi Minh	Quang	28-02-05	61115351	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3879	Bùi Ngọc	Linh	08-02-05	61115352	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3880	Đàm Thế	Vĩnh	26-02-05	61115353	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3881	Đàm Thị Thanh	Huyền	26-02-05	61115354	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3882	Đỗ Minh	Quân	24-01-05	61115355	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3883	Đỗ Thanh	Thảo	27-08-05	61115356	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3884	Dương Đức	Dũng	05-05-05	61115357	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3885	Hà Minh	Ánh	27-06-05	61115358	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3886	Hoàng Khánh	Linh	28-07-05	61115359	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3887	Khúc Mai	Chi	13-05-05	61115360	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3888	Nguyễn Đắc	Phong	15-09-05	61115361	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3889	Nguyễn Đắc Hoàng	Nam	20-05-05	61115362	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3890	Nguyễn Ngọc	Anh	13-07-05	61115363	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3891	Nguyễn Như	Thái	30-06-05	61115364	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3892	Nguyễn Quang	Thành	10-04-04	61115365	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 4 (14h30-16h00)
3893	Nguyễn Quỳnh	Anh	31-01-05	61115366	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3894	Nguyễn Thái	Son	04-12-05	61115367	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3895	Nguyễn Thành	Đạt	21-05-05	61115368	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3896	Nguyễn Thành	Đạt	25-10-05	61115369	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3897	Nguyễn Thế	Mạnh	14-09-05	61115370	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3898	Nguyễn Thị Minh	Anh	18-12-05	61115371	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3899	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	26-08-05	61115372	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3900	Nguyễn Thị Phương	Anh	10-02-05	61115373	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3901	Nguyễn Thị Phương	Hoa	10-05-05	61115374	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3902	Nguyễn Thúy	Hằng	10-09-05	61115375	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3903	Nguyễn Thùy	Linh	21-04-05	61115376	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3904	Nguyễn Tiến	Đạt	15-10-05	61115377	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3905	Nguyễn Trọng	Phán	20-09-05	61115378	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3906	Nguyễn Trọng Minh	Quân	17-08-05	61115379	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3907	Nguyễn Tuấn	Hùng	28-08-05	61115380	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3908	Nguyễn Tùng	Dương	18-01-05	61115381	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3909	Nguyễn Viết	Hùng	22-12-05	61115382	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3910	Nguyễn Vinh	Toàn	10-01-05	61115383	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3911	Nguyễn Xuân	Đức	07-08-05	61115384	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3912	Phạm Hải	Phong	09-01-05	61115385	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3913	Phạm Thị Hồng	Vân	11-02-05	61115386	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3914	Phạm Xuân	Trường	04-02-05	61115387	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3915	Tạ Minh	Quân	10-05-04	61115388	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3916	Trần Ngọc	Quang	08-02-05	61115389	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 4 (14h30-16h00)
3917	Trần Quang	Hiếu	19-05-05	61115390	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3918	Trần Thị Lan	Phương	07-04-05	61115391	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3919	Trần Thu	Trà	14-05-05	61115392	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3920	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	12-09-05	61115393	6E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3921	Bùi Trung	Hiếu		61115394	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3922	Cao Yến	Nhi		61115395	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3923	Đặng Thanh	An	08-08-04	61115396	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3924	Đỗ Phương	Thảo		61115397	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3925	Hoàng Quốc	Tiến	10-06-04	61115398	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3926	Hoàng Văn	Việt	07-04-04	61115399	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3927	Lại Minh	Thắng	31-05-04	61115400	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3928	Lại Thanh	Hương	01-03-04	61115401	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3929	Lê Quỳnh	Chi		61115402	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3930	Lê Thị Thu	Trà		61115403	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3931	Nguyễn Bảo	Châu		61115404	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3932	Nguyễn Hiếu	Ly		61115405	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3933	Nguyễn Hoài	Thu	22-07-04	61115406	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3934	Nguyễn Hồng	Ánh		61115407	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3935	Nguyễn Hữu	Duy		61115408	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3936	Nguyễn Huy	Hoàng	21-11-04	61115409	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3937	Nguyễn Ngọc	Ánh		61115410	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3938	Nguyễn Ngọc	Diệp	18-02-04	61115411	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3939	Nguyễn Như	Quỳnh		61115412	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3940	Nguyễn Phương	Linh	12-10-04	61115413	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 41	Ca 4 (14h30-16h00)
3941	Nguyễn Thị Hương	Giang	10-02-04	61115414	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3942	Nguyễn Thị Minh	Anh		61115415	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3943	Nguyễn Tiến	Đức	02-11-04	61115416	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3944	Nguyễn Văn	Bách		61115417	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3945	Phạm Hà	My	06-08-04	61115418	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3946	Phạm Thu	Trang		61115419	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3947	Trần Mạnh	Hùng		61115420	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3948	Trần Thu	Trang		61115421	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3949	Trần Tuấn	Thành		61115422	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3950	Võ Thị Ngọc	Mai		61115423	7A	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3951	Bùi Quốc	Hiếu	02-05-04	61115424	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3952	Đặng Anh	Tú	06-09-04	61115425	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3953	Dương Đức	Tú	07-07-04	61115426	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3954	Hoàng Thành	Đạt	22-06-04	61115427	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3955	Hoàng Văn	Đức	25-04-04	61115428	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3956	Lê Bá	Bình	26-09-04	61115429	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 42	Ca 4 (14h30-16h00)
3957	Lê Quỳnh	Anh	15-11-04	61115430	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3958	Mai Anh	Nhi	15-03-04	61115431	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3959	Nguyễn Anh	Tài	23-10-04	61115432	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3960	Nguyễn Bích	Ngọc	13-09-04	61115433	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3961	Nguyễn Hữu	Trung	31-08-04	61115434	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3962	Nguyễn Lê	My	05-01-04	61115435	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3963	Nguyễn Minh	Ngân	24-03-04	61115436	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3964	Nguyễn Ngọc	Ánh	11-04-04	61115437	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3965	Nguyễn Phương	Quỳnh	15-06-04	61115438	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3966	Nguyễn Quốc	Huy	07-11-04	61115439	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3967	Nguyễn Thanh	Hải	01-01-04	61115440	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3968	Nguyễn Thảo	Quyên	30-10-04	61115441	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3969	Nguyễn Thị Hà	My	12-04-04	61115442	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3970	Nguyễn Thị Phương	Yến	24-09-04	61115443	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3971	Nguyễn Thị Trà	My	12-01-04	61115444	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3972	Nguyễn Thùy	Anh	01-09-04	61115445	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3973	Nguyễn Tiến	Phong	19-03-04	61115446	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3974	Nguyễn Tiến	Trung	19-03-04	61115447	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3975	Phạm Hồng	Phong	24-09-04	61115448	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3976	Phạm Ngọc	Huyền	29-07-04	61115449	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3977	Phạm Thị	Quỳnh	27-08-04	61115450	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3978	Phạm Văn	Huy	14-04-04	61115451	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3979	Phùng Thị Hà	Châu	03-11-04	61115452	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3980	Trần Gia	Thế	09-01-04	61115453	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 1	Ca 5 (16h30-18h)
3981	Trần Thúy	Quỳnh	10-05-04	61115454	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3982	Trần Thùy Ngân	Anh	28-07-04	61115455	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3983	Trần Tuấn	Khanh	01-11-04	61115456	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3984	Vũ Thị	Luận	07-07-04	61115457	7B	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3985	Bùi Ngọc	Hậu	11-01-04	61115458	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3986	Bùi Ngọc	Phúc		61115459	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3987	Bùi Vũ Quỳnh	Lam		61115460	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3988	Cần Đức	Tú		61115461	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3989	Cần Vỹ	Lâm		61115462	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3990	Đàm Quang	Hiếu		61115463	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3991	Đặng Văn	Thắng		61115464	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3992	Đỗ Thị Thu	Minh	12-07-04	61115465	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3993	Đồng Quang	Huy	21-12-04	61115466	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3994	Dương Đức	Kiên		61115467	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3995	Hoàng Quỳnh	Trang	12-09-04	61115468	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3996	Lê Ngọc	Mai	02-02-04	61115469	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3997	Lê Phương	Anh		61115470	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
3998	Lê Tiến	Đạt		61115471	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
3999	Mai Đức	Tú	06-11-04	61115472	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
4000	Nguyễn Bá	Phát	02-05-04	61115473	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
4001	Nguyễn Chí	Quang	12-03-04	61115474	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
4002	Nguyễn Đức	Anh		61115475	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
4003	Nguyễn Duy	Anh	08-12-04	61115476	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
4004	Nguyễn Duy	Khánh		61115477	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 2	Ca 5 (16h30-18h)
4005	Nguyễn Khánh	Linh		61115478	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4006	Nguyễn Khôi	Nguyễn		61115479	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4007	Nguyễn Minh	Thuận	07-12-04	61115480	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4008	Nguyễn Ngọc	Ánh	03-02-04	61115481	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4009	Nguyễn Ngọc	Linh	09-09-04	61115482	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4010	Nguyễn Ngọc	Long		61115483	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4011	Nguyễn Như	Hương	01-01-04	61115484	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4012	Nguyễn Phương	Hằng	02-11-04	61115485	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4013	Nguyễn Thanh	Huyền	08-09-04	61115486	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4014	Nguyễn Thị Vân	Anh		61115487	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4015	Nguyễn Văn	Khánh	26-08-04	61115488	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4016	Nguyễn Văn	Việt		61115489	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4017	Nguyễn Viết Đức	Vinh	03-10-04	61115490	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4018	Nguyễn Xuân	Hào		61115491	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4019	Nguyễn Xuân	Kiên	20-01-04	61115492	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4020	Trịnh Thu	Trang		61115493	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4021	Vũ Đức	Mạnh		61115494	7C	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4022	Bùi Doãn	Quân	04-04-04	61115495	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4023	Đặng Khánh	Vân	03-08-03	61115496	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4024	Dương Xuân	An	19-08-04	61115497	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4025	Lê Danh	Tiến		61115498	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4026	Nguyễn Đình Minh	Trần		61115499	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4027	Nguyễn Đức	Phi	02-12-04	61115500	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4028	Nguyễn Duy	Dũng	01-04-04	61115501	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 3	Ca 5 (16h30-18h)
4029	Nguyễn Hà	My	29-06-04	61115502	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4030	Nguyễn Hải	Yến		61115503	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4031	Nguyễn Hoàng	My		61115504	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4032	Nguyễn Hữu Minh	Kiên	10-04-04	61115505	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4033	Nguyễn Minh	Nguyệt		61115506	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4034	Nguyễn Nam	Hải	18-08-04	61115507	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4035	Nguyễn Ngọc	Phúc		61115508	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4036	Nguyễn Phương	Thảo	15-09-04	61115509	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4037	Nguyễn Thị Xuân	Mai	06-03-04	61115510	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4038	Nguyễn Thọ	Tuấn	27-08-04	61115511	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4039	Nguyễn Thu	Minh		61115512	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4040	Nguyễn Thúy	Nga		61115513	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4041	Nguyễn Toàn	Tuân	29-12-02	61115514	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4042	Nguyễn Trà	My		61115515	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4043	Nguyễn Văn	Dũng	08-07-03	61115516	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4044	Nguyễn Văn	Trường		61115517	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4045	Nguyễn Việt	Minh	01-03-04	61115518	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4046	Nguyễn Xuân	Vĩ		61115519	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4047	Phạm Đình Mạnh	Quân		61115520	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4048	Phạm Thu	Phương	06-08-04	61115521	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4049	Phạm Tuấn	Anh	07-12-03	61115522	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4050	Phùng Thái	Son	03-10-04	61115523	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4051	Phương Thị Huyền	Trang	11-06-04	61115524	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4052	Trần Xuân	Trường	19-03-04	61115525	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 4	Ca 5 (16h30-18h)
4053	Vũ Đình	Thiên		61115526	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4054	Vũ Thị	Phượng	06-01-04	61115527	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4055	Vũ Việt	Tùng		61115528	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4056	Vương Thị Minh	Tâm	11-05-04	61115529	7D	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4057	Cao Hải	Đăng	06-09-04	61115530	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4058	Khúc Thu	Giang		61115531	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4059	Khuông Lâm Kiều	Linh	10-10-04	61115532	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4060	Ngô Vinh	Hung	11-06-04	61115533	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4061	Nguyễn Bá	Đạt	03-04-04	61115534	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4062	Nguyễn Bá	Hoàn	25-02-04	61115535	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4063	Nguyễn Bá	Hoàng	05-03-04	61115536	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4064	Nguyễn Bảo	Long	05-04-04	61115537	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4065	Nguyễn Diệu	Linh	08-05-04	61115538	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4066	Nguyễn Đức	Hiệp		61115539	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4067	Nguyễn Duy	Thanh	26-06-01	61115540	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4068	Nguyễn Khánh	Ngọc	11-10-04	61115541	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4069	Nguyễn Ngọc	Anh	09-12-04	61115542	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4070	Nguyễn Phương	Anh	05-10-04	61115543	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4071	Nguyễn Phương	Chi	15-11-04	61115544	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4072	Nguyễn Thị	Hạnh		61115545	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4073	Nguyễn Thu	Hương	30-08-04	61115546	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4074	Nguyễn Thùy	Dương	30-08-04	61115547	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4075	Nguyễn Tiến	Diệp		61115548	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4076	Nguyễn Tuấn	Anh		61115549	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 5	Ca 5 (16h30-18h)
4077	Nguyễn Văn	Hiếu	09-01-03	61115550	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4078	Nguyễn Văn	Thành	01-03-04	61115551	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4079	Phạm Linh	Giang	02-03-03	61115552	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4080	Phí Bùi Trọng	Hào		61115553	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4081	Phí Vinh	Đạt	08-06-04	61115554	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4082	Tạ Minh	Anh	12-10-04	61115555	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4083	Trần Hoài	Linh		61115556	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4084	Trần Minh	Hiếu	11-12-04	61115557	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4085	Trần Ngọc	Xuân	11-02-02	61115558	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4086	Trần Quang	Khoa		61115559	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4087	Trần Thị Cẩm	Nhung	10-07-04	61115560	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4088	Trần Thị Ngọc	Ánh	10-03-04	61115561	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4089	Trần Thu	Hường		61115562	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4090	Vũ Tuấn	Anh	12-09-04	61115563	7E	THCS Phương Canh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4091	Đàm Yên	Nhi	03-09-05	61115564	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4092	Đào Đức	Anh	14-04-05	61115565	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4093	Đào Việt	Anh	14-04-05	61115566	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4094	Đinh Trung	Hiếu	07-09-05	61115567	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4095	Đỗ Đức	Minh	07-07-05	61115568	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4096	Đỗ Minh	Hiền	22-08-05	61115569	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4097	Đỗ Nguyên	Phương	04-05-05	61115570	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4098	Đỗ Quốc	Hiệp	11-04-05	61115571	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4099	Đỗ Thị Phương	Linh	26-07-05	61115572	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4100	Đỗ Văn	Đạt	01-02-05	61115573	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 6	Ca 5 (16h30-18h)
4101	Hà Bảo	Ngọc	16-05-05	61115574	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4102	Hồ Khánh Linh	10-03-05	61115575	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4103	Hồ Mỹ Hạnh	23-11-05	61115576	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4104	Hoàng Ngọc Hà	31-12-04	61115577	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4105	Lê Nhật Minh	31-08-05	61115578	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4106	Lê Thị Hiền Trang	18-08-05	61115579	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4107	Lưu Minh Đức	11-01-05	61115580	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4108	Ng Minh Anh	19-10-05	61115581	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4109	Ngô Gia Linh	04-06-05	61115582	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4110	Nguyễn Bảo Ngọc	19-01-05	61115583	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4111	Nguyễn Công Huy	26-07-05	61115584	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4112	Nguyễn Hà Phương	15-06-05	61115585	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4113	Nguyễn Hà Kiều Anh	05-05-05	61115586	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4114	Nguyễn Huy Vũ	02-10-05	61115587	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4115	Nguyễn Huyền Trang	12-01-05	61115588	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4116	Nguyễn Khánh Linh	21-11-05	61115589	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4117	Nguyễn Kiều Ngân	07-01-05	61115590	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4118	Nguyễn Mạnh Đại	07-05-05	61115591	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4119	Nguyễn Ngọc Ánh	19-01-05	61115592	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4120	Nguyễn Ngọc Diệp	25-02-05	61115593	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4121	Nguyễn Ngọc Linh	01-10-05	61115594	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4122	Nguyễn Ngọc Quỳnh Chi	22-11-05	61115595	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4123	Nguyễn Nhật Bằng	14-06-05	61115596	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4124	Nguyễn Phú Nguyên	10-02-05	61115597	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 7	Ca 5 (16h30-18h)
4125	Nguyễn Phương Thảo	20-01-05	61115598	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4126	Nguyễn Quang Minh	08-05-05	61115599	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4127	Nguyễn Quý Đạt	20-12-05	61115600	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4128	Nguyễn Tài Tiến	Đạt	26-03-05	61115601	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4129	Nguyễn Thái Thu	Vân	07-11-05	61115602	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4130	Nguyễn Thanh	Nhàn	09-06-05	61115603	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4131	Nguyễn Thành	Công	18-09-05	61115604	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4132	Nguyễn Thị Bảo	Lâm	22-06-05	61115605	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4133	Nguyễn Thị Huyền	Trang	27-10-05	61115606	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4134	Nguyễn Thị Thu	Trang	18-08-05	61115607	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4135	Phạm Hoàng Khánh	Ngọc	20-01-05	61115608	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4136	Phan Khánh	Hoài	27-11-05	61115609	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4137	Phùng Đức	Phúc	03-09-05	61115610	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4138	Tạ Hoàng Quang	Anh	04-12-05	61115611	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4139	Trần Bích	Ngọc	11-06-05	61115612	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4140	Trần Đỗ Lan	Phương	08-10-05	61115613	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4141	Trần Duy	Thành	28-09-05	61115614	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4142	Trần Minh	Ngọc	20-02-05	61115615	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4143	Trần Ngân	Hà	04-08-05	61115616	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4144	Vũ Minh	Trang	22-11-05	61115617	6A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4145	Bùi Gia	Bảo	28-07-05	61115618	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4146	Bùi Thu	Hương	08-01-05	61115619	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4147	Đào Ngọc	Minh	16-02-05	61115620	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4148	Đình Thu	Giang	24-06-05	61115621	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 8	Ca 5 (16h30-18h)
4149	Đỗ Hải	Yến	21-08-05	61115622	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4150	Đỗ Hòa	Linh	27-10-05	61115623	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4151	Đỗ Huyền	Linh	27-10-05	61115624	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4152	Đỗ Phương	Thủy	02-09-05	61115625	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4153	Đỗ Tấn	Dũng	19-06-05	61115626	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4154	Đỗ Thành	Long	21-05-05	61115627	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4155	Đỗ Thị Huyền	Trang	26-06-05	61115628	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4156	Đoàn Thị Thảo	Phương	20-02-05	61115629	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4157	Đoàn Vi Hải	Đăng	19-09-05	61115630	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4158	Hoàng Linh	Chi	01-11-05	61115631	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4159	Hoàng Minh	Tuấn	07-08-05	61115632	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4160	Lê Anh	Đức	04-08-05	61115633	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4161	Lê Quốc	Trung	27-06-05	61115634	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4162	Lương Tấn	Dũng	19-10-05	61115635	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4163	Nghiêm Xuân	Nam	30-07-05	61115636	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4164	Nghiêm Xuân Hoàng	Tùng	22-06-05	61115637	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4165	Nguyễn Khánh	Linh	15-12-05	61115638	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4166	Nguyễn Lâm	Duy	12-06-05	61115639	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4167	Nguyễn Mạnh	Cường	11-07-05	61115640	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4168	Nguyễn Ngọc	Khánh	27-01-05	61115641	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4169	Nguyễn Ngọc	Linh	17-11-05	61115642	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4170	Nguyễn Phương	Anh	16-03-05	61115643	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4171	Nguyễn Phương	Linh	26-04-05	61115644	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4172	Nguyễn Phương	Trang	16-12-05	61115645	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 9	Ca 5 (16h30-18h)
4173	Nguyễn Thành	An	16-08-05	61115646	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4174	Nguyễn Thị Hải	Anh	09-02-05	61115647	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4175	Nguyễn Thị Quy	Hoà	23-04-05	61115648	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4176	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	20-12-05	61115649	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4177	Nguyễn Thị Thu	Hà	26-12-05	61115650	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4178	Nguyễn Thị Thùy	Giang	11-10-05	61115651	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4179	Nguyễn Thiên	Tường	12-10-05	61115652	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4180	Phạm Đỗ Hoàng	Nam	29-11-05	61115653	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4181	Phạm Minh	Hiếu	24-09-05	61115654	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4182	Tô Tôn	Như	04-11-05	61115655	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4183	Tổng Khánh	Linh	09-03-05	61115656	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4184	Trần Bảo	An	19-09-05	61115657	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4185	Trần Đăng	Quang	06-07-05	61115658	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4186	Trần Gia	long	13-08-05	61115659	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4187	Trần Minh	Đức	28-11-05	61115660	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4188	Trần Minh	Thư	09-05-05	61115661	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4189	Trần Thái	Son	26-08-05	61115662	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4190	Trần Thị	Hương	12-07-05	61115663	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4191	Trần Thị Ngọc	Minh	06-01-05	61115664	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4192	Trương Đỗ Kỳ	Anh	09-11-05	61115665	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4193	Vũ Đức	Anh	21-07-05	61115666	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4194	Vũ Ngọc	Linh	17-10-05	61115667	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4195	Vũ Thu	Trang	27-08-05	61115668	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4196	Vương Thị Thanh	Hà	27-05-05	61115669	6A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 10	Ca 5 (16h30-18h)
4197	Bùi Hữu	Duy	18-07-05	61115670	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4198	Đỗ Anh	Thắng	06-10-05	61115671	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4199	Đỗ Hồng	Quân	08-10-05	61115672	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4200	Đỗ Lan	Anh	07-01-05	61115673	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4201	Đỗ Minh	Anh	12-04-05	61115674	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4202	Đỗ Ngọc	Nam	20-08-05	61115675	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4203	Đỗ Phương	Thảo	01-09-05	61115676	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4204	Đoàn Giang	Nam	08-03-05	61115677	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4205	Đoàn Văn	Khánh	01-09-05	61115678	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4206	Hoàng Minh	Anh	05-03-05	61115679	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4207	Lê Thu	Hường	08-05-05	61115680	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4208	Nghiêm Bá Trí	Cường	13-08-05	61115681	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4209	Nghiêm Nam	Khánh	20-12-05	61115682	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4210	Nghiêm Nữuân	Nam	13-01-05	61115683	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4211	Ngô Duy	Thịnh	22-03-05	61115684	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4212	Nguyễn Anh	Vũ	20-11-05	61115685	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4213	Nguyễn Chí	Công	09-08-05	61115686	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4214	Nguyễn Đức	Anh	17-08-05	61115687	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4215	Nguyễn Đức	Nam	09-06-05	61115688	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4216	Nguyễn Hoài	Thu	02-11-05	61115689	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4217	Nguyễn Hữu	Thành	18-06-05	61115690	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4218	Nguyễn Hữu Đức	Anh	27-12-05	61115691	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4219	Nguyễn Minh	Hiếu	12-10-05	61115692	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4220	Nguyễn Phú	Hung	18-09-05	61115693	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 11	Ca 5 (16h30-18h)
4221	Nguyễn Phú Quang	Hung	07-04-05	61115694	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4222	Nguyễn Quang	Hiếu	02-12-05	61115695	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4223	Nguyễn Quốc	Tùng	01-07-05	61115696	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4224	Nguyễn Quỳnh	Trang	22-02-05	61115697	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4225	Nguyễn Thanh	Trúc	17-10-05	61115698	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4226	Nguyễn Trung	Hiếu	17-09-05	61115699	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4227	Nguyễn Trường	Duy	27-06-05	61115700	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4228	Nguyễn Tuấn	Anh	04-05-05	61115701	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4229	Nguyễn Tùng	Dương	29-09-05	61115702	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4230	Nguyễn Văn	Đạt	24-08-05	61115703	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4231	Nguyễn Văn	Hoành	10-12-05	61115704	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4232	Nguyễn Vũ Ngọc	Linh	23-10-05	61115705	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4233	Phạm Đức	Anh	01-08-05	61115706	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4234	Phạm Đức	Dũng	08-06-05	61115707	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4235	Phạm Huyền	Trang	29-01-05	61115708	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4236	Phạm Minh	Tiến	19-03-05	61115709	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4237	Phan Hà	Phương	19-06-05	61115710	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4238	Phan Minh	Ngọc	23-01-05	61115711	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4239	Trần Ngọc Thanh	Minh	14-01-05	61115712	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4240	Trần Thị Hải	Yến	10-10-05	61115713	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4241	Trần Thị Phương	Chi	09-10-05	61115714	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4242	Trần Thuỳ	Trang	21-04-05	61115715	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4243	Trần Tùng	Giang	12-08-05	61115716	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4244	Trịnh Ngọc	Linh	07-09-05	61115717	6A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 12	Ca 5 (16h30-18h)
4245	Bùi Đức	Kiên	17-12-05	61115718	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4246	Bùi Kiên	Chung	09-05-05	61115719	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4247	Bùi lê Quang	Ninh	29-04-05	61115720	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4248	Đỗ Anh	Quân	25-08-05	61115721	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4249	Đỗ Đăng	Kiên	15-01-05	61115722	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4250	Đỗ Hoàng	Nam	01-11-05	61115723	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4251	Đỗ Quang	Long	30-10-05	61115724	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4252	Đỗ Quỳnh	Hương	19-10-05	61115725	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4253	Đỗ Tiến	Lợi	29-12-05	61115726	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4254	Đỗ Tiến	Minh	02-01-05	61115727	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4255	Đỗ Tùng	Dương	22-02-05	61115728	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4256	Hoàng Sĩ Tiến	Hòa	29-04-04	61115729	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4257	Hoàng Trọng	Thành	05-02-05	61115730	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4258	Lê Anh	Thư	28-12-05	61115731	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4259	Lê Minh	Trí	17-06-05	61115732	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4260	Lê Phương	Uyên	18-05-05	61115733	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4261	Lê Quốc	Huy	06-10-05	61115734	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4262	Lưu Đức	Tuấn	24-01-05	61115735	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4263	Nghiêm Đức	Anh	06-12-05	61115736	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4264	Nghiêm Hồng	Nhung	22-07-05	61115737	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4265	Nguyễn Bảo	Ngọc	27-06-05	61115738	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4266	Nguyễn Đình	Duy	01-08-05	61115739	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4267	Nguyễn Đức	Hùng	30-05-05	61115740	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4268	Nguyễn Duy	Anh	09-06-05	61115741	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 13	Ca 5 (16h30-18h)
4269	Nguyễn Hữu	Chiến	02-05-05	61115742	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4270	Nguyễn Nam	Dương	20-11-05	61115743	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4271	Nguyễn Ngọc Thanh	Cầm	04-11-05	61115744	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4272	Nguyễn Thị	Hương	09-05-05	61115745	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4273	Nguyễn Thị Huyền	Thương	16-07-05	61115746	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4274	Nguyễn Thị Kim	Chi	30-04-05	61115747	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4275	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	15-01-05	61115748	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4276	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	16-07-05	61115749	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4277	Nguyễn Trường	Giang	09-06-05	61115750	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4278	Nguyễn Văn	Bảo	28-07-05	61115751	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4279	Nguyễn Việt	Phúc	27-10-04	61115752	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4280	Phạm Hải	Nam	27-09-05	61115753	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4281	Phan Cẩm Tú	Anh	16-06-05	61115754	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4282	Phùng Minh	Quang	17-04-05	61115755	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4283	Trần Diệu	Hà	25-02-05	61115756	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4284	Trần Duy Anh	08-08-05	61115757	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4285	Trần Thị Hồng Ánh	02-11-05	61115758	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4286	Trần Thị Mĩ Hoa	01-11-05	61115759	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4287	Trần Thị Minh Ánh	24-11-05	61115760	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4288	Trịnh Thu Hà	16-07-05	61115761	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4289	Vũ Bảo Ngọc	29-09-05	61115762	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4290	Vũ Thị Diệu Huyền	03-10-05	61115763	6A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4291	Bùi quỳnh Hương	30-05-05	61115764	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4292	Bùi Tuấn Minh	23-09-05	61115765	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 14	Ca 5 (16h30-18h)
4293	Đàm Thảo Nguyên	08-01-05	61115766	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4294	Đỗ Hoàng Dương	31-08-05	61115767	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4295	Đỗ Trọng Thắng	02-06-05	61115768	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4296	Dương Thành Đạt	23-01-05	61115769	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4297	Hà Thị Vân Anh	18-11-05	61115770	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4298	Hoàng Thanh Hiếu	23-12-05	61115771	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4299	Hoàng Thành Đạt	15-09-05	61115772	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4300	Hoàng Thúy Uyên	01-01-05	61115773	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4301	Lê Đức Hùng	17-05-05	61115774	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4302	Lê Thị Thanh Mai	05-10-05	61115775	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4303	Lương Khánh Linh	15-01-05	61115776	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4304	Mai Diệu Linh	04-10-05	61115777	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4305	Mai Thùy Dương	20-09-05	61115778	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4306	Nghiêm Bá Tuấn Anh	09-01-05	61115779	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4307	Nghiêm Thị Hương Trà	10-10-05	61115780	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4308	Nghiêm Thị Thu Trang	24-09-05	61115781	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4309	Nghiêm Xuân Hạnh Thảo	12-10-05	61115782	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4310	Nguyễn Anh Quang	Huy	15-09-05	61115783	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4311	Nguyễn Hà	Dương	05-10-05	61115784	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4312	Nguyễn Hà	My	25-09-05	61115785	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4313	Nguyễn Hà	My	24-10-05	61115786	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4314	Nguyễn Hải	Yến	13-07-05	61115787	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4315	Nguyễn Hữu	Khiêm	28-11-05	61115788	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4316	Nguyễn Khánh	Linh	25-03-05	61115789	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 15	Ca 5 (16h30-18h)
4317	Nguyễn Ngọc	Linh	06-10-05	61115790	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4318	Nguyễn Ngọc	Linh	12-10-05	61115791	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4319	Nguyễn Nhật	Minh	04-05-05	61115792	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4320	Nguyễn Phú	Huy	20-03-05	61115793	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4321	Nguyễn Phương	Đông	16-05-05	61115794	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4322	Nguyễn Phương	Thảo	28-11-05	61115795	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4323	Nguyễn Quang	Hiếu	19-01-05	61115796	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4324	Nguyễn Thị Hải	Yến	09-02-05	61115797	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4325	Nguyễn Thị Thảo	nhi	03-10-05	61115798	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4326	Nguyễn Trần Quỳnh	Chi	08-12-05	61115799	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4327	Nguyễn Văn	Hậu	12-02-05	61115800	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4328	Nguyễn Việt	Anh	03-05-05	61115801	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4329	Phạm Mai	Hương	04-08-05	61115802	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4330	Phạm Tiến	Dũng	12-07-05	61115803	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4331	Phí Phương	Chi	17-11-05	61115804	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4332	Phùng Khánh	Ly	05-04-05	61115805	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4333	Trần Bích	Thủy	24-01-05	61115806	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4334	Trần Đại	An	07-10-05	61115807	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4335	Trần Đăng	Huy	06-12-05	61115808	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4336	Trần Đăng	Thực	28-01-05	61115809	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4337	Trần Hào	Anh	19-11-05	61115810	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4338	Trần Thị Phương	Thúy	07-03-05	61115811	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4339	Trần Thị Quỳnh	Trang	25-06-05	61115812	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4340	Trần Thị Thu	Thảo	08-06-05	61115813	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 16	Ca 5 (16h30-18h)
4341	Vũ Đăng Bình	Minh	19-03-05	61115814	6A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4342	Bùi Phương	Anh	12-02-04	61115815	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4343	Bùi Thanh	Ba	06-09-04	61115816	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4344	Bùi Thu	Phương	10-09-04	61115817	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4345	Đỗ Khánh	Linh	13-08-04	61115818	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4346	Đỗ Quốc	Trường	03-02-04	61115819	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4347	Lê Hương	Linh	02-12-04	61115820	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4348	Lê Thị Trà	My	25-07-04	61115821	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4349	Nghiêm Lan	Nhi	17-02-04	61115822	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4350	Nghiêm Minh	Tú	02-04-04	61115823	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4351	Nghiêm Văn	Hung	17-07-04	61115824	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4352	Ngô Minh	Đăng	05-01-04	61115825	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4353	Ngô Minh	Tâm	01-10-04	61115826	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4354	Ngô Thanh	Hằng	21-03-04	61115827	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4355	Nguyễn Bảo	Ngọc	22-01-04	61115828	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4356	Nguyễn Gia	Khánh	06-06-04	61115829	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4357	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	14-08-04	61115830	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4358	Nguyễn Hoàng Bảo	Huy	02-12-04	61115831	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4359	Nguyễn Hồng	Hoa	17-05-04	61115832	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4360	Nguyễn Hữu Long	Hải	11-09-04	61115833	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4361	Nguyễn Khánh	Huyền	28-05-04	61115834	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4362	Nguyễn Minh	Tâm	26-07-04	61115835	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4363	Nguyễn Ngọc	Hà	01-09-04	61115836	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4364	Nguyễn Phương	Uyên	03-11-04	61115837	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 17	Ca 5 (16h30-18h)
4365	Nguyễn Quang	Anh	09-05-04	61115838	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4366	Nguyễn Quý	Thịnh	01-05-04	61115839	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4367	Nguyễn Quỳnh	Chi	07-04-04	61115840	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4368	Nguyễn Quỳnh	Chi	04-07-04	61115841	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4369	Nguyễn Thảo	Nguyên	25-09-04	61115842	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4370	Nguyễn Thị Minh	Anh	11-03-04	61115843	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4371	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	27-04-04	61115844	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4372	Nguyễn Văn	Đại	13-04-04	61115845	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4373	Nguyễn Việt	Kiên	13-08-04	61115846	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4374	Nguyễn Việt	Anh	12-03-04	61115847	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4375	Phạm Hà	Vy	07-10-04	61115848	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4376	Phạm Thùy	Linh	15-08-04	61115849	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4377	Phan Thị Khánh	Huyền	01-02-04	61115850	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4378	Phan Văn Đăng	Khoa	17-02-04	61115851	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4379	Phùng Phương	Thanh	04-06-04	61115852	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4380	Tô Tôn	San	01-05-04	61115853	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4381	Trần Nguyễn Hải	Đăng	14-10-04	61115854	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4382	Trần Thị Thuý	Hiền	04-02-04	61115855	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4383	Trần Trung	Hiếu	06-10-04	61115856	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4384	Trịnh Diệu	Linh	24-07-04	61115857	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4385	Trịnh Minh	Đức	14-10-04	61115858	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4386	Vũ Hải	Nam	19-12-04	61115859	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4387	Vũ Lê Minh	Hiếu	01-08-04	61115860	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4388	Vũ Lương Duyên	13-01-04	61115861	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 18	Ca 5 (16h30-18h)
4389	Vũ Thị Ngọc Huyền	20-06-04	61115862	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4390	Vy Hòa An	03-08-04	61115863	7A0	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4391	Bùi Hải Yến	02-09-04	61115864	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4392	Bùi Việt Anh	07-09-04	61115865	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4393	Đặng Quốc Khánh	27-09-04	61115866	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4394	Đặng Thái Thuỳ Linh	26-07-04	61115867	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4395	Đặng Thị Châu Anh	16-11-04	61115868	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4396	Đinh Ngân Hà	31-03-04	61115869	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4397	Đỗ Đức Hoàng Ân	28-04-04	61115870	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4398	Đỗ Hải Đăng	06-11-04	61115871	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4399	Đỗ Hoàng Giang Nam	20-06-04	61115872	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4400	Đỗ Phương Nhi	30-07-04	61115873	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4401	Đỗ Thu Hương	19-08-04	61115874	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4402	Đỗ. T Lan Hương	05-08-04	61115875	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4403	Đoàn Phương Lan	18-07-04	61115876	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4404	Lưu Thị Mai Hương		61115877	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4405	Nghiêm Bá Quang Anh	31-07-04	61115878	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4406	Nghiêm Thanh Nhân	06-02-04	61115879	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4407	Nghiêm Xuân Vân Anh	05-11-04	61115880	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4408	Ngô Minh Hằng	13-03-04	61115881	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4409	Nguyễn Anh Duy	20-03-04	61115882	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4410	Nguyễn Bá Đức Anh	09-11-04	61115883	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4411	Nguyễn Diễm Hương	07-12-04	61115884	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4412	Nguyễn Đức Huy	02-02-04	61115885	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 19	Ca 5 (16h30-18h)
4413	Nguyễn Hương Giang	07-01-04	61115886	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4414	Nguyễn Kim Long	06-12-04	61115887	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4415	Nguyễn Minh Tâm	29-07-04	61115888	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4416	Nguyễn Ngọc Kim Chi	09-11-04	61115889	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4417	Nguyễn Phương Thanh	03-07-04	61115890	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4418	Nguyễn Quang Minh	04-11-04	61115891	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4419	Nguyễn Thanh Phương	05-09-04	61115892	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4420	Nguyễn Thế Hà	03-08-04	61115893	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4421	Nguyễn Thu Phương	29-03-04	61115894	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4422	Nguyễn Thu Phương	29-06-04	61115895	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4423	Nguyễn Tiến Lộc	06-10-04	61115896	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4424	Nguyễn Trang Anh	20-07-03	61115897	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4425	Nguyễn Văn Đạt	30-09-04	61115898	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4426	Nguyễn Văn Đồng	13-04-04	61115899	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4427	Phạm Hoài Anh	16-10-04	61115900	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4428	Phạm Thế Huy	19-03-04	61115901	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4429	Phạm Thị Thùy Dương	21-10-04	61115902	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4430	Phạm Văn Đông	19-01-04	61115903	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4431	Trần Bùi Đức Huy	16-01-04	61115904	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4432	Trần Cẩm Ly	06-08-04	61115905	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4433	Trần Duy Đăng Khoa		61115906	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4434	Trần Hải Anh	25-08-04	61115907	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4435	Trần Minh Tiến	11-09-04	61115908	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4436	Trần Phương Uyên	10-10-04	61115909	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 20	Ca 5 (16h30-18h)
4437	Vũ Tú Quỳnh	06-11-04	61115910	7A1	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4438	Bùi Hữu Lộc	28-09-04	61115911	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4439	Bùi Minh Hiền	03-09-04	61115912	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4440	Bùi Ngọc Quý	21-03-04	61115913	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4441	Bùi Văn Quỳnh	20-03-04	61115914	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4442	Đặng Tuấn Cường	25-05-04	61115915	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4443	Đào Duy Phong	28-02-04	61115916	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4444	Đỗ Mai Bảo Anh	13-09-04	61115917	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4445	Lê Trung Kiên	14-12-04	61115918	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4446	Nghiêm Bá Hùng	12-08-04	61115919	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4447	Nghiêm Thị Thu Hồng	09-03-04	61115920	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4448	Nghiêm Trang Nhung	17-03-04	61115921	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4449	Nguyễn Anh Quân	12-11-04	61115922	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4450	Nguyễn Anh Tài	08-11-04	61115923	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4451	Nguyễn Bá Tiến Dũng	14-01-04	61115924	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4452	Nguyễn Chí Minh	13-04-04	61115925	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4453	Nguyễn Đăng Sơn	11-10-04	61115926	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4454	Nguyễn Diệp Anh	29-10-04	61115927	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4455	Nguyễn Đình An	14-08-04	61115928	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4456	Nguyễn Duy Hiếu	15-07-04	61115929	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4457	Nguyễn Hồng Minh	23-07-04	61115930	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4458	Nguyễn Hữu Đồng	28-09-04	61115931	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4459	Nguyễn Hữu Đức	13-09-04	61115932	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4460	Nguyễn Hữu Trường An	28-09-04	61115933	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 21	Ca 5 (16h30-18h)
4461	Nguyễn Khánh Duyên	09-06-04	61115934	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4462	Nguyễn Khánh Linh	04-07-04	61115935	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4463	Nguyễn Lan Hương	16-06-04	61115936	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4464	Nguyễn Minh Anh	15-07-04	61115937	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4465	Nguyễn Minh Đức	14-04-04	61115938	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4466	Nguyễn Phú	Hảo	15-04-04	61115939	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4467	Nguyễn T.Thanh	Tâm	07-03-04	61115940	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4468	Nguyễn Thế	Mạnh	10-09-04	61115941	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4469	Nguyễn Thị	Hiền	26-10-04	61115942	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4470	Nguyễn Thu	Trang	18-07-04	61115943	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4471	Nguyễn Viết	Đạt	12-02-04	61115944	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4472	Nguyễn Xuân	Tùng	31-12-04	61115945	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4473	Nguyễn Xuân Hoàng	Hải	01-07-04	61115946	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4474	Phạm Duy	Mạnh	20-08-04	61115947	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4475	Phạm Ngọc	Thắng	28-09-04	61115948	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4476	Phạm Thị Phương	Thảo	23-07-04	61115949	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4477	Tô Lâm	Khải	11-10-04	61115950	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4478	Trần Thanh	Yến	21-04-04	61115951	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4479	Trần Thành	Long	15-07-04	61115952	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4480	Trần Thảo	Phương	17-09-04	61115953	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4481	Trần Thị Nguyệt	Ánh	07-04-04	61115954	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4482	Trần Trung	Thành	22-10-04	61115955	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4483	Trần Việt	Hoàng	28-09-04	61115956	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4484	Vũ Tiến	Trường	28-09-04	61115957	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 22	Ca 5 (16h30-18h)
4485	Vương Văn	Bảo	23-07-04	61115958	7A2	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4486	Bùi Hồng	Anh	10-10-04	61115959	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4487	Đinh Thành	Đạt	23-06-04	61115960	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4488	Đỗ Anh	Tài	18-08-04	61115961	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4489	Đỗ Huy	Phi	19-04-04	61115962	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4490	Đỗ Khánh	Huyền	10-10-04	61115963	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4491	Đỗ Khánh	Ly	16-08-04	61115964	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4492	Đỗ Mai	Lam	15-11-04	61115965	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4493	Đỗ Nguyệt	Ánh	18-10-04	61115966	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4494	Đỗ Tiến	Đạt	09-05-04	61115967	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4495	Dương Thị Hà	Linh	29-05-04	61115968	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4496	Lê Danh Đại	Son	22-01-04	61115969	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4497	Lê Thiêm	Quân	22-10-04	61115970	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4498	Lương Quỳnh	Anh	30-09-04	61115971	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4499	Nghiêm Hữu	Dũng	06-05-04	61115972	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4500	Nghiêm Thuý	Phương	12-04-04	61115973	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4501	Nghiêm Văn Minh	Hiếu	02-05-04	61115974	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4502	Nguyễn Đình Minh	Tuấn	06-12-04	61115975	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4503	Nguyễn Hòa	Bình	11-08-04	61115976	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4504	Nguyễn Hoàng	An	03-03-04	61115977	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4505	Nguyễn Hồng	Linh	10-04-04	61115978	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4506	Nguyễn Hữu	Cường	10-06-04	61115979	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4507	Nguyễn Hữu	Hiền	23-09-04	61115980	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4508	Nguyễn Ngọc	Đức	25-06-04	61115981	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 23	Ca 5 (16h30-18h)
4509	Nguyễn Phan	Dương	05-09-04	61115982	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4510	Nguyễn T Thuý	Dung	18-10-04	61115983	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4511	Nguyễn Thanh	Bình	08-05-04	61115984	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4512	Nguyễn Thị Anh	Thơ	23-03-04	61115985	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4513	Nguyễn Thị Phương	Trang	16-03-04	61115986	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4514	Nguyễn Thị Tố	Anh	14-11-04	61115987	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4515	Nguyễn Thu	Thuý	21-09-04	61115988	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4516	Nguyễn Văn	Mạnh	10-07-04	61115989	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4517	Nguyễn Việt	Long	07-11-04	61115990	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4518	Tạ Thị Bạch	Dương	22-06-04	61115991	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4519	Tổng Xuân	Nghĩa	10-08-04	61115992	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4520	Trần Đăng	Bách	04-10-04	61115993	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4521	Trần Đăng	Hiếu	19-02-04	61115994	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4522	Trần Đăng	Hùng	19-07-04	61115995	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4523	Trần Đức	Mạnh	10-02-04	61115996	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4524	Trần Hải	Anh	29-12-04	61115997	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4525	Triệu Bảo	Nguyễn	06-12-04	61115998	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4526	Trịnh Thái	Sơn	17-09-04	61115999	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4527	Trương Đức Minh	Hoàng	12-10-04	61116000	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4528	Vũ Đức	Sơn	15-09-04	61116001	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4529	Vũ Thành	Đạt	11-02-04	61116002	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4530	Vũ Thị Vân	Anh	24-08-15	61116003	7A3	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4531	Bùi Hương	Giang	21-01-04	61116004	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4532	Bùi Xuân	Quang	24-08-15	61116005	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 24	Ca 5 (16h30-18h)
4533	Đỗ Thị	Trang	06-10-04	61116006	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4534	Đỗ Thị Vân	Anh	14-03-04	61116007	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4535	Đỗ Tú	Anh	02-02-04	61116008	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4536	Đỗ Văn	Phước	08-08-04	61116009	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4537	Hà Đình Thanh	Phúc	26-03-04	61116010	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4538	Hoàng Mai	Linh	29-01-04	61116011	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4539	Hoàng Nhật	Phương	07-12-04	61116012	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4540	Hứa Xuân	Mai	13-01-04	61116013	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4541	Lê Hồng	Quân	10-07-04	61116014	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4542	Lưu Thu	Trang	24-01-04	61116015	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4543	Nghiêm Gia	Nam	19-11-04	61116016	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4544	Nguyễn Anh Tú	26-08-04	61116017	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4545	Nguyễn Đỗ Trường An	20-01-04	61116018	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4546	Nguyễn Đức Anh	03-07-04	61116019	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4547	Nguyễn Gia Đạt	12-07-04	61116020	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4548	Nguyễn Gia Quyết	09-01-04	61116021	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4549	Nguyễn Hoàng An	09-07-04	61116022	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4550	Nguyễn Hoàng Trung	12-08-04	61116023	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4551	Nguyễn Hoàng Lê Huy	25-01-04	61116024	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4552	Nguyễn Hồng Hải	27-05-04	61116025	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4553	Nguyễn Hồng Ngát	03-02-04	61116026	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4554	Nguyễn Hương Linh	22-08-04	61116027	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4555	Nguyễn Khánh Toàn	13-05-04	61116028	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4556	Nguyễn Linh Chi	20-02-04	61116029	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 25	Ca 5 (16h30-18h)
4557	Nguyễn Linh Chi	13-05-04	61116030	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4558	Nguyễn Phú Đăng	15-05-04	61116031	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4559	Nguyễn Quỳnh Anh	24-01-04	61116032	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4560	Nguyễn Quỳnh Trang	22-12-04	61116033	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4561	Nguyễn Thanh Tùng	10-12-04	61116034	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4562	Nguyễn Thị Nhung	31-12-03	61116035	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4563	Nguyễn Thị Tuyết	04-08-04	61116036	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4564	Nguyễn Thị Trà My	11-10-04	61116037	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4565	Nguyễn Thu Quyên	16-08-04	61116038	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4566	Nguyễn Thùy Linh	28-10-04	61116039	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4567	Nguyễn Tiến Dũng	21-09-04	61116040	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4568	Nguyễn Trọng Nghĩa	24-09-04	61116041	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4569	Nguyễn Văn Toàn	19-11-04	61116042	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4570	Nguyễn Văn Trường	Nam	18-04-04	61116043	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4571	Nguyễn Viết	Đức	12-12-04	61116044	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4572	Nguyễn Xuân	Chinh	10-11-04	61116045	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4573	Nguyễn Xuân	Trà	10-11-04	61116046	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4574	Nguyễn Xuân	Tùng	15-06-04	61116047	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4575	Nguyễn Xuân Hà	Khánh	11-06-04	61116048	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4576	Nguyễn Yên	Nhi	25-10-04	61116049	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4577	Phạm Thị Trà	My	04-11-04	61116050	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4578	Phan Đức	Duy	20-09-04	61116051	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4579	Trần Văn	Long	27-12-04	61116052	7A6	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4580	Khuất Yên	Nhi	24-08-2002	61116053	9D	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 26	Ca 5 (16h30-18h)
4581	Nguyễn Trần Thu	Trang	08-11-2002	61116054	9D	THCS Tây Mỗ	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4582	Chu Thị Kiều	Trang	05-06-05	61116055	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4583	Đặng Xuân	Tới	06-09-05	61116056	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4584	Đào Mạnh	Hùng	23-02-04	61116057	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4585	Đoàn Thị Huyền	Trang	16-07-05	61116058	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4586	Lê Nguyễn Tùng	Anh	23-01-05	61116059	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4587	Lê Trung	Kiên	05-02-05	61116060	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4588	Lương Việt	Hoàng	28-07-05	61116061	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4589	Mai Quỳnh	Hương	14-04-05	61116062	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4590	Ngô Triệu	Nhi	28-01-05	61116063	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4591	Nguyễn Cảnh	Duy	12-05-05	61116064	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4592	Nguyễn Đình	Triệu	09-01-05	61116065	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4593	Nguyễn Khánh	Lâm	23-08-05	61116066	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4594	Nguyễn Lan	Anh	06-07-05	61116067	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4595	Nguyễn Minh	Nguyệt	23-03-05	61116068	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4596	Nguyễn Minh	Trang	22-04-05	61116069	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4597	Nguyễn Ngọc	Linh	10-09-05	61116070	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4598	Nguyễn Quang	Huy	23-06-05	61116071	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4599	Nguyễn Quỳnh	Anh	06-07-05	61116072	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4600	Nguyễn Thị Minh	Thảo	26-09-05	61116073	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4601	Nguyễn Thị Thùy	Dương	15-04-05	61116074	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4602	Nguyễn Thu	Chúc	29-04-05	61116075	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4603	Nguyễn Thu	Hằng	26-10-05	61116076	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4604	Nguyễn Văn	Hải	14-01-05	61116077	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 27	Ca 5 (16h30-18h)
4605	Nguyễn Văn	Hoàng	05-11-05	61116078	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4606	Nguyễn Xuân	Vinh	30-06-05	61116079	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4607	Phạm Lan	Anh	15-11-05	61116080	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4608	Tạ Huyền	Linh	06-11-05	61116081	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4609	Tạ Quang	Phương	27-06-05	61116082	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4610	Tạ Thị Thu	Trang	22-05-05	61116083	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4611	Trần Hoàng	Anh	24-11-05	61116084	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4612	Trịnh Thị Kiều	Giang	28-01-05	61116085	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4613	Vũ Hoàng	Minh	06-11-05	61116086	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4614	Vương Xuân	Tùng	09-09-05	61116087	6A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4615	Bùi Ngọc	Lâm	25-11-05	61116088	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4616	Đặng Thị Nguyệt	Anh	29-03-05	61116089	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4617	Đào Minh	Anh	04-06-05	61116090	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4618	Đào Trung	Kiên	19-10-05	61116091	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4619	Đào Tuấn	Hung	14-01-04	61116092	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4620	Đỗ Hương	Trà	22-08-05	61116093	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4621	Lê Diệu	Thu	17-09-05	61116094	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4622	Lê Thị Diệu	Ninh		61116095	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4623	Mai Trung	Kiên	07-09-05	61116096	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4624	Ngô Tuấn	Tài	07-04-05	61116097	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4625	Nguyễn Ánh	Nguyệt	25-05-05	61116098	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4626	Nguyễn Bảo	Long	27-12-04	61116099	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4627	Nguyễn Chu Nhật	Linh	01-12-05	61116100	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4628	Nguyễn Hữu	Tuấn	12-08-05	61116101	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 28	Ca 5 (16h30-18h)
4629	Nguyễn Lâm	Anh	06-03-05	61116102	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4630	Nguyễn Ngọc Bảo	Son	30-11-05	61116103	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4631	Nguyễn Quang	Huy	21-05-04	61116104	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4632	Nguyễn Quang	Vinh	17-12-05	61116105	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4633	Nguyễn Thị	Dịu	18-09-05	61116106	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4634	Nguyễn Thị Hương	Trà	13-10-05	61116107	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4635	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	16-10-05	61116108	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4636	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21-11-05	61116109	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4637	Nguyễn Thu	Huyền	16-12-05	61116110	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4638	Nguyễn Từ	Quân	15-03-05	61116111	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4639	Nguyễn Tuấn	Anh	22-02-05	61116112	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4640	Nguyễn Tuấn	Dương	06-05-05	61116113	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4641	Nguyễn Văn	Chung	06-01-05	61116114	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4642	Nguyễn Văn	Tú	13-01-05	61116115	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4643	Nguyễn Viết	Đức	12-05-05	61116116	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4644	Nguyễn Xuân	Nam	04-02-05	61116117	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4645	Phạm Diệu	Ngân	11-08-05	61116118	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4646	Tạ Quang	Tiến	01-03-05	61116119	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4647	Tạ Thanh	Thư	06-12-05	61116120	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4648	Tạ Thị Chi	22-07-05	61116121	6A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4649	Đàm Viết Thành	21-03-05	61116122	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4650	Đào Quang Minh	17-06-05	61116123	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4651	Đỗ Phương Anh		61116124	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4652	Đoàn Thu An	24-08-05	61116125	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 29	Ca 5 (16h30-18h)
4653	Hà Thị Linh	10-11-05	61116126	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4654	Hoàng Thị Linh	17-11-05	61116127	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4655	Lại Trung Kiên	17-02-05	61116128	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4656	Lê Như Quỳnh	28-08-05	61116129	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4657	Lê Sơn Bảo Ngọc	21-12-05	61116130	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4658	Lê Sơn Lam Ngọc	21-12-05	61116131	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4659	Lưu Nhật Khánh Ly	24-09-05	61116132	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4660	Nguyễn Đắc Hoàng Duy	25-11-05	61116133	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4661	Nguyễn Diệu Linh	17-12-05	61116134	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4662	Nguyễn Khánh Ngọc	26-05-05	61116135	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4663	Nguyễn Lan Hương	27-01-05	61116136	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4664	Nguyễn Minh Khánh	10-07-05	61116137	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4665	Nguyễn Ngọc Hân	13-09-05	61116138	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4666	Nguyễn Quỳnh Phương	20-08-05	61116139	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4667	Nguyễn Thành Đạt	29-09-05	61116140	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4668	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	31-10-05	61116141	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4669	Nguyễn Thu Hà	17-07-05	61116142	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4670	Nguyễn Việt Anh	26-04-05	61116143	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4671	Nguyễn Vũ Khánh Huyền	22-04-05	61116144	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4672	Phạm Anh Minh	25-07-05	61116145	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4673	Phạm Ánh Nguyệt	28-04-05	61116146	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4674	Tạ Minh	Huyền	07-07-05	61116147	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4675	Tô Mai	Phương	11-09-05	61116148	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4676	Tô Minh	Thái	13-07-05	61116149	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 30	Ca 5 (16h30-18h)
4677	Trần Đăng	Quang	06-04-05	61116150	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4678	Trần Hà	Mi	27-01-05	61116151	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4679	Trần Trà	Giang	14-07-05	61116152	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4680	Trịnh Thanh	Huyền	29-11-05	61116153	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4681	Vũ Kim	Anh	01-11-05	61116154	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4682	Vương Việt	Thanh	22-03-05	61116155	6A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4683	Bùi Đức	Huy	13-12-05	61116156	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4684	Bùi Giang	Tâm	04-03-05	61116157	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4685	Bùi Văn	Cường	09-01-05	61116158	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4686	Đặng Hồng	Đức	09-10-05	61116159	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4687	Đào Thị Minh	San	13-03-05	61116160	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4688	Đào Thị Ngọc	Ánh	04-02-05	61116161	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4689	Đinh Thuận	Khang	19-05-05	61116162	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4690	Đoàn Hải	Anh	12-07-05	61116163	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4691	Lê Hồng	Phong	03-08-05	61116164	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4692	Lê Quỳnh	Anh	26-02-05	61116165	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4693	Lê Thanh	Hà	17-10-05	61116166	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4694	Lưu Trường	Giang	24-10-05	61116167	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4695	Nguyễn Anh	Thư	20-01-05	61116168	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4696	Nguyễn Đắc	Cường	28-11-05	61116169	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4697	Nguyễn Đắc Đại	Dương	18-04-05	61116170	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4698	Nguyễn Đình Bảo	Phúc	20-07-05	61116171	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4699	Nguyễn Đình Hà	Chi	30-09-05	61116172	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4700	Nguyễn Hữu Hoàng	Anh	26-05-05	61116173	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 31	Ca 5 (16h30-18h)
4701	Nguyễn Khánh	Duy	09-05-05	61116174	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4702	Nguyễn Nhật	Linh	27-02-05	61116175	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4703	Nguyễn Quý Ngọc	Minh	25-12-05	61116176	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4704	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	03-06-05	61116177	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4705	Nguyễn Thục	Mai	24-10-05	61116178	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4706	Nguyễn Trà	My	04-09-05	61116179	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4707	Nguyễn Trang	Như	08-07-05	61116180	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4708	Nguyễn Tuấn	Nam	21-11-05	61116181	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4709	Nguyễn Văn	Khánh	29-05-05	61116182	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4710	Nguyễn Viết	Thành	12-12-05	61116183	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4711	Phạm Thu	Hằng	09-08-05	61116184	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4712	Phạm Vũ Thảo	Chi	28-09-05	61116185	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4713	Tạ Thanh	Thùy	13-06-05	61116186	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4714	Trần Quỳnh	Trang	08-08-05	61116187	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4715	Trần Tường	Vy	01-11-05	61116188	6A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4716	Bùi Anh	Vinh	09-12-04	61116189	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4717	Đàm Đức	Khoa	12-10-05	61116190	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4718	Đặng Hiền	Nhi	16-10-05	61116191	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4719	Đặng Quốc	Cường	18-11-05	61116192	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4720	Đào Kiều	Anh	18-06-05	61116193	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4721	Đào Minh	Nguyệt	25-05-05	61116194	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4722	Đào Quang	Minh	16-06-05	61116195	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4723	Đỗ Hoàn	Thành	04-02-05	61116196	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4724	Đỗ Minh	Nguyễn	06-09-05	61116197	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 32	Ca 5 (16h30-18h)
4725	Dương Xuân	Đức	17-06-05	61116198	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4726	Lê Hồng	Đăng	26-09-05	61116199	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4727	Lê Phương	Anh	05-08-05	61116200	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4728	Lương Huy	Vũ	14-12-05	61116201	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4729	Nguyễn Đình Trung	Hiếu	07-12-05	61116202	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4730	Nguyễn Hoàng	Anh	24-09-05	61116203	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4731	Nguyễn Hồng	Vĩnh	05-02-05	61116204	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4732	Nguyễn Khánh	Phong	31-07-05	61116205	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4733	Nguyễn Lê	Hoàng	26-09-05	61116206	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4734	Nguyễn Lê	Huy	26-09-05	61116207	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4735	Nguyễn Mạnh	Hiếu	24-05-05	61116208	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4736	Nguyễn Ngọc	Đồng	24-01-05	61116209	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4737	Nguyễn Thành	Công	17-11-05	61116210	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4738	Nguyễn Thành	Tâm	08-11-05	61116211	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4739	Nguyễn Thị	Hằng	12-01-05	61116212	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4740	Nguyễn Thị	Thùy	23-09-05	61116213	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4741	Nguyễn Tiến Anh	Quân	14-10-05	61116214	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4742	Nguyễn Văn	Quang	29-07-05	61116215	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4743	Nguyễn Yên	Nhi	20-08-05	61116216	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4744	Phạm Thùy	Dương	07-01-05	61116217	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4745	Phạm Trung	Hiếu	20-06-05	61116218	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4746	Trần Hồng	Vinh	28-12-05	61116219	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4747	Trần Thúy	Nga	31-05-05	61116220	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4748	Triệu Tuyết	Nhung	10-03-05	61116221	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 33	Ca 5 (16h30-18h)
4749	Vũ Thu	Hà	22-01-05	61116222	6A5	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4750	Bùi Minh	Hằng	17-01-04	61116223	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4751	Cao Thị Thùy	Trang	31-12-04	61116224	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4752	Đào Đăng	Thêm	07-01-04	61116225	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4753	Đào Đăng	Thuận	14-09-04	61116226	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4754	Đào Ngọc	Chiến	21-07-04	61116227	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4755	Đào Thùy	Linh	26-11-04	61116228	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4756	Đào Việt	Hoàng	05-11-04	61116229	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4757	Đỗ Thị	Ánh	23-09-04	61116230	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4758	Đỗ Thị Nguyệt	Hằng	20-09-04	61116231	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4759	Hồ Sỹ	Quốc	22-10-04	61116232	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4760	Hồ Vĩnh	Dương	23-12-04	61116233	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4761	Lại Trung	Nguyên	20-11-04	61116234	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4762	Lê Đình Đức	Toàn	03-08-04	61116235	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4763	Lê Hải	Đạt	18-04-04	61116236	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4764	Lê Trần Khôi	Nguyên	07-12-04	61116237	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4765	Lý Diễm	Quỳnh	06-12-04	61116238	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4766	Mai Văn	Hiếu	09-05-04	61116239	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4767	Ngô Hiền	Vinh	03-11-04	61116240	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4768	Nguyễn Đức	Long	28-05-03	61116241	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4769	Nguyễn Duy	Đức	07-04-04	61116242	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4770	Nguyễn Duy	Khánh	06-11-04	61116243	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4771	Nguyễn Hoàng	Long	17-12-04	61116244	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4772	Nguyễn Quang	Duy	18-06-04	61116245	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 34	Ca 5 (16h30-18h)
4773	Nguyễn Thu	Huyền	03-12-04	61116246	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4774	Nguyễn Thùy	Linh	29-09-04	61116247	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4775	Nguyễn Tiến	Đạt	18-07-04	61116248	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4776	Nguyễn Tiến	Đạt	13-10-04	61116249	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4777	Nguyễn Tiến Duy	Anh	18-08-04	61116250	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4778	Nguyễn Trang	Nhung	04-09-04	61116251	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4779	Nguyễn Trung	Hiếu	12-07-04	61116252	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4780	Nguyễn Viết	Phương	09-10-04	61116253	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4781	Trần Bảo	Ngọc	22-05-04	61116254	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4782	Trần Huy	Vũ	13-10-04	61116255	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4783	Trần Minh	Quân	12-10-04	61116256	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4784	Trần Thị Khánh	Linh	14-10-04	61116257	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4785	Trần Thị Thu	Hằng	26-08-04	61116258	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4786	Trương Đình	Thịnh	29-11-04	61116259	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4787	Vũ Minh	Hiếu	07-07-04	61116260	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4788	Vương Toàn	Quyền	02-02-04	61116261	7A1	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4789	Bùi Đức	Duẩn	13-10-04	61116262	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4790	Cao Trọng	Khiêm	26-05-04	61116263	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4791	Đặng Thành	Nam	28-04-04	61116264	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4792	Đào Đăng	Khải	20-02-04	61116265	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4793	Đào Ngọc	Ly	21-08-04	61116266	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4794	Đào Tuấn	Dũng	11-11-04	61116267	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4795	Diệp Xuân	Bình	07-10-04	61116268	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4796	Đinh Quang	Trung	18-08-04	61116269	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 35	Ca 5 (16h30-18h)
4797	Đỗ Đức	Thanh	08-12-03	61116270	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4798	Hoàng Đức	Thắng	23-02-04	61116271	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4799	Lê Hồng	Ngân	10-02-04	61116272	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4800	Lê Ngọc	Nhi	22-08-04	61116273	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4801	Lê Thanh	Ngân	13-12-04	61116274	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4802	Nguyễn Đình	Trung	05-06-04	61116275	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4803	Nguyễn Đức	Mạnh	17-08-04	61116276	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4804	Nguyễn Mạnh Đạt	13-05-04	61116277	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4805	Nguyễn Minh Hồng	25-09-04	61116278	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4806	Nguyễn Phương Anh	10-10-03	61116279	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4807	Nguyễn Phương Nhi	18-10-04	61116280	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4808	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	28-11-04	61116281	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4809	Nguyễn Thị Thu Anh	03-10-04	61116282	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4810	Nguyễn Thu Hà	22-03-04	61116283	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4811	Nguyễn Thu Hương	25-10-04	61116284	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4812	Nguyễn Tùng Dương	17-12-04	61116285	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4813	Nguyễn Tường Vương Quang	25-04-04	61116286	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4814	Phạm Đăng Minh	06-12-04	61116287	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4815	Phạm Hà Phương	03-09-04	61116288	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4816	Phạm Khánh Hoàng	13-10-04	61116289	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4817	Phạm Ngọc Đoan Trang	24-10-03	61116290	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4818	Phạm Nguyễn Linh Nhi	15-08-04	61116291	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4819	Phạm Thị Liễu	25-04-04	61116292	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4820	Phan Bảo Trung	05-04-04	61116293	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 36	Ca 5 (16h30-18h)
4821	Tô Ngọc Thành	07-10-04	61116294	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4822	Trần Thùy Anh	23-05-03	61116295	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4823	Trương Đức Mạnh	28-09-04	61116296	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4824	Trương Thúy Quỳnh	12-11-03	61116297	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4825	Võ Trung Anh	13-12-03	61116298	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4826	Vũ Hoàng Hiệp	30-03-04	61116299	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4827	Vũ Hoàng Tuấn Minh	06-11-04	61116300	7A2	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4828	Đào Đăng Khải	02-11-04	61116301	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4829	Đào Linh Phụng	14-05-04	61116302	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4830	Đào Minh	Tiến	16-01-04	61116303	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4831	Đào Ngọc Hương	Giang	25-04-04	61116304	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4832	Đào Thị Hồng	Thắm	09-05-04	61116305	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4833	Đoàn Mạnh	Hùng	23-01-04	61116306	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4834	Hoàng Xuân	Dũng	28-11-04	61116307	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4835	Hồng Thanh	Hằng	13-05-04	61116308	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4836	Lã Thị Mai	Linh	15-04-04	61116309	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4837	Lê Công Việt	Anh	15-12-04	61116310	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4838	Lê Đình	Trượng	03-01-04	61116311	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4839	Lê Thu	Thảo	27-07-04	61116312	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4840	Ngô Ngọc	Mai	15-09-04	61116313	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4841	Ngô Tùng	Anh	20-07-04	61116314	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4842	Nguyễn Đình	Việt	07-04-04	61116315	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4843	Nguyễn Hoàng	Son	01-09-04	61116316	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4844	Nguyễn Hoàng Phương	Uyên	04-06-04	61116317	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 37	Ca 5 (16h30-18h)
4845	Nguyễn Hồng	Dương	12-12-04	61116318	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4846	Nguyễn Hồng	Ngọc	21-06-04	61116319	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4847	Nguyễn Mai	Linh	23-09-04	61116320	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4848	Nguyễn Minh	Ánh	25-01-04	61116321	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4849	Nguyễn Ngọc	Bích	02-03-04	61116322	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4850	Nguyễn Phúc	Tân	09-09-04	61116323	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4851	Nguyễn Thị	Hiền	14-12-04	61116324	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4852	Nguyễn Thị	Thúy	30-12-04	61116325	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4853	Phạm Thảo Hương	Ly	01-08-04	61116326	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4854	Tạ Văn	Thanh	21-06-04	61116327	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4855	Trần Đức	Hải	09-09-04	61116328	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4856	Trần Hoài	An	27-10-04	61116329	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4857	Trần Sơn	Tùng	12-08-04	61116330	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4858	Trần Thị Thanh	Tâm	11-08-04	61116331	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4859	Trần Triệu	Phong	29-08-04	61116332	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4860	Triệu Khoa	Nguyễn	02-01-04	61116333	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4861	Võ Tuấn	Nhật	28-02-04	61116334	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4862	Vũ Thị Hải	Yến	23-02-04	61116335	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4863	Vũ Thị Yến	Nhi	18-05-04	61116336	7A3	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4864	Đào Đăng	Quang	14-01-04	61116337	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4865	Đào Hoàng Minh	Thu	16-05-04	61116338	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4866	Đào Tuyết	Mai	13-06-04	61116339	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4867	Đỗ Thu	Huyền	24-04-04	61116340	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4868	Đoàn Thành	Nam	12-06-03	61116341	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 38	Ca 5 (16h30-18h)
4869	Lã Phú	Thành	17-09-04	61116342	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4870	Lê Khánh	Huyền	27-04-04	61116343	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4871	Lê Thúy	Hiền	12-12-04	61116344	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4872	Lê Vũ	Đăng	04-12-04	61116345	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4873	Lợi Anh	Linh	17-05-04	61116346	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4874	Ngô Quang	Huy	02-02-04	61116347	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4875	Nguyễn Đắc	Mạnh	04-01-04	61116348	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4876	Nguyễn Đức	Trung	14-06-04	61116349	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4877	Nguyễn Hoàng	Long	01-01-04	61116350	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4878	Nguyễn Hồng	Phúc	28-12-04	61116351	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4879	Nguyễn Hữu Đức	Anh	07-11-04	61116352	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4880	Nguyễn Lê Mai	Trang	08-02-04	61116353	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4881	Nguyễn Lê Phương	Linh	26-09-04	61116354	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)

STT No.	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Số báo danh	Lớp Class	Tên Trường School	Quận District	Thành phố City	Phòng thi	Ca thi
4882	Nguyễn Minh	Việt	15-12-04	61116355	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4883	Nguyễn Ngọc	Nhi	28-01-04	61116356	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4884	Nguyễn Nhật	Nam	28-05-04	61116357	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4885	Nguyễn Phúc	Nguyễn	19-09-04	61116358	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4886	Nguyễn Thành	An	09-08-04	61116359	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4887	Nguyễn Thị Minh	Huyền	09-07-04	61116360	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4888	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	09-11-04	61116361	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4889	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	20-09-04	61116362	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4890	Nguyễn Thùy	Linh	03-05-04	61116363	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4891	Nguyễn Xuân	Dũng	15-08-04	61116364	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4892	Nguyễn Xuân	Hoàng	13-04-04	61116365	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 39	Ca 5 (16h30-18h)
4893	Phan Lê Anh	Đức	01-06-03	61116375		Cầu Diễn (Trung tâm Rec Set)	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4894	Nguyễn Xuân	Thành	13-01-04	61116366	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4895	Phạm Ngọc Bảo	Trung	16-07-04	61116367	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4896	Phạm Như	Yến	09-09-04	61116368	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4897	Trần Mạnh	Nguyễn	11-01-04	61116369	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4898	Trần Thị Ngọc	Hà	24-11-04	61116370	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4899	Trần Thị Thu	Ngân	10-12-04	61116371	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4900	Võ Huyền	Anh	03-05-04	61116372	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4901	Vũ Thị Kim	Oanh	16-04-04	61116373	7A4	THCS Trung Văn	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)
4902	Trần Trung	Dũng	05-02-2004	61116374	7A1	THCS Việt Úc Hà Nội	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Phòng thi số 40	Ca 5 (16h30-18h)